

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN**

**GIÁO DỤC TRUNG HỌC 2**

**Tài liệu tập huấn giáo viên**  
**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT**

**Môn: GIÁO DỤC KINH TẾ**  
**VÀ PHÁP LUẬT**

*(Tài liệu lưu hành nội bộ)*

Hà Nội, tháng 7/2022

*Chủ trì biên soạn tài liệu*

- 1. VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**
- 2. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

*Tham gia biên soạn tài liệu*

- 1. PGS. TS. Trần Thị Mai Phương**
- 2. TS. Hoàng Thị Thuận**
- 3. Th.S Nguyễn Thị Việt Hà**

## LỜI NÓI ĐẦU

**C** hương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) là Chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc một trong những Chương trình GDTX được quy định trong Luật Giáo dục 2019. Nội dung Chương trình GDTX cấp THPT tương đương với nội dung của Chương trình Giáo dục phổ thông cùng cấp học.

Nhằm giúp các cơ sở GDTX và giáo viên hiểu rõ về Chương trình GDTX cấp THPT; tổ chức triển khai thực hiện Chương trình có hiệu quả và thống nhất trong toàn quốc, Vụ Giáo dục thường xuyên phối hợp Chương trình phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2 tổ chức biên soạn Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT theo Chương trình GDPT 2018.

Tài liệu nhằm hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy, thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học. Các hoạt động trên đều đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX cấp THPT; có chú trọng đến đối tượng người học; có sự vận dụng phù hợp với điều kiện dạy học của cơ sở giáo dục thường xuyên.

Cấu trúc tài liệu gồm hai phần:

*Phần thứ nhất.* Giới thiệu chung về Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

*Phần thứ hai.* Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, gồm:

*Bài 1.* Giới thiệu chương trình môn học

*Bài 2.* Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài học, tổ chức dạy học.

*Bài 3.* Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới nên tài liệu cũng khó tránh khỏi những khiếm khuyết.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục thường xuyên và các đồng nghiệp để hoàn thiện tài liệu, nhằm phục vụ tốt hơn hoạt động bồi dưỡng giáo viên.

Trân trọng cảm ơn!

**Các tác giả**



## MỤC LỤC

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG .....	9
I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT .....	9
II. MỤC TIÊU .....	10
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC .....	10
1. Yêu cầu về phẩm chất.....	10
2. Yêu cầu về năng lực .....	10
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chủ yếu của HV .....	11
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học.....	16
IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC.....	18
1. Nội dung giáo dục.....	18
2. Thời lượng giáo dục.....	21
V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC .....	22
VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	23
1. Định hướng về phương pháp giáo dục.....	23
2. Hình thức tổ chức dạy học .....	23
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục .....	23
VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT .....	25
1. Về đội ngũ cán bộ quản lí và GV .....	25
2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	26
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....	27
<b>Bài 1. Tìm hiểu chương trình GDTX 2018 cấp THPT môn giáo dục kinh tế và pháp luật .....</b>	<b>27</b>
1. ĐẶC ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....	27
2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....	28

2.1. Mục tiêu chung .....	28
2.2. Mục tiêu cụ thể môn Giáo dục kinh tế và pháp luật .....	28
3. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC .....	29
3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung .....	29
3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù .....	30
4. NỘI DUNG GIÁO DỤC .....	32
4.1. Nội dung khái quát.....	32
4.2. Phân bố các mạch nội dung ở các lớp.....	33
5. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT (CHƯƠNG TRÌNH 2018) VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN (CHƯƠNG TRÌNH 2006) .....	35
6. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH GDTX VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....	36
7. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....	41
<b>Bài 2. Xây dựng KHGD môn giáo dục kinh tế và pháp luật theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.....</b>	<b>43</b>
1. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN.....	43
1.1. Khái niệm Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn .....	43
1.2. Cấu trúc Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn .....	43
1.3. Quy trình xây dựng KHGD của TCM .....	46
2. XÂY DỰNG KHBD MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....	54
2.1. Khái niệm KHBD .....	54
2.2. Yêu cầu đối với việc xây dựng KHBD phát triển năng lực của HV ...	54
2.3. Định hướng cấu trúc KHBD phát triển năng lực HV .....	56
2.4. Quy trình xây dựng KHBD.....	58
2.5. Phân tích, đánh giá KHBD .....	67
3. MỘT SỐ KHDH CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC VÀ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP MINH HỌA MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10.....	69
3.1. Kế hoạch bài dạy mạch kinh tế.....	69
3.2. KHBD mạch Giáo dục pháp luật .....	77
3.3. KHBD chuyên đề Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình.....	86

<b>Bài 3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực môn giáo dục kinh tế và pháp luật .....</b>	<b>96</b>
<b>1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT .....</b>	<b>96</b>
1.1. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong Chương trình GDPT 2018.....	96
1.2. Định hướng đánh giá kết quả học tập của HV trong dạy học môn GD kinh tế và pháp luật.....	97
<b>2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HV THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC .....</b>	<b>98</b>
2.1. Hình thức đánh giá.....	98
2.2. Đánh giá thường xuyên.....	99
2.3. Đánh giá định kì.....	101
2.4. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá .....	102
2.5. Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập.....	109
<b>3. XÂY DỰNG CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HV THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC .....</b>	<b>117</b>
3.1. Câu hỏi.....	117
3.2. Bài tập.....	132
3.3. Bảng kiểm tra.....	137
3.4. Thang đánh giá .....	139
3.5. Bảng đánh giá theo tiêu chí .....	143
<b>4. XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ..</b>	<b>147</b>
4.1. Xây dựng bản đặc tả .....	147
4.2. Xây dựng ma trận đề (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra).....	149
4.3. Cách tính điểm.....	152
4.4. Ví dụ minh họa BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ.....	154

## DANH MỤC VIẾT TẮT

GDĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDPT:	Giáo dục phổ thông
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
GDKT&PL:	Giáo dục kinh tế và pháp luật
GV:	Giáo viên
CBQL:	Cán bộ quản lý
HV:	Học viên
KHDH:	Kế hoạch dạy học
KHBD:	Kế hoạch bài dạy
NL:	Năng lực
GQVĐ&ST:	Giải quyết vấn đề và sáng tạo
KT, ĐG:	Kiểm tra, đánh giá
ĐGTX:	Đánh giá thường xuyên
PPDH:	Phương pháp dạy học
SGK:	Sách giáo khoa
TCM:	Tổ chuyên môn
TTGDTX:	Trung tâm Giáo dục thường xuyên
TTGDNN-GDTX:	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên



**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ  
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN  
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT**

1. Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) là văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục cấp THPT, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học viên (HV), nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng GDTX;

2. Chương trình GDTX cấp THPT được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình GDPT 2018), đồng thời kế thừa và phát triển những ưu điểm của Chương trình GDTX cấp THPT hiện hành theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

3. Chương trình GDTX cấp THPT bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học. Nội dung các môn học của Chương trình GDTX cấp THPT đảm bảo kiến thức cơ bản, cốt lõi tối thiểu về yêu cầu cần đạt và chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học, đồng thời lựa chọn số môn học văn hóa cho phù hợp với khả năng nhận thức của HV và điều kiện thực tế dạy học của các cơ sở GDTX.

4. Nội dung giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT lựa chọn những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong đời sống. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình GDPT 2018 có điều chỉnh

và tinh giảm mức độ kiến thức, chủ yếu là mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; tăng cường bài học hướng dẫn tự học và bổ sung những kiến thức thực hành, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

## **II. MỤC TIÊU**

Chương trình GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

– Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động, nâng cao chất lượng việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

– Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

## **III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

### **1. Yêu cầu về phẩm chất**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### **2. Yêu cầu về năng lực**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học.

### 3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chủ yếu của HV

Những yêu cầu cần đạt cụ thể về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định tại phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT. Các phẩm chất và năng lực đặc thù được quy định tại chương trình môn học.

#### a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HV

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
<b>Yêu nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.</li> <li>– Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> <li>– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.</li> <li>– Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.</li> <li>– Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul>
<b>Nhân ái</b>	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.</li> <li>– Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</li> <li>– Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.</li> </ul>

Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.</li> <li>– Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.</li> </ul>
<b>Chăm chỉ</b>	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.</li> <li>– Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.</li> </ul>
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.</li> <li>– Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.</li> <li>– Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.</li> </ul>
<b>Trung thực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận thức và hành động theo lẽ phải.</li> <li>– Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.</li> <li>– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.</li> </ul>
<b>Trách nhiệm</b>	
Có trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.</li> <li>– Có ý thức sử dụng tiền hợp lí khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt.</li> <li>– Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.</li> </ul>
Có trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.</li> <li>– Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.</li> </ul>
Có trách nhiệm với trung tâm và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của trung tâm và xã hội.</li> <li>– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.</li> <li>– Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.</li> </ul>

Có trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên.</li> <li>– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.</li> </ul>
------------------------------------	---

*b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung*

<b>Năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Năng lực tự chủ và tự học</b>	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.</li> <li>– Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực.</li> <li>– Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.</li> <li>– Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.</li> </ul>
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới.</li> <li>– Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.</li> </ul>
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.</li> <li>– Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.</li> <li>– Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.</li> </ul>

<p>Tự học, tự hoàn thiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.</li> <li>– Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.</li> <li>– Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.</li> <li>– Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.</li> </ul>
<p><b>Năng lực giao tiếp và hợp tác</b></p>	
<p>Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.</li> <li>– Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.</li> <li>– Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.</li> <li>– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.</li> <li>– Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.</li> </ul>
<p>Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.</li> <li>– Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.</li> </ul>

Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</li> <li>– Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương.</li> <li>– Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.</li> </ul>
<b>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;</li> <li>– Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.</li> <li>– Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao.</li> <li>– Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.</li> </ul>
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

#### **4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học**

##### *a) Năng lực ngôn ngữ*

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn là chủ đạo.

##### *b) Năng lực tính toán*

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.



Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

*c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)*

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

*d) Năng lực công nghệ*

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kỹ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

*đ) Năng lực tin học*

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

## **IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

### **1. Nội dung giáo dục**

*a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học:* Trong đó, có 3 môn học bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Lịch sử và 4 môn học lựa chọn trong số 7 môn học gồm: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học và Công nghệ.

*b) Hoạt động giáo dục bắt buộc:* Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương

+ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy

tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 10 đến lớp 12; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp; được triển khai qua bốn mạch nội dung hoạt động chính: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp.

Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THPT tập trung vào hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

+ Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm

theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

*c) Các chuyên đề học tập:*

+ Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

+ Chuyên đề học tập của mỗi môn học do GV môn học đó phụ trách. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

+ Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ và Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX.

*d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.*

+ Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Đối với các môn học lựa chọn và môn học tự chọn: Giao quyền cho Giám đốc trung tâm GDTX, trung tâm GDNN–GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX) xây dựng các tổ hợp môn học: 04 môn học lựa chọn từ 7 môn học, chuyên đề học tập nói trên và quyết định việc lựa chọn các môn học tự chọn: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số trên cơ sở bảo đảm yêu cầu về giáo dục, đáp ứng nguyện vọng của người học và phù hợp với điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực tế của trung tâm GDTX.

Đối với các địa phương có điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất và căn cứ vào nguyện vọng của người học có thể tổ chức dạy học cho HV thêm các môn học: Giáo dục thể chất, Mĩ thuật và Âm nhạc theo Chương trình GDPT 2018.

## 2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

***Bảng tổng hợp KHGD Chương trình GDTX cấp THPT***

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
<b>Môn học bắt buộc</b>	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
<b>Môn học lựa chọn</b>	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70

<b>Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)</b>		105	105	105
<b>Hoạt động giáo dục bắt buộc</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
<b>Môn học tự chọn</b>	Ngoại ngữ	105	105	105
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
<b>Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học tự chọn)</b>		<b>787</b>	<b>787</b>	<b>787</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học tự chọn)</b>		<b>22,5</b>	<b>22,5</b>	<b>22,5</b>
<b>Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học tự chọn)</b>		<b>997</b>	<b>997</b>	<b>997</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học tự chọn)</b>		<b>28,5</b>	<b>28,5</b>	<b>28,5</b>

## V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT thực hiện mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HV thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học và giáo dục công dân. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục.

Căn cứ mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng lớp học và theo từng môn học, Chương trình GDTX cấp THPT của mỗi môn học bảo đảm trang bị cho HV những nội dung tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HV, đảm bảo cho HV được tiếp cận định hướng nghề nghiệp và góp phần phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

## **VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

### **1. Định hướng về phương pháp giáo dục**

– Các môn học áp dụng các PPDH tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

– Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận,....

– Tùy theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

### **2. Hình thức tổ chức dạy học**

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Việc lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học do giám đốc trung tâm GDTX quyết định. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

### **3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục**

#### *a) Mục tiêu đánh giá*

– Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của

HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

– Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

#### *b) Phương thức đánh giá*

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên (ĐGTX) và đánh giá định kỳ (ĐGĐK). Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

– Có 2 phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: ĐGTX và ĐGĐK.

+ ĐGTX được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để ĐGTX, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HV, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ ĐGĐK được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

– Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGĐK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.



### *c) Yêu cầu đánh giá*

– Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong các chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

– Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

– Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

## **VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT**

Trung tâm GDTX được giao nhiệm vụ tổ chức dạy Chương trình GDTX cấp THPT phải đảm bảo các điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình như sau:

### **1. Về đội ngũ cán bộ quản lý và GV**

*a) Về cán bộ quản lý:* Giám đốc, Phó giám đốc các trung tâm GDTX phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; Được bồi dưỡng, tập huấn về quản lý giáo dục và Chương trình GDTX cấp THPT.

### *b) Về đội ngũ GV*

– Căn cứ quy định của Bộ GDĐT về định mức GV/lớp trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và số lượng người học tại các trung tâm GDTX để bố trí đủ số lượng GV thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT cho phù hợp.

– Về số lượng và cơ cấu GV (GV cơ hữu và GV hợp đồng thỉnh giảng) bảo đảm để dạy các môn học của Chương trình GDTX cấp THPT tối thiểu mỗi môn học có ít nhất 01 GV cơ hữu đối với các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và các môn học tự chọn (nếu có). Riêng môn Toán và môn Ngữ văn có ít nhất từ 2 GV cơ hữu trở lên.

– 100% GV có trình độ được đào tạo đạt chuẩn theo đúng quy định tại Luật Giáo dục 2019.

– GV được bồi dưỡng, tập huấn về dạy học theo Chương trình GDPT 2018 cấp THPT và Chương trình GDTX cấp THPT.

## **2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

– Các địa phương đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT theo các quy định của Bộ GDĐT; bố trí đủ các phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật khác;

– Thiết bị dạy học được thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học ban hành theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.

– Chương trình GDTX cấp THPT sử dụng sách giáo khoa các môn học của Chương trình GDPT 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn để giảng dạy và học tập.

## *Phần thứ hai*

---

# **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## **Bài 1. TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH GDTX 2018 CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

### **1. ĐẶC ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

Giáo dục công dân (môn Đạo đức ở cấp tiểu học, môn Giáo dục công dân ở cấp THCS, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp THPT) giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HV hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho HV những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Ở cấp THPT (giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp): Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HV. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau THPT của HV; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp HV có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, những HV có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính

trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HV.

## **2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần hình thành, phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể môn Giáo dục kinh tế và pháp luật**

a) Giúp HV tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp THCS: có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản công dân; tích cực tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

b) Giúp HV củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu, kế hoạch

hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kỹ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

### **3. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

#### **3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**

##### ***3.1.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn học trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho HV***

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu phù hợp với môn học, cấp học. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất đã được quy định tại Chương trình GDTX. Các phẩm chất được hình thành, phát triển thông qua những nội dung cụ thể sau:

- Phẩm chất yêu nước được hình thành, phát triển thông qua những nội dung: Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các nội dung về đường lối, chính sách phát triển kinh tế;...

- Phẩm chất nhân ái được hình thành, phát triển thông qua những nội dung: Tình yêu, hôn nhân, gia đình; Bảo hiểm và an sinh xã hội; Đạo đức kinh doanh;...

- Phẩm chất chăm chỉ được hình thành, phát triển thông qua những nội dung: Lập kế hoạch tài chính cá nhân; Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Quản lý thu, chi trong gia đình;...

- Phẩm chất trung thực được hình thành, phát triển thông qua những nội dung: Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường; Đạo đức kinh doanh;...

- Phẩm chất trách nhiệm được hình thành, phát triển thông qua những nội dung: Văn hoá tiêu dùng; Bảo hiểm và an sinh xã hội; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số lĩnh vực;...

### **3.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho HV**

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Yêu cầu cần đạt của các năng lực này được quy định cụ thể trong Chương trình tổng thể. Các năng lực này được hình thành và phát triển thông qua các nội dung học tập và hoạt động cụ thể:

- Năng lực Tự chủ và tự học được phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo; khảo sát, điều tra, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế...

- Năng lực Giao tiếp và hợp tác được phát triển thông qua các hoạt động nhóm, phương pháp thảo luận, dạy học dự án, seminar,...

- Năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo được phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết/giả định, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, tưởng tượng khoa học, giải quyết vấn đề mới và thách thức.

### **3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù**

<b>Năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Năng lực điều chỉnh hành vi</b>	
<b>Nhận thức chuẩn mực hành vi</b>	- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; các chuẩn mực đạo đức trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.</li> <li>- Có hiểu biết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế.</li> </ul>
<b><i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.</li> <li>- Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.</li> </ul>
<b><i>Điều chỉnh hành vi</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội.</li> <li>- Kiểm soát được tài chính cá nhân.</li> </ul>
<b>Năng lực phát triển bản thân</b>	
<b><i>Tự nhận thức bản thân</i></b>	Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.
<b><i>Lập kế hoạch phát triển bản thân</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân.</li> <li>- Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.</li> <li>- Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THPT.</li> </ul>
<b><i>Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội.</li> <li>- Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với cuộc sống thay đổi; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa</li> </ul>

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
	chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.
<b>Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội</b>	
<b><i>Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội</i></b>	<p>- Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân.</p> <p>- Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.</p>
<b><i>Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội</i></b>	<p>- Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế.</p> <p>- Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.</p> <p>- Bước đầu đưa ra được quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.</p> <p>- Tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng, các hoạt động tuyên truyền và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.</p>

## 4. NỘI DUNG GIÁO DỤC

### 4.1. Nội dung khái quát

Nội dung		Cấp THPT
Giáo dục đạo đức	Yêu nước	+
	Nhân ái	+
	Chăm chỉ	+
	Trung thực	+



Nội dung		Cấp THPT
	Trách nhiệm	+
Giáo dục kỹ năng sống	Kỹ năng nhận thức, quản lí bản thân	+
	Kỹ năng tự bảo vệ	+
Giáo dục kinh tế	Hoạt động của nền kinh tế	×
	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	×
	Hoạt động sản xuất kinh doanh	×
	Hoạt động tiêu dùng	×
Giáo dục pháp luật	Chuẩn mực hành vi pháp luật	
	Quyền và nghĩa vụ của công dân	×
	Hệ thống chính trị và pháp luật	×

**Chú thích:** kí hiệu (×) biểu thị nội dung giáo dục chủ yếu; kí hiệu (+) biểu thị nội dung giáo dục lồng ghép.

#### 4.2. Phân bố các mạch nội dung ở các lớp

Nội dung		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>GIÁO DỤC KINH TẾ</b>	<i>Hoạt động của nền kinh tế</i>	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường	Tăng trưởng và phát triển kinh tế
		Thị trường và cơ chế thị trường	Lạm phát, thất nghiệp	Hội nhập kinh tế quốc tế
	<i>Hoạt động kinh tế của Nhà nước</i>	Ngân sách nhà nước và thuế	Thị trường lao động, việc làm	Bảo hiểm và an sinh xã hội
	<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Lập kế hoạch kinh doanh
		Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	Đạo đức kinh doanh	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Nội dung		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	<i>Hoạt động tiêu dùng</i>	Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Văn hoá tiêu dùng	Quản lí thu, chi trong gia đình
<b>GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	<i>Quyền và nghĩa vụ của công dân</i>		Quyền bình đẳng của công dân	Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế
			Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội
			Một số quyền tự do cơ bản của công dân	
	<i>Hệ thống chính trị và pháp luật</i>	Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		
		Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		
		Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế
<b>CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP</b>	Chuyên đề 10.1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình	Chuyên đề 11.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên	Chuyên đề 12.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội	
	Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	Chuyên đề 11.2: Một số vấn đề về pháp luật lao động	Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp	
	Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	Chuyên đề 11.3: Một số vấn đề về pháp luật dân sự	Chuyên đề 12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	

## 5. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT (CHƯƠNG TRÌNH 2018) VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN (CHƯƠNG TRÌNH 2006)

So với chương trình môn Giáo dục công dân (Chương trình 2006), chương trình GDTX môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (Chương trình 2018) có nhiều khác biệt. Cụ thể như sau:

TT	Các thành tố của chương trình	Chương trình môn GDCD (2006)	Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (2018)
1	Mục tiêu	Mục tiêu môn học tuyên ngôn hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ.	Mục tiêu môn học tuyên ngôn hình thành phẩm chất và năng lực.
2	Đặc điểm môn học	Là môn học bắt buộc	Là môn học lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HV
3.	Nội dung chương trình	Nội dung chương trình được cấu trúc theo các lớp như sau: Lớp 10: - Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học. - Công dân với đạo đức. Lớp 11: - Công dân với kinh tế. - Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội. Lớp 12: - Công dân với pháp luật.	Nội dung chương trình được cấu trúc thành 2 mạch là <b>giáo dục kinh tế</b> và <b>giáo dục pháp luật</b> và được phân bổ ở cả lớp 10, 11, 12. Ngoài các nội dung bắt buộc, ở mỗi lớp còn có 3 chuyên đề tự chọn.
4	Thời lượng	35tiết/lớp/năm	- Nội dung bắt buộc: 70 tiết/lớp/năm - Chuyên đề tự chọn: 35 tiết/lớp/năm

## 6. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH GDTX VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Chương trình GDTX môn Giáo dục kinh tế và pháp luật được xây dựng dựa trên chương trình GDPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Đối tượng HV GDTX thi chung kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia, vì vậy, về cơ bản, chương trình GDTX môn Giáo dục kinh tế và pháp luật giữ nguyên mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; giữ nguyên nội dung chương trình. Tuy nhiên, để phù hợp với đối tượng HV GDTX, chương trình đã có một số điều chỉnh như sau:

- Giảm mức độ ở một số yêu cầu cần đạt so với chương trình GDPT.

Cụ thể như sau:

Nội dung	YCCĐ đối với HS phổ thông	YCCĐ đối với HV GDTX
<b>LỚP 10</b>		
Thị trường và cơ chế thị trường	- Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.	- Nêu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.
Ngân sách nhà nước và thuế	- Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế.	- Nêu được lí do Nhà nước phải thu thuế.
Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	- Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.
Chuyên đề 10.1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình	- Trình bày được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu. - Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.	- Nêu được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu. - Nêu được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.
Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	- Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.	- Nêu được một số bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

## LỚP 11

<p>Cạnh tranh, cầu trong kinh tế thị trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh</li> <li>+ Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.</li> <li>+ Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế.</li> <li>+ Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.</li> <li>+ Trình bày được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.</li> <li>+ Trình bày được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.</li> <li>+ Trình bày được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.</li> </ul>
<p>Lạm phát, thất nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.</li> </ul>
<p>Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.</li> </ul>
<p>Quyền bình đẳng của công dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</li> </ul>
<p>Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.</li> </ul>
<p>Một số quyền tự do cơ bản của công dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được trách nhiệm của HV trong thực hiện các quyền tự do của công dân.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> </ul>

Chuyên đề 11.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.</li> <li>- Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.</li> <li>- Nhận xét được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.</li> </ul>
Chuyên đề 11.2: Một số vấn đề về pháp luật lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.</li> </ul>
<b>LỚP 12</b>		
Tăng trưởng và phát triển kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.</li> </ul>
Hội nhập kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.</li> </ul>
Bảo hiểm và an sinh xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội.</li> </ul>
Lập kế hoạch kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.</li> <li>- Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.</li> <li>- Nêu được các bước lập kế hoạch kinh doanh.</li> </ul>
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</li> </ul>
Quản lý thu, chi trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.</li> </ul>

	- Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.	- Nhận xét được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.
Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.	- Nhận xét, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.
Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hóa, xã hội	- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.	- Nhận xét, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.
Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế	- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản.	- Nhận xét, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản.
Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp	- Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.	- Nhận xét, đánh giá được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.
Chuyên đề 12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	- Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	- Nêu được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thay thế một số động từ ở yêu cầu cần đạt cho cụ thể hơn so với chương trình GDPT. Cụ thể như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>YCCĐ đối với HV phổ thông</b>	<b>YCCĐ đối với HV GDTX</b>
<b>LỚP 10</b>		
Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	- Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.	- Nêu được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nêu được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế
Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.	- Nêu được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó
Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.	- Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
Lập kế hoạch tài chính cá nhân	- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.	- Nêu được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.
Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.	- Nêu được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ.
Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.	- Nêu được tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.
<b>LỚP 11</b>		
Thị trường lao động, việc làm	- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.	- Nêu được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.
Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của	- Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.	- Nêu được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.



người kinh doanh		
Quyền bình đẳng của công dân	- Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.	- Nêu được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.
Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.	- Nêu được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.
Một số quyền tự do cơ bản của công dân	- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân.	- Nêu được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân.
Chuyên đề 11.3: Một số vấn đề về pháp luật dân sự	- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.	- Nêu được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.

### **LỚP 12**

Tăng trưởng và phát triển kinh tế	- Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.	- Nêu được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.
Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế	- Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về:	- Nêu được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về:
Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp	- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.	- Nêu được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **7. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

<b>Lớp 10</b>	<b>Lớp 11</b>	<b>Lớp 12</b>
70 tiết	70 tiết	70 tiết

Ở cấp THPT, mỗi lớp có thêm 35 tiết/năm học cho các chuyên đề học tập lựa chọn.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục ở các lớp

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do GV chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tỷ lệ % thời lượng các nội dung giáo dục như sau:

<b>Nội dung giáo dục</b>	<b>Lớp 10 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 11 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 12 (Số tiết)</b>
Giáo dục kinh tế	32	32	32
Giáo dục pháp luật	32	32	32
Ôn tập, đánh giá định kì	6	6	6

c) Thời lượng (số tiết) dành cho các chuyên đề học tập ở cấp THPT, bao gồm cả thời lượng dành cho đánh giá như sau:

<b>Tên chuyên đề học tập</b>	<b>Lớp 10 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 11 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 12 (Số tiết)</b>
Chuyên đề 10.1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình	10		
Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	15		
Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	10		
Chuyên đề 11.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên		15	
Chuyên đề 11.2: Một số vấn đề về pháp luật lao động		10	
Chuyên đề 11.3: Một số vấn đề về pháp luật dân sự		10	
Chuyên đề 12.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội			10
Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp			10
Chuyên đề 12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế			15
<b>Tổng cộng</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>35</b>

## **Bài 2. XÂY DỰNG KHGD MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC**

### **1. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

#### **1.1 Khái niệm Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn**

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của tổ chuyên môn (TCM) là bản dự kiến kế hoạch triển khai tất cả các hoạt động của TCM trong một năm học, nhằm thực hiện những mục tiêu phát triển của TCM và của Trung tâm, bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT<sup>1</sup>.

KHGD của TCM bao gồm KHDH môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục<sup>2</sup>. Do đó, việc xây dựng KHGD của TCM là một phần của nhiệm vụ xây dựng và thực hiện KHGD của trung tâm trong năm học. Đồng thời, việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của TCM cũng là một căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV tổ bộ môn, đặc biệt là nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục.

#### **1.2 Cấu trúc Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn**

KHGD của tổ chuyên môn bao gồm KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Có thể tham khảo cấu trúc gợi ý dưới đây để thực hiện<sup>3</sup>:

---

<sup>1</sup> Bộ GD&ĐT (2020), *Xây dựng KHGD và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn GDCD, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn*

<sup>2</sup> Bộ GD&ĐT (2020), Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường

<sup>3</sup> Bộ GD&ĐT (2020), Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường

Bảng 2.1. Khung Kế hoạch dạy học của Tổ chuyên môn

<b>TRUNG TÂM</b> ..... <b>TỔ:</b> ..... <hr style="width: 100%;"/>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u></b>																																								
<p><b>KẾ HOẠCH DẠY HỌC</b>  <b>MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, LỚP.....</b>  <i>(Năm học 20..... – 20.....)</i></p>																																									
<p><b>I. Đặc điểm tình hình</b></p> <p><b>1. Số lớp:...</b>; Số HV:...; Số HV học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....</p> <p><b>2. Tình hình đội ngũ:</b> Số GV:...; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:..... Đại học:...; Sau đại học:...</p> <p>Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:..... Chưa đạt:.....</p> <p><b>3. Thiết bị dạy học:</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Thiết bị dạy học</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 35%;">Các bài học/thực hành</th> <th style="width: 10%;">Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>...</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table> <p><b>4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 25%;">Tên phòng</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 35%;">Phạm vi và nội dung sử dụng</th> <th style="width: 15%;">Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>...</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>		STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài học/thực hành	Ghi chú	1					2					...					STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú	1					2					...				
STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài học/thực hành	Ghi chú																																					
1																																									
2																																									
...																																									
STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú																																					
1																																									
2																																									
...																																									
<p><b>II. KHDH<sup>4</sup></b></p> <p><b>1. Phân phối chương trình</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Bài học (1)</th> <th style="width: 15%;">Số tiết (2)</th> <th style="width: 35%;">Yêu cầu cần đạt (3)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>...</td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>		STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	1				2				...																											
STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)																																						
1																																									
2																																									
...																																									

<sup>4</sup> Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

2. Chuyên đề lựa chọn			
STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

### 3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

### III. Các nội dung khác (nếu có):

.....  
 .....  
 .....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Bảng 2.2. Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM*

<b>TRUNG TÂM:</b> .....	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
<b>TỔ:</b> .....	<b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
<b>KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC</b>	
<b>CỦA TỔ CHUYÊN MÔN</b>	
(Năm học 20..... - 20.....)	
<b>1. Khối lớp:</b> .....; <b>Số HV:</b> .....	

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

**2. Khối lớp:.....; Số HV:.....**

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

**3. Khối lớp:.....; Số HV:.....**

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**TỔ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

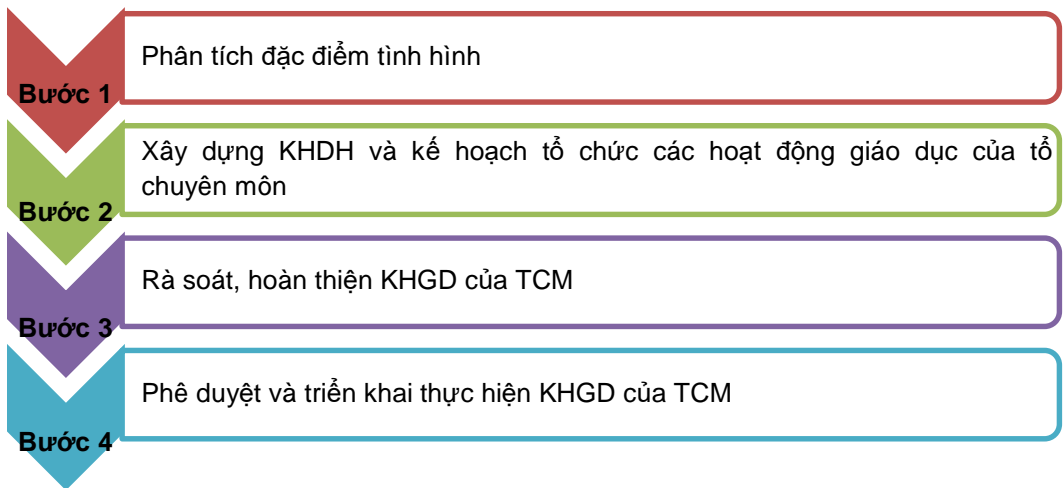
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 1.3 Quy trình xây dựng KHGD của TCM

Vào đầu năm học, Trung tâm xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục địa phương. Trên cơ sở này, mộ Giáo dục kinh

tế và pháp luật tiến hành xây dựng KHGD của tổ. Đây là một phần của nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng và thực hiện KHGD của trung tâm để thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT. Xây dựng KHGD của TCM bao gồm xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục được phân công.

Việc xây dựng KHGD của TCM gắn liền với nhiều nhiệm vụ, liên quan đến cả kế hoạch chung của trung tâm, các TCM khác và tất cả các GV bộ môn nên đòi hỏi quá trình xây dựng phải xem xét cân nhắc nhiều yếu tố, và có thể được thực hiện theo quy trình dưới đây:



*Hình 3.1. Quy trình xây dựng Kế hoạch giáo dục của TCM*

### ***Bước 1. Phân tích đặc điểm tình hình***

Để xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (theo cấu trúc hướng dẫn tại các phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH), cần phải đánh giá đầy đủ:

– Tình hình HV: TCM cần thống kê số lớp học, tổng số HV của mỗi khối lớp và số HV học chuyên đề lựa chọn (nếu có) trong năm học của mỗi khối lớp. Trong đó, số lượng HV học chuyên đề lựa chọn mỗi khối lớp được thống kê dựa trên kết quả đăng kí của HV đối với các tổ hợp chuyên đề lựa chọn do trung tâm xây dựng.

– Tình hình GV: Số GV, trình độ đào tạo của các GV trong tổ theo các cấp từ cao đẳng, đại học, trên đại học và mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV theo các mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT).

– Tình hình TBDH của môn học do TCM phụ trách (cụ thể theo phụ lục 1 của công văn 5512), trong đó đánh giá cụ thể TBDH nào còn sử dụng được, sử dụng để dạy học các bài học, thí nghiệm nào theo các YCCĐ quy định trong chương trình môn học. Từ đó, xem xét các thiết bị hiện có có đảm bảo yêu cầu sử dụng, đầy đủ hay chưa để đề xuất sửa chữa, sắm mới, thiết kế thêm, các lưu ý này được ghi vào cột Ghi chú.

– Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập. Đối với các phòng hoặc địa điểm có thể sử dụng để tổ chức dạy học, TCM có thể lập danh sách dưới dạng bảng theo tên phòng, số lượng, phạm vi và nội dung sử dụng và những ghi chú về đặc điểm, tình trạng để có định hướng sử dụng phù hợp.

*Bước 2: Xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM*

Các nhiệm vụ chính trong xây dựng các loại kế hoạch này bao gồm: (1) Phân phối chương trình, (2) KHDH các chuyên đề lựa chọn; (3) Kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ; (4) Kế hoạch các nội dung khác (nếu có) và (5) Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục.

*(1) Xây dựng phân phối chương trình các khối lớp*

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã quy định thời lượng thực học trong một năm học, số buổi học, số tiết học tối đa trong một buổi, thời gian mỗi tiết học. Trên cơ sở đó, Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật sẽ quy định những nội dung và yêu cầu cần đạt phải thực hiện, xác định tỉ lệ thời lượng của các mạch nội dung lớn. Việc dạy học đảm bảo các yêu cầu cần đạt trong bối cảnh thời gian nhất định (có hạn) đòi hỏi phải có sự cân đối, sắp xếp thời lượng cho các nội dung một cách phù hợp để



sử dụng hiệu quả thời gian cho phép. Đây chính là nhiệm vụ của xây dựng phân phối chương trình. TCM có thể thực hiện theo cách thức gợi ý sau:

- *Xác định thời lượng dạy học các mạch nội dung chính trong chương trình:* Để thực hiện, TCM cần bắt đầu từ nghiên cứu Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (phần Giải thích và hướng dẫn thực hiện) để biết được tổng thời lượng được quy định cho môn học, tỉ lệ thời lượng dành cho các mạch nội dung chính và thời lượng dành cho đánh giá định kì. Từ đó, TCM có thể tính được số tiết cụ thể để thực hiện các mạch nội dung chính.

- *Xác định, liệt kê các bài học và yêu cầu cần đạt tương ứng theo trình tự thời gian thực hiện:* Các bài học có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau, có thể lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường trên cơ sở tham khảo chương trình, SGK mà địa phương lựa chọn. Trong trường hợp thiết kế lại các bài học, cần căn cứ vào tính logic, đặc điểm của kiến thức, tính trọn vẹn của vấn đề để xây dựng thành các bài học hoặc chủ đề phù hợp với điều kiện thực tiễn dạy học nhà trường. Sau đó, đối với mỗi bài học, TCM cần xác định các yêu cầu cần đạt tương ứng. Trong đó, cũng cần lưu ý, TCM có thể phát triển và ghi thêm các yêu cầu cần đạt khác theo hướng nâng cao đối với bài học đã xác định dựa trên phân tích đặc điểm HV và các điều kiện tổ chức dạy học nhưng phải đảm bảo việc thực hiện các yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình.

- *Xác định thời lượng (số tiết) sử dụng để dạy học các bài học cụ thể:* Trên cơ sở số tiết dành cho các mạch nội dung chính đã xác định, TCM nghiên cứu các yêu cầu cần đạt của từng bài học, tham khảo SGK mà địa phương đã lựa chọn để xác định và phân bổ số tiết phù hợp cho các bài học cụ thể trong các mạch nội dung. Số tiết của mỗi bài học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, quan trọng nhất là số lượng yêu cầu cần đạt và mức độ cần đạt trong mỗi yêu cầu (thể hiện qua động từ diễn đạt mức độ nhận thức). Những yêu cầu cần đạt được mô tả ở mức độ nhận thức cao, phức hợp thường phải dự kiến dành nhiều thời gian hơn các yêu cầu cần đạt ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, đặc điểm của loại

kiến thức (kiến thức lí thuyết, kiến thức thực tiễn) hoặc tính chất bài học (lí thuyết, thực hành) cũng là những yếu tố mà TCM cần lưu ý.

Cách thức xác định bài dạy, thời lượng giảng dạy nói trên phản ánh tính mở của chương trình mới. Đồng thời, cũng là căn cứ để TCM triển khai việc thực hiện chương trình trong bối cảnh SGK chỉ đóng vai trò là tài liệu tham khảo. Tuy nhiên, khi biên soạn SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật, các tác giả đã dựa trên những yêu cầu, quy định của chương trình để xác định các bài học, định hướng số tiết tương đối phù hợp. Vì vậy, khi xây dựng phân phối chương trình, TCM cần bám sát SGK mà địa phương lựa chọn, những hướng dẫn kèm theo, trên cơ sở thực tiễn của TCM và nhà trường để có những điều chỉnh linh hoạt trong trường hợp cần thiết.

Căn cứ vào thời lượng dành cho môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp THPT là 70 tiết/ năm và tỉ lệ thời lượng cho các mạch nội dung lớp 10, lớp 11 và lớp 12 được quy định cụ thể trong chương trình, có thể tính được số tiết tương ứng cho các mạch nội dung chính, kể cả số tiết dành cho kiểm tra, đánh giá định kì tương xứng với tỉ lệ (vẫn có thể linh hoạt) như sau:

Mạch nội dung	Tỉ lệ thời lượng	Số tiết
<b>Lớp 10</b>		
Giáo dục kinh tế	45%	32
Giáo dục pháp luật	45%	32
Đánh giá định kì	10%	6
<b>Lớp 11</b>		
Giáo dục kinh tế	45%	32
Giáo dục pháp luật	45%	32
Đánh giá định kì	10%	6
<b>Lớp 12</b>		
Giáo dục kinh tế	45%	32
Giáo dục pháp luật	45%	32
Đánh giá định kì	10%	6

## *(2) Xây dựng KHDH các chuyên đề lựa chọn*

Ở mỗi khối lớp từ lớp 10 đến lớp 12 chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đều có các chuyên đề lựa chọn được quy định, với thời lượng và các yêu cầu cần đạt được xác định. Vì thế, để xây dựng KHDH các chuyên đề theo cấu trúc gợi ý, TCM chỉ cần dựa vào Chương trình GDTX môn Giáo dục kinh tế và pháp luật để liệt kê các chuyên đề theo thứ tự thực hiện, số tiết phân bổ cho các chuyên đề học tập và các yêu cầu cần đạt tương ứng của từng chủ đề trong mẫu gợi ý.

Đối với chuyên đề lựa chọn có nhiều nội dung nhỏ có thể xây dựng thành các bài học riêng. Trong đó, GV tiến hành phân tích và xác định các bài học, thời lượng dạy học của các bài học tương tự như cách làm phân phối chương trình các bài học đã hướng dẫn ở trên. Tuy nhiên, khi xây dựng KHDH các chuyên đề lựa chọn cần chú ý thời gian dạy học chuyên đề phù hợp với phân phối chương trình các bài học, vì chuyên đề có tính chất nâng cao và định hướng nghề nghiệp nên việc sắp xếp dạy học các chuyên đề nên để sau khi HV học xong mạch kiến thức hỗ trợ cho chuyên đề đó. Việc lên kế hoạch cũng cần có sự liên kết chặt chẽ với các TCM khác để tránh sự chồng chéo.

## *(3) Xây dựng kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kì*

TCM căn cứ trên cơ sở số tiết dành cho đánh giá định kì được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu các quy định về kiểm tra, đánh giá hiện hành để xác định các bài kiểm tra, đánh giá với các nội dung cụ thể bao gồm:

- Thời gian làm bài cụ thể cho từng bài (số phút), thời điểm (tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá). Trong đó, thời điểm đánh giá cần dựa trên kế hoạch chung của nhà trường để có sự thống nhất và phù hợp giữa các môn học và hoạt động giáo dục.

- Yêu cầu cần đạt (mức độ cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình) và hình thức bài kiểm tra, đánh giá. TCM có thể ghi

các yêu cầu cần đạt cụ thể được xác định, hoặc ghi theo kiểu giới hạn từ bài nào đến bài nào nếu muốn đánh giá bao trọn hết các yêu cầu cần đạt trong khoảng các bài đó. Việc xác định các yêu cầu cần đạt về đánh giá có thể còn phụ thuộc vào các quy định về đánh giá, vì thế TCM cần nghiên cứu, cập nhật các văn bản liên quan để có cách xác định phù hợp.

Đối với kế hoạch đánh giá định kì, cần lưu ý một số điểm mới như hình thức đánh giá có thể trên giấy hoặc máy tính; ngoài bài kiểm tra truyền thống, có thể đánh giá bằng dự án. Đối với hình thức đánh giá này, thời gian làm bài có thể kéo dài theo đơn vị tuần, các tiêu chí đánh giá cần được công bố cho HV trước khi bắt đầu thực hiện dự án.

#### *(4) Xây dựng kế hoạch cho các nội dung khác (nếu có)*

Nếu có các nhiệm vụ dạy học khác được tiến hành trong năm học, chẳng hạn như kế hoạch bồi dưỡng HV giỏi, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn,... thì TCM cũng cần xây dựng kế hoạch cho các nội dung này. Không có khuôn mẫu cho việc trình bày các loại kế hoạch này, tuy nhiên kế hoạch nên thể hiện được nội dung, số tiết, yêu cầu cần đạt, thiết bị hỗ trợ và địa điểm để tổ chức cụ thể.

#### *(5) Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục*

Trước khi bắt đầu năm học, TCM cần tiến hành sinh hoạt chuyên môn để xác định một số hoạt động giáo dục liên quan đến môn học có thể tổ chức cho HV các khối lớp trong năm học đó. Chẳng hạn như các hoạt động tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ hoặc các hoạt động phục vụ cộng đồng,... Nếu có sự đồng ý và phân công của Giám đốc trong cuộc họp với các bên liên quan tổ chức vào đầu năm học thì TCM sau đó sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các hoạt động này.

Đối với mỗi hoạt động giáo dục sẽ tổ chức, TCM cần xác định yêu cầu cần đạt của các chủ đề, tức là mức độ cần đạt của hoạt động giáo dục đối với HV tham gia và số tiết tương ứng. Đối với hoạt động giáo dục, các mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất luôn được nhấn mạnh bên cạnh mục tiêu về năng lực.

TCM cũng cần xác định hoạt động đó sẽ được tổ chức vào thời điểm nào và ở đâu? Việc xác định thời điểm có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố vì liên quan đến các hoạt động khác của nhà trường và TCM, tuy nhiên cần lưu ý sự liên quan của các hoạt động này với các nội dung dạy học để chọn thời điểm tổ chức phù hợp, logic theo hướng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học. Địa điểm để tổ chức hoạt động giáo dục của TCM có thể ở trong hoặc ngoài khuôn viên nhà trường như phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...

Ngoài ra, TCM cũng cần xác định đơn vị, cá nhân nào sẽ chủ trì và phối hợp để tổ chức hoạt động, các yêu cầu về điều kiện thực hiện (cơ sở vật chất, thiết bị học liệu,...) để đảm bảo hoạt động giáo dục được thực hiện hiệu quả.

#### *Bước 3: Rà soát hoàn thiện dự thảo và thông qua TCM*

Sau khi xây dựng xong các kế hoạch, TCM cần tiến hành rà soát lại các nhiệm vụ để có bản dự thảo hoàn thiện. Cần chú trọng đến sự phù hợp của phân phối chương trình, các chuyên đề lựa chọn, các bài kiểm tra, đánh giá định kì cũng như tính khả thi của các hoạt động đề xuất. Các kế hoạch này sau đó cần được hoàn thiện theo cấu trúc hướng dẫn ở phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn 5512/BGDĐT-GDTrH. Sau đó, cần tiến hành lấy ý kiến và thông qua TCM để đạt được sự thống nhất.

#### *Bước 4: Phê duyệt và tổ chức thực hiện KHGD của TCM*

Bản dự thảo hoàn thiện KHGD của TCM sau khi thông qua TCM được trình Hiệu trưởng nhà trường xem xét phê duyệt và công bố như một phần của KHGD của nhà trường trong năm học. Đây là căn cứ để TCM triển khai thực hiện kế hoạch này trong năm học. Nhiệm vụ quan trọng sau khi kế hoạch của tổ được phê duyệt là tổ trưởng chuyên môn tiến hành phân công nhiệm vụ cho các GV của TCM. Việc phân công GV cần căn cứ vào tổng thời lượng (số tiết) dạy học môn học của các khối lớp và các nhiệm vụ khác được phân công như dạy học các chuyên đề lựa chọn, các chủ đề nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, dựa trên số

lượng GV của TCM và cân nhắc đến các yếu tố liên quan của mỗi cá nhân GV trong tổ (ví dụ chủ nhiệm hay không chủ nhiệm) để phân công các nhiệm vụ cho mỗi GV, bảo đảm số tiết/tuần của tất cả GV phù hợp định mức giờ dạy theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở nhiệm vụ được tổ trưởng phân công, mỗi GV bộ môn sau đó sẽ tiến hành xây dựng KHGD của cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ đó trong năm học.

## **2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

### **2.1 Khái niệm kế hoạch bài dạy**

Kế hoạch bài dạy (KHBD) hay còn gọi là giáo án - là kịch bản lên lớp của GV với đối tượng HV và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian nhất định, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, thiết bị dạy học và học liệu, những hoạt động cụ thể của thầy và trò, cách thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất tương ứng trong chương trình môn học. KHBD được GV xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định rất lớn đến sự thành công của bài học.

KHBD là bản thiết kế cho tiến trình một bài học hoặc một chủ đề dạy học, là bản kế hoạch mà người GV dự định sẽ thực hiện giảng dạy trên lớp đối với nhóm đối tượng HV nào đó. Với một bài học nào đó, với những đối tượng HV khác nhau, và với những GV khác nhau thì sẽ có những bản KHDH khác nhau. Vì thế, KHBD là sản phẩm cá nhân, điều này không chỉ thể hiện trong ý tưởng dạy học, mà còn cả trong cách trình bày kế hoạch của họ.

### **2.2 Yêu cầu đối với việc xây dựng KHBD phát triển năng lực của HV**

Tuy không có một khuôn mẫu duy nhất trong cách trình bày KHDH một bài học, nhưng khi xây dựng KHBD một chủ đề cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chuẩn bị một kế hoạch cẩn thận nhưng linh hoạt: Một KHBD được chuẩn bị càng cẩn thận sẽ là tiền đề tốt giúp GV thực hiện dạy học hiệu quả.

Mặc dù vậy, GV nên đảm bảo rằng kế hoạch đó có thể linh hoạt thay đổi như một sự phát triển bài học và những yêu cầu xuất phát từ phía người học. KHBD theo đó là bản thiết kế để sử dụng như một hướng dẫn chứ không phải là một công thức cố định để tuân thủ. Điều này yêu cầu GV trong quá trình xây dựng KHBD môn Giáo dục kinh tế và pháp luật phải nghiên cứu kỹ đặc điểm của đối tượng HV, xem xét các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, sự sẵn có hay không của phương tiện dạy học, đồng thời chú ý xem xét sự đa dạng của các hoạt động, dự phòng các tình huống phát sinh trong thực tiễn dạy học.

- Đảm bảo sự phù hợp của chuỗi hoạt động học và sự phù hợp của các yếu tố trong mỗi hoạt động học tập tổ chức cho HV: KHBD cần được tổ chức theo chuỗi các hoạt động từ khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập đến vận dụng. Chuỗi hoạt động này cần phù hợp với các mục tiêu và nội dung của bài dạy được xác định. Bên cạnh đó, đối với mỗi hoạt động dạy học được thiết kế, GV cần xác định thiết bị dạy học và học liệu, phương án đánh giá một cách phù hợp với mục tiêu, nội dung hoạt động. Để thực hiện yêu cầu này, GV có thể tham khảo và bám sát các tiêu chí phân tích KHBD theo công văn 5555/BGDĐT-GDTrH.

- Phải bám sát các phương pháp và kỹ thuật dạy học: Khi xây dựng các hoạt động dạy học, GV cần triển khai các bước thực hiện bám sát các cách thức thực hiện của phương pháp và kỹ thuật dạy học. Điều này nhằm đảm bảo hoạt động được triển khai một cách rõ ràng, khoa học theo các bước một cách phù hợp. Điều này cũng giúp đảm bảo logic của các hoạt động từ chuyển giao nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ, trình bày sản phẩm và cuối cùng là đánh giá được thực hiện.

- Đảm bảo sự tham gia tích cực của HV: Nguyên tắc này yêu cầu quá trình xây dựng KHBD GV phải chú trọng vào hoạt động của HV. Nó cũng thể hiện xu hướng dạy học tích cực và quan điểm dạy học lấy HV làm trung tâm. Để thực hiện nguyên tắc này GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo hướng sử dụng các PPDH tích cực, chú trọng sự hợp tác cá nhân, nhóm, sự

tương tác đa chiều. Đồng thời, đưa ra các nhiệm vụ cho HV thực hiện, thay vì tập trung vào các hoạt động của bản thân trên lớp thì phải chú trọng đến hoạt động của HV.

- Sử dụng đa dạng trong hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá. Điều này nhằm tránh sự đơn điệu trong xây dựng KHBD. Không cần thiết phải sử dụng quá nhiều PPDH trong một bài học, nhưng cũng không nên chỉ một phương pháp cho nhiều hoạt động trong bài học, hoặc từ bài học này sang bài học khác, đặc biệt là các phương pháp thụ động. GV cũng nên kết hợp nhiều phương pháp trong một hoạt động. Cùng với đó, họ nên đa dạng các phương tiện dạy học, cách thức tương tác, đa dạng về các nhiệm vụ giao cho HV và các sản phẩm HV tạo ra.

### 2.3 Định hướng cấu trúc KHBD phát triển năng lực HV

Có nhiều cách khác nhau để trình bày một KHBD, với điều kiện là KHBD cần thể hiện được các yếu tố cơ bản liên quan đến quá trình dạy học sẽ diễn ra như đã trình bày trong quan niệm về KHBD. Để trình bày KHBD của mình, GV có thể tham khảo cấu trúc dưới đây, theo gợi ý của công văn 5512/BGDĐT-GDTrH.

<b>KHUNG KHBD</b>	
TRUNG TÂM:.....	Họ và tên GV:
<b>TỔ:</b> .....	.....
<b>TÊN BÀI DẠY:</b> .....	
Môn học:.....; lớp:.....	
Thời gian thực hiện: (số tiết)	
<b>I. Mục tiêu</b>	
1. Năng lực	
2. Phẩm chất	
<b>II. Thiết bị dạy học và học liệu</b>	
<b>III. Tiến trình dạy học</b>	
1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu	



- 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ
- 3. Hoạt động 3: Luyện tập
- 4. Hoạt động 4: Vận dụng

#### **IV. Phụ lục (nếu có)**

- Thông tin về nội dung dạy học chủ đề
- Phiếu học tập
- Công cụ đánh giá

#### **Lưu ý:**

(1) Cách thức trình bày Mục tiêu, thiết bị dạy học và học liệu, cấu trúc và yêu cầu trình bày các hoạt động: Tham khảo phụ lục 4 – công văn 5512 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Công văn 2613 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2021.

(2) Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HV thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho HV thực hiện ở ngoài lớp học.

(3) Trong KHBD không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HV mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HV thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

(4) Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong KHBD thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho HV về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HV tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HV theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong KHBD.

#### (5) Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HV (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HV đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (HV thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HV phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HV có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HV báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm HV báo cáo và cách thức tổ chức cho HV báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của GV).

- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HV trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HV ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HV phải thực hiện tiếp theo.

### **2.4 Quy trình xây dựng KHBD**

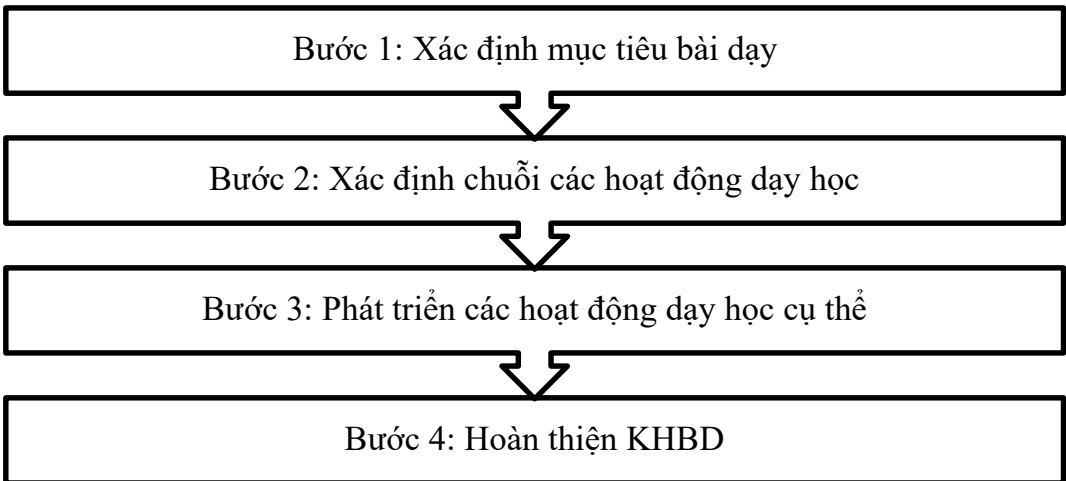
Trên cơ sở kế hoạch của TCM và sự phân công của tổ, GV cần tiến hành xây dựng và hoàn thiện KHBD trước khi lên lớp. Trong kế hoạch cá nhân, các thông tin cơ bản như tên bài dạy, số tiết, thiết bị dạy học, địa điểm dạy học đã được xác định. Những thông tin này, kết hợp với những hình dung về đối tượng giảng dạy (số lượng, đặc điểm học tập...) sẽ giúp GV xác định rõ bối cảnh giảng dạy cụ thể. Những điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết kế KHBD của GV. Chẳng hạn, khi dạy lớp có quy mô HV trong lớp đồng việc thiết kế các hoạt động có thể khác so với dạy học cho lớp có số lượng HV ít hơn; độ khó, mức độ phức tạp của hoạt động thiết kế cho một lớp HV có năng lực học tập tốt có thể khác so với cho một lớp có năng lực học tập hạn chế hơn; dạy học ở một phòng học có điều kiện thiết bị dạy học

và học liệu tốt thì phương án thiết kế của GV cũng có thể khác so với một phòng học không đáp ứng được các điều kiện đó...

Sau khi xác định bài dạy và bối cảnh giảng dạy, GV tiến hành xây dựng KHBD. Trong công việc này, GV đóng vai trò như một nhà thiết kế. Tùy vào năng lực bản thân, đặc điểm bài học và các yếu tố khác, mỗi GV có thể có những cách thực hiện khác nhau, bao gồm nhiều công đoạn, thao tác.

Khi thực thi Chương trình GDTX, GV tiến hành xây dựng KHBD cho một bài học trong điều kiện có nhiều bộ SGK khác nhau được biên soạn theo những cách tiếp cận khác nhau và đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; đáp ứng tính mở của chương trình. Do đó, trước khi xây dựng KHBD một chủ đề, GV cần xác định được những nội dung cụ thể cần dạy và mục tiêu về phẩm chất và năng lực theo yêu cầu cần đạt, xây dựng tiến trình dạy học của chủ đề, từ đó thiết kế KHBD dạy cụ thể.

Trên cơ sở nghiên cứu Chương trình giáo dục thường xuyên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, tham khảo SGK và kết quả xây dựng KHBD môn Giáo dục kinh tế và pháp luật của TCM, GV có thể xây dựng KHBD theo quy trình dưới đây được cung cấp như một hướng dẫn có tính chất gợi ý dưới đây:



Hình 4.1: Quy trình xây dựng KHBD

### *Bước 1: Xác định mục tiêu bài dạy*

• *Cơ sở xác định mục tiêu:* Mục tiêu của bài dạy là việc mô tả những gì HV dự kiến sẽ đạt được (kì vọng) sau khi học xong bài học. GV dựa vào các căn cứ chính sau đây để xác định mục tiêu bài dạy:

- Yêu cầu cần đạt tương ứng của bài học quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật; hoặc từ kết quả xây dựng KHGD của TCM).

- Căn cứ vào đặc điểm của HV: Tùy vào mức độ năng lực của HV mà GV có thể nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ cao hơn.

- Đặc điểm xây dựng nội dung kiến thức, vào phương tiện, thiết bị và hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học.

#### • *Yêu cầu viết mục tiêu*

- Trình bày mục tiêu theo biểu hiện của phẩm chất và năng lực cần:

+ Đối với năng lực đặc thù: Mục tiêu về năng lực đặc thù cần cụ thể đến thành tố và biểu hiện của năng lực.

+ Đối với năng lực chung và phẩm chất: Chỉ nêu tên và biểu hiện nổi bật của năng lực chung và phẩm chất mà môn GDKT&PL có lợi thế phát triển; liên quan mật thiết đến nội dung bài học. Việc xác định mục tiêu phẩm chất, năng lực chung cần được liên hệ với cách thức tổ chức hoạt động của GV, liên quan trực tiếp đến phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học, kể cả cách thức đánh giá mà GV sử dụng trong mỗi hoạt động của bài học.

- Mục tiêu về phẩm chất và năng lực được biểu đạt bằng động từ cụ thể, lượng hoá được và phải bao trùm được YCCĐ của bài học. Một mục tiêu học tập phù hợp thường mô tả hoạt động học tập của HV thay vì mô tả hoạt động diễn ra trong lớp học hoặc mô tả hành vi của GV.

• *Cách thực hiện:* Khi thiết kế giáo án trong chương trình cũ (2006), GV xác định các mục tiêu dưới dạng kiến thức, kĩ năng, thái độ dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng. Đối với chương trình mới, khi xây dựng KHBD theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HV, GV cần xác định mục tiêu dưới dạng các năng lực và phẩm chất dựa trên các yêu cầu cần đạt.

- *Đối với mục tiêu năng lực*: Cần nêu cụ thể yêu cầu HV làm được gì, đây chính là biểu hiện cụ thể của năng lực đặc thù môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và năng lực chung cần phát triển cho HV trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình. Để xác định mục tiêu năng lực đặc thù, cần dựa vào các yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục thường xuyên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, GV phân rã yêu cầu cần đạt thành các mục tiêu bài học phù hợp. Về mục tiêu năng lực chung, cần xác định biểu hiện mỗi năng lực cần hình thành và phát triển cho HV trong từng bài học.

- *Đối với mục tiêu phẩm chất*: GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt (động từ thể hiện mức độ và nội dung), đối chiếu với biểu hiện của các phẩm chất trong chương trình tổng thể (phần “*Giải thích chương trình*”, mục “*Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HV*”) để nêu cụ thể biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy. Vì thế, GV cần nghiên cứu chương trình tổng thể để có những hiểu biết rõ ràng về các phẩm chất và những biểu hiện của các phẩm chất chủ yếu.

• *Một số lưu ý khi xác định và thể hiện mục tiêu*

- Mục tiêu thường mô tả hoạt động học tập của HV thay vì mô tả hoạt động diễn ra trong lớp học hoặc mô tả hành vi của GV. Mục tiêu phải được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể lượng hoá được để có căn cứ đánh giá HV có đạt được mục tiêu hay không.

- Ngôn ngữ diễn đạt mục tiêu cần phù hợp với HV và phù hợp với sự tiến triển mặt khái niệm của HV vì GV có thể truyền đạt đến HV các mục tiêu của hoạt động và đảm bảo các em hiểu về nó trước khi thực hiện.

- Việc xác định các năng lực, phẩm chất có thể hình thành và phát triển không chỉ dựa trên yêu cầu cần đạt và các mục tiêu đã được xác định mà chúng còn phụ thuộc vào một yếu tố quan trọng khác là cách thức tổ chức hoạt động dạy học cụ thể của GV. Vì thế, việc xác định mục tiêu năng lực, phẩm chất ở bước này cần được liên hệ với cách thức tổ chức hoạt động của GV, điều này

liên quan trực tiếp đến phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học, kể cả cách thức đánh giá mà họ sử dụng trong mỗi hoạt động của bài học.

- Một hoạt động dạy học có thể hướng đến hình thành và phát triển nhiều thành phần phẩm chất và năng lực khác nhau. Ngược lại, có thể có nhiều hoạt động cùng góp phần hình thành và phát triển một thành phần phẩm chất, năng lực nào đó.

- Đối với phẩm chất và năng lực chung, chỉ nêu tên và biểu hiện nổi bật mà môn học có lợi thế phát triển, liên quan mật thiết đến nội dung bài học.

- Bên cạnh cách thể hiện mục tiêu bài dạy như trên, GV có thể sử dụng các cách viết mục tiêu khác theo hướng linh hoạt. Ví dụ, có thể không cần trình bày riêng mục tiêu về yêu cầu cần đạt mà cụ thể hóa để trình bày ngay trong mục tiêu năng lực. Trong trường hợp này, quan niệm các yêu cầu cần đạt chính là các biểu hiện cụ thể của các năng lực.

### *Bước 2: Xác định chuỗi các hoạt động dạy học*

Trên cơ sở mục tiêu và mạch nội dung dạy học, GV xác định chuỗi các hoạt động dạy học (thực chất là các hoạt động học của HV) để có phương án dạy học tổng thể. Đây là bước trung gian để làm cơ sở cho việc thiết kế các hoạt động học cụ thể trong bài dạy. Để xác định chuỗi hoạt động dạy học, GV thực hiện như sau:

*(1) Phác họa tiến trình dạy học theo chuỗi các hoạt động dạy học và xác định mục tiêu của mỗi hoạt động trong chuỗi:* Chuỗi các hoạt động sẽ bao gồm các hoạt động theo logic: (i) Mở đầu/xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập => (ii) Hình thành kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực thi nhiệm vụ đặt ra => (iii) Luyện tập => (iv) Vận dụng. Mỗi hoạt động trong bước này có một ý nghĩa nhất định:

- Hoạt động xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu: Tạo hứng thú ngay từ ban đầu cho HV, từ đó HV có động cơ và nhu cầu tìm tòi, khám phá các kiến thức trong chủ đề. Hoạt động này có thể bắt đầu từ một trò chơi/tình huống thực tiễn/nhắc lại một kinh nghiệm thực tế/bài tập có mâu thuẫn... gần

gũi với kinh nghiệm sống của HV và chỉ có thể giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức và kĩ năng hiện có, từ đó đặt ra được vấn đề bài học.

- Hoạt động hình thành kiến thức: Thông thường trong một bài dạy thường có một hoặc nhiều nội dung kiến thức mới, do đó hoạt động này có thể chia thành nhiều hoạt động nhỏ hơn (bản chất đây là nhóm các hoạt động khám phá các kiến thức). Thông qua hoạt động nhóm, cá nhân mà GV tổ chức với các tư liệu học tập bằng kênh hình/chữ/... HV lần lượt khám phá ra các kiến thức của bài dạy.

- Hoạt động luyện tập: Giúp HV ôn tập lại hoặc hoàn thiện các kiến thức và kĩ năng đã phát triển qua hoạt động hình thành củng cố nhắc thông qua thực hiện các nhiệm vụ theo cá nhân hoặc nhóm để giải các bài tập, giải quyết các tình huống quen thuộc, gắn trực tiếp với kiến thức bài học. Đây cũng là một hoạt động có tính chất của một đánh giá quá trình, giúp GV đánh giá xem HV đã đạt được các mục tiêu trước đó hay chưa và hỗ trợ các em đạt được những mục tiêu đó nếu cần.

- Hoạt động vận dụng: HV sử dụng những kiến thức đã học, kĩ năng đã hình thành (năng lực của cá nhân) để giải quyết các vấn đề phức tạp hơn, đặc biệt là các vấn đề gắn thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp), từ đó mà các thành tố phẩm chất và năng lực có cơ hội được phát triển và bền vững.

*GV cần lưu ý một số vấn đề sau khi thực hiện bước này:*

- Việc xác định chuỗi các hoạt động nhằm đảm bảo giải quyết trọn vẹn mà không bỏ sót các mục tiêu của bài học và đảm bảo chúng được triển khai theo trình tự phù hợp.

- Tùy thuộc vào từng kiểu bài dạy, GV có thể linh hoạt trong việc xác định chuỗi các hoạt động dạy học. Không nhất thiết mọi bài học phải được thiết kế đảm bảo đầy đủ các hoạt động nói trên. Luyện tập, vận dụng có thể tích hợp vào từng hoạt động.

- Hoạt động hình thành kiến thức có thể được tổ chức thành nhiều hoạt động (nhất là đối với bài nhiều nội dung kiến thức, bài có thời lượng giảng dạy nhiều) để giải quyết đầy đủ các mục tiêu đặt ra trong bài học.

- GV có thể linh động trong việc đặt tên hoạt động, có thể theo tên của chuỗi hoạt động trên, hoặc tên thể hiện nội dung hoạt động.

(2) *Định hướng phương pháp/ kỹ thuật dạy học, phương tiện dạy học và phương án đánh giá cho mỗi hoạt động trong chuỗi đã xác định:* Đây là bức tranh khái quát về phương án dạy học, là phân mô tả ý tưởng sư phạm của GV để hiện thực hóa các mục tiêu dạy học đã được xác định ở trên. Giữa mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH và các phương án đánh giá có mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau. Do đó, GV cần đặt ra và trả lời các câu hỏi sau như để tổ chức và hướng dẫn HV triển khai các hoạt động, cần sử dụng các phương pháp dạy học nào? Sử dụng phương tiện nào để hỗ trợ? Làm sao để đo được mức độ đạt được của HV so với mục tiêu dạy học trong từng hoạt động? Hoạt động này cần bao nhiêu thời gian?

*Đối với thao tác này GV cần lưu ý:*

- Bên cạnh sự phù hợp trong mỗi hoạt động, cần chú ý về sự hài hòa tổng thể giữa các yếu tố trên trong toàn bộ bài dạy. Chẳng hạn, không nên sử dụng một phương pháp để tổ chức tất cả các hoạt động trong chuỗi nói trên.

- Đây chỉ là bước phác họa, làm cơ sở cho việc thiết kế, GV không cần trình bày trong KHBD. GV có thể phác họa ý tưởng theo kiểu “nháp”, không có khuôn mẫu. Đối với những GV có kinh nghiệm hoặc hiểu rất rõ về bài dạy, có thể không cần thể hiện ra ngoài bước này mà chỉ đơn giản là trong suy nghĩ.

- Phương án đánh giá cần quan tâm đến đánh giá quá trình, tập trung vào sản phẩm yêu cầu, có thể đa dạng các hình thức và không nhất thiết hoạt động nào, bài nào cũng thiết kế các phiếu đánh giá (đặc biệt là phiếu đánh giá năng lực chung như giao tiếp, hợp tác).



### *Bước 3: Phát triển các hoạt động dạy học cụ thể*

Dựa trên chuỗi các hoạt động dạy học đã xây dựng, GV tiến hành phát triển các hoạt động dạy học cụ thể. Với mỗi hoạt động, trên cơ sở mục tiêu và các phác họa ban đầu ở bước trước đó, GV tiến hành cụ thể hóa và hoàn thành mô tả hoạt động. Mỗi hoạt động cần thể hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm và tổ chức thực hiện.

- Về mục tiêu của hoạt động: Căn cứ vào mục tiêu chung của bài để cụ thể hóa mục tiêu của từng hoạt động tương. Mục tiêu đã thực hiện ở bước xác định chuỗi hoạt động, GV có thể diễn đạt lại một cách cụ thể nếu cần. GV cần lưu ý đảm bảo mục tiêu các hoạt động cụ thể phải góp phần thực hiện mục tiêu chung của bài dạy.

- Nội dung hoạt động là nội dung của nhiệm vụ mà GV giao cho HV hay nội dung hoạt động học của HV. Nội dung có thể là câu hỏi, bài tập, xử lí tình huống... có tác dụng kích thích HV huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã có để thực hiện các thao tác tư duy và các hành động học tập cụ thể, từ đó tạo ra kết quả.

- Sản phẩm hoạt động là câu trả lời, kết quả thực hiện nhiệm vụ kì vọng tương ứng với nội dung giao việc. Đó là căn cứ để GV định hướng cho HV thực hiện nhiệm vụ, định hướng thảo luận và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV. Đồng thời, sản phẩm hoạt động cũng chính là vấn đề GV cần kết luận, cần “chốt” kiến thức/ kĩ năng cho HV ghi vào vở sau mỗi hoạt động học tập. Sản phẩm cần tương thích và đáp ứng mục tiêu dạy học.

- Thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động dạy học cụ thể. Tiến trình tổ chức hoạt động bao gồm các pha sau: Chuyển giao nhiệm vụ; Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định. Quá trình này GV cần bám sát các bước của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng. Về cơ bản, nội dung của các bước này như sau:

+ Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HV (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HV đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

+ Thực hiện nhiệm vụ (HV thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HV phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HV có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu. GV cần dự kiến việc mình cần làm để hỗ trợ, định hướng cho HV thực hiện nhiệm vụ như gợi ý, hướng dẫn cách thức thực hiện nhiệm vụ; giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh; lưu ý những cá nhân hoặc nhóm có kết quả đúng/chưa đúng, kết quả hay/chưa hay, kết quả khác biệt... Điều này hỗ trợ rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ của HV và việc tổ chức thảo luận; đồng thời là cơ sở để GV thực hiện việc đánh giá.

+ Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HV báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm HV báo cáo và cách thức tổ chức cho HV báo cáo. GV cần dự kiến tiến trình thảo luận, bao gồm những câu hỏi phân tích, làm rõ, phát triển kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những vấn đề/câu hỏi thảo luận giúp GV có được “thông tin ngược” về việc HV hiểu hay không hiểu rõ vấn đề học tập, là con đường đưa đến sản phẩm và cũng là cách thức để mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho HV (nếu có).

+ Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HV trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HV ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HV phải thực hiện tiếp theo. GV có thể đánh giá về kết quả thực hiện hoạt động (câu trả lời, cách thức xử lý tình huống, bài tập được giải, kết quả thí nghiệm...) và cả kết quả về thái độ, kỹ năng, thao tác tư duy, bài học kinh nghiệm... mà HV có được.

GV cần lưu ý một số vấn đề sau trong phát triển các hoạt động cụ thể:

- Cấu trúc của một hoạt động được mô tả ở trên thể hiện các yếu tố cần được mô tả trong mỗi hoạt động. Tuy nhiên, về mặt trình bày đây chỉ là một cấu trúc gợi ý. GV có thể linh hoạt trong việc thể hiện các yếu tố cấu thành trên. Ví dụ, GV có thể trình bày nội dung hoạt động gắn với pha giao nhiệm

vụ, trình bày sản phẩm hoạt động cùng với pha thực hiện nhiệm vụ của hoạt động đó.

- Việc trình bày các pha trong tiến trình thực hiện cũng có thể linh hoạt tùy theo phương pháp sử dụng. Điều này sẽ thuận lợi hơn đối với trường hợp GV sử dụng các phương pháp có tính phối hợp, tương tác chứ không theo logic một chiều.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần sử dụng kỹ thuật phản hồi tích cực nhằm động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HV trong quá trình học tập.

#### *Bước 4: Hoàn thiện KHBD*

Sau khi phát triển các hoạt động dạy học, GV tiến hành xem xét lại tất cả các phần để hoàn thiện KHBD. Chẳng hạn, GV xem xét lại sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động dạy học, sự phù hợp giữa các PPDH, phương tiện dạy học trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, phân bổ thời gian cho các hoạt động, sự liên kết giữa các hoạt động trong KHDH, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết.

### **2.5 Phân tích, đánh giá KHBD**

Quá trình dạy học mỗi bài học được thiết kế thành các hoạt động học của HV dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HV tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của HV, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HV của GV. TCM, GV có thể sử dụng các tiêu chí dưới đây để phân tích và đánh giá KHBD<sup>5</sup>:

---

<sup>5</sup> Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng, Hà Nội.

Nội dung	Tiêu chí
<b>Kế hoạch và tài liệu dạy học</b>	Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập.
	Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HV.
	Mức độ hợp lý của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HV.
<b>Tổ chức hoạt động học cho HV</b>	Mức độ sinh động, hấp dẫn HV của phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập.
	Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HV.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HV.
<b>Hoạt động của HV</b>	Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HV trong lớp.
	Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của HV trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của HV trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV.

### 3. MỘT SỐ KHDH CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC VÀ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP MINH HỌA MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

#### 3.1. Kế hoạch bài dạy mạch kinh tế

## CHỦ ĐỀ 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (2 tiết)

### I. Mục tiêu

#### 1. Năng lực

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm, các loại và tầm quan trọng của tài chính cá nhân. Phân tích, thực hiện được công việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo*: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến kế hoạch tài chính cá nhân để lựa chọn được kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp với điều kiện của bản thân.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nêu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý tài chính cá nhân. Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong nhận thức về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

#### 2. Phẩm chất

- *Trung thực*: Nhận thức và hành động theo kế hoạch tài chính cá nhân.

- *Trách nhiệm*: Ý thức được tầm quan trọng của kế hoạch tài chính cá nhân. Tự giác, tích cực trong hoạt động tập thể, đoàn kết và giúp đỡ bạn trong học tập và thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

## **II. Tài liệu, phương tiện**

- Giấy A4, phiếu học tập
  - Tranh/ảnh, câu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân
  - Đồ dùng đơn giản để chơi sắm vai
  - Máy tính, máy chiếu (projector) chương trình, bài giảng powerpoint,...
- (nếu có điều kiện).

## **III. Tiến trình dạy học**

### **A. Hoạt động mở đầu**

#### ***Hoạt động 1: Khởi động***

a) *Mục tiêu:* HV chia sẻ được trải nghiệm của mình về việc chi tiêu có kế hoạch nhằm cân đối thu chi hay tiết kiệm một khoản tiền nào đó hoặc kế hoạch tăng thu nhập cá nhân.

#### *b) Nội dung hoạt động*

GV hướng dẫn HV chia sẻ một trải nghiệm của bản thân về việc đã thực hiện một kế hoạch chi tiêu để cân đối thu chi, kế hoạch tiết kiệm một khoản tiền nào đó hay kế hoạch làm tăng thu nhập của cá nhân theo gợi ý sau:

1) *Em đã đề ra mục tiêu gì trong việc chi tiêu (cân đối thu chi hay tiết kiệm) và đã thực hiện mục tiêu đó như thế nào?*

2) *Em đã thực hiện mục tiêu tăng thêm thu nhập cho bản thân như thế nào và đã thực hiện mục tiêu đó ra sao?*

#### *c) Dự kiến sản phẩm*

HV sẽ kể được trải nghiệm của mình đã xác định mục tiêu gì và thực hiện mục tiêu đó thế nào? Kết quả đạt được ra sao?

#### *d) Tổ chức thực hiện:*

GV mời 1- 2 HV lên chia sẻ trải nghiệm, có thể gợi ý HV trả lời theo câu hỏi đã nêu. Sau mỗi phần chia sẻ của HV, mời HV khác nhận xét rồi dẫn dắt vào bài:

Các em đã nêu được một số kế hoạch tài chính cá nhân trong đời sống hàng ngày nhưng kế hoạch tài chính cá nhân là gì? Có mấy loại kế hoạch tài chính cá nhân? Vì sao phải lập kế hoạch tài chính cá nhân? Những câu hỏi này sẽ được làm rõ trong các hoạt động tiếp theo.

### ***B. Hoạt động hình thành kiến thức mới/ khám phá bài học***

***Hoạt động 2: Tìm hiểu thế nào là kế hoạch tài chính cá nhân, các loại tài chính cá nhân***

a) *Mục tiêu:* HV nêu được khái niệm, các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b) *Nội dung:* Từ kết quả chia sẻ ở hoạt động 1 em hãy cho biết:

1) *Thế nào là kế hoạch tài chính cá nhân?*

2) *Có những loại kế hoạch tài chính cá nhân nào?*

c) *Sản phẩm:*

- Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư...để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

- Có nhiều loại kế hoạch tài chính cá nhân, theo thời gian thực hiện có kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn, trung và dài hạn.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- GV yêu cầu HV làm việc nhóm 2 hoặc nhóm 4 để trả lời 2 yêu cầu số 1 và 2.

- HV thực hiện theo yêu cầu.

- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời các nhóm khác nhận xét câu trả lời, bổ sung thêm, sau đó GV kết luận:

- GV phân tích để HV rõ hơn khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân và phân loại kế hoạch tài chính cá nhân.

- GV căn cứ vào sản phẩm để chính xác hóa các đáp án của HV và kết luận, HV ghi kết luận vào vở (nếu không có SGK):

*Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lí tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... nhằm thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.*

*Có nhiều loại kế hoạch tài chính cá nhân khác nhau. Xét về thời gian thực hiện có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Kế hoạch ngắn hạn (thời gian thực hiện dưới 3 tháng, mục tiêu chủ yếu là cân đối thu chi); Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn (thời gian thực hiện từ 3-9 tháng, mục tiêu không chỉ cân đối thu chi mà còn có mục tiêu tiết kiệm); Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn (thời gian từ 9 tháng trở lên) thực hiện những mục tiêu tài chính quan trọng bao hàm cả mục tiêu tiết kiệm, tăng thêm thu nhập...*

### ***Hoạt động 3. Tìm hiểu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân***

a) *Mục tiêu:* HV nêu được ý nghĩa của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) *Nội dung:* Phân tích câu chuyện "Chuyện chi tiêu của bạn Hiền" (phụ lục) và trả lời câu hỏi:

1) *Bạn Hiền trong câu chuyện đã lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?*

2) *Câu chuyện cho em thấy việc lập kế hoạch cá nhân có ý nghĩa gì?*

c) *Sản phẩm:*

1) *Nhân vật trong câu chuyện đã lập kế hoạch tài chính cá nhân với mục tiêu cân đối thu chi trong ngắn hạn, vạch ra kế hoạch thực hiện mục tiêu này bằng cách ghi chép tất cả các khoản chi tiêu hàng ngày, phân tích tình hình chi tiêu, từ đó chủ động điều chỉnh việc chi tiêu theo đúng kế hoạch. Tiếp theo bạn còn lập kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm một khoản tiền để có tiền về thăm gia đình.*

2) *Việc chủ động lập kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện nghiêm túc kế hoạch sẽ giúp cho mỗi người rèn luyện được thói quen, kĩ năng chi*



tiêu có kế hoạch để đảm bảo học tập tốt, tự chủ trong cuộc sống, nhờ đó bạn luôn được bạn bè, mọi người tôn trọng yêu mến. Ngược lại, người không lập kế hoạch tài chính cá nhân, chi tiêu tùy tiện dẫn đến nợ nần, gặp nhiều khó khăn trong học tập và cuộc sống.

*d) Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HV làm việc nhóm, đọc câu chuyện trong phụ lục I để trả lời lần lượt từng câu hỏi.

- GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, hoàn thiện câu trả lời, cử người trình bày trước lớp.

- GV mời 2 nhóm lần lượt lên báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HV trong lớp nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có), đại diện nhóm phản hồi ý kiến.

- GV chính xác hóa đáp án của học HV rồi đưa ra kết luận:

*Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:*

+ *Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập;*

+ *Hiểu rõ tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp;*

+ *Đảm bảo được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần;*

+ *Dự phòng và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống;*

+ *Được mọi người tôn trọng, quý mến.*

**C. Hoạt động luyện tập**

a) *Mục tiêu:* HV được củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) *Nội dung:* HV hoàn thành phiếu bài tập và giải quyết tình huống.

## PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HV.....Lớp:.....

**1/Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai? Giải thích vì sao?**

Ý kiến	Đúng hay sai	Giải thích
A. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có phương án dự phòng về tài chính.		
B. Chỉ những người khó khăn về tài chính mới cần lập kế hoạch tài chính cá nhân.		
C. Kế hoạch tài chính cá nhân tốt là phải đạt được mục tiêu tăng thêm thu nhập.		
D. Kế hoạch tài chính cá nhân thường thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn rồi sau đó lại lập kế hoạch mới.		

**2/ Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây:**

Hành vi	Nhận xét
A. Anh T không muốn chi bất cứ khoản nào khác ngoài những khoản tiêu dùng thiết yếu cho bản thân từ khi lập kế hoạch tài chính.	
B. Bạn H đã lập kế hoạch tiết kiệm tiền nhiều lần nhưng thường không thực hiện hoặc thực hiện nửa vời.	
C. Bà S có thói quen ghi chép tất cả những khoản chi tiêu vào sổ theo dõi chi tiêu của bản thân.	
D. Bạn M vẫn có thói quen lên kế hoạch chi tiết cho các khoản chi tiêu phục vụ học tập của bản thân.	

*Tình huống:* Với khoản thu nhập ít ỏi của hai vợ chồng, chị Minh thường lập kế hoạch chi tiêu hàng tháng cho cả gia đình. Chị thường ưu tiên cho các nhu cầu thiết yếu của cả nhà và tiền học hành của các con, biếu ông bà. Đồng thời, chị cũng dành một phần thu nhập để tiết kiệm cho các tình huống phát sinh và cho tương lai. Tuy nhiên, chồng chị lại không đồng ý tiết kiệm mà muốn dùng hết số tiền đó để mua sắm đồ dùng trong gia đình.

1) Em hãy nhận xét về kế hoạch chi tiêu của chị Minh.

2) Nếu là con em sẽ giải thích cho bố như thế nào để hiểu được kế hoạch chi tiêu của mẹ là đúng?

b) Sản phẩm

PHIẾU BÀI TẬP		
Họ tên HV.....Lớp:.....		
<b>1/Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai? Giải thích vì sao?</b>		
Ý kiến	Đúng hay sai	Giải thích
A. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có phương án dự phòng về tài chính.	<i>Đúng</i>	Vì có kế hoạch tài chính cá nhân sẽ nắm được tình hình tài chính, có tiết kiệm để dự phòng.
B. Chỉ những người khó khăn về tài chính mới cần lập kế hoạch tài chính cá nhân.	<i>Sai</i>	Vì ai cũng cần có kế hoạch tài chính cá nhân.
C. Kế hoạch tài chính cá nhân tốt là phải đạt được mục tiêu tăng thêm thu nhập.	<i>Sai</i>	Vì kế hoạch tài chính cá nhân nhiều khi chỉ cần đạt mục tiêu cân đối thu chi, tiết kiệm mà không đặt ra mục tiêu tăng thêm thu nhập.
D. Kế hoạch tài chính cá nhân thường thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn rồi sau đó lại lập kế hoạch mới.	<i>Sai</i>	Vì kế hoạch tài chính cá nhân có thể ngắn hạn nhưng cũng có kế hoạch trung, dài hạn.
<b>2/ Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây:</b>		
Hành vi	Nhận xét	
A. Anh T không muốn chi bất cứ khoản nào khác ngoài những khoản tiêu dùng thiết yếu cho bản thân từ khi lập kế hoạch tài chính.	Việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của anh T là chưa đúng vì trong cuộc sống cũng cần những khoản chi khác như quan tâm đến người thân, làm từ thiện,...	
B. Bạn H đã lập kế hoạch tiết kiệm tiền nhiều lần nhưng thường không thực hiện hoặc thực hiện nửa vời.	Đây là một biểu hiện tiêu cực vì không chỉ lập kế hoạch mà quan trọng hơn là phải thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân.	

C. Bà S có thói quen ghi chép tất cả những khoản chi tiêu vào sổ theo dõi chi tiêu của bản thân.	Đây là một thói quen tốt vì làm như vậy sẽ quản lý được chi tiêu, tránh được việc chi tiêu tùy tiện, thực hiện được chi tiêu có kế hoạch.
D. Chị M vẫn có thói quen lên kế hoạch chi tiết cho các khoản chi tiêu hằng ngày của gia đình.	Đây là thói quen tốt, luôn lên kế hoạch cho mọi khoản chi tiêu sẽ kiểm soát tài chính tốt.

### *Tình huống:*

1) Kế hoạch chi tiêu của chị Minh là hợp lý. Chị đã biết phân chia thu nhập thành các khoản phục vụ gia đình và có dự kiến cho tương lai.

2) Nếu là con em sẽ giải thích cho bố hiểu được việc lập kế hoạch chi tiêu của mẹ sẽ giúp gia đình chi tiêu hợp lý, tiết kiệm cho tình huống phát sinh và tiết kiệm cho tương lai, không lãng phí.

### *c) Tổ chức thực hiện*

- GV tổ chức cho HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp đôi) đọc các ý kiến, nêu quan điểm của mình và giải thích theo phiếu học tập. Đối với tình huống cho HV thảo luận nhóm, đóng vai xử lý tình huống và trả lời các câu hỏi.

- GV gọi 2 - 4 HV (hoặc cặp đôi) lên chia sẻ sản phẩm. GV cùng HV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- GV gọi 2 nhóm đóng vai xử lý tình huống.

- HV nhận xét và trao đổi ý kiến.

- GV kết luận và đưa ra đáp án cho từng bài trong phiếu học tập và tình huống.

### ***D. Hoạt động vận dụng***

a) *Mục đích:* HV vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

b) *Nội dung:* Em hãy sưu tầm một tấm gương về một trường hợp chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống và bài học rút ra đối với bản thân.

c) *Sản phẩm*: Bài viết trong 1 trang thể hiện đúng yêu cầu phần nội dung bài tập. bài viết có thể nộp trên Padlet hoặc trên mail.

d) *Tổ chức thực hiện*:

GV hướng dẫn HV viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác trong cuộc sống. Quy định rõ thời gian nộp bài viết.

## **PHỤ LỤC**

### **Câu chuyện chi tiêu của bạn Hiền**

Hoa có người bạn thân là Hiền. Tuy hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn, lại phải học xa nhà nhưng Hiền luôn chi tiêu có kế hoạch các khoản tiền ít ỏi bố mẹ cho hàng tháng. Trong khi đó, Hoa có điều kiện kinh tế tốt hơn nên thường thoải mái mua sắm những thứ mình muốn, có khi còn tiêu hết cả tiền mẹ cho để đóng học, phải hỏi vay tiền người khác. Thấy Hiền duy trì việc thực hiện kế hoạch chi tiêu tài chính lành mạnh, ổn định, không lãng phí, không bị thâm hụt, nợ nần lại còn có tiền tiết kiệm, Hoa rất nể phục và tự nhủ phải học tập Hiền, bắt tay ngay việc xây dựng kế hoạch tài chính cho riêng mình.

### **3.2. KHBD mạch Giáo dục pháp luật**

**Chủ đề: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### **Bài 3: Thực hiện pháp luật**

**(2 tiết)**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Năng lực**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật. Phân tích, thực hiện được công việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo*: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến việc thực hiện pháp luật trong đời sống để lựa chọn được hình thức phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện pháp luật của Nhà nước. Từ đó, nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác trong thực hiện pháp luật. Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Giải thích được các hiện tượng thực hiện pháp luật và các hiện tượng vi phạm pháp luật trong cuộc sống hằng ngày. Có khả năng tham gia thực hiện pháp luật ở một số lĩnh vực phù hợp với bản thân. Nhận xét, đánh giá, xử lý được các hiện tượng, tình huống pháp luật trong cuộc sống.

## **2. Phẩm chất**

*Trách nhiệm*: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện đúng pháp luật và các hoạt động tuyên truyền pháp luật trong cuộc sống.

## **II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

- Phiếu học tập.
- Hình ảnh liên quan đến bài học.
- Bút dạ, giấy A0, máy tính và máy chiếu.

## **III. Tiến trình dạy học**

### **A. Hoạt động mở đầu/khởi động**

#### ***Hoạt động 1: Khởi động***

##### *a) Mục tiêu:*

- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng cho HV khi bắt đầu bài học.
- HV bước đầu huy động được kiến thức, hiểu biết của mình để kết nối với bài học.

##### *b) Nội dung:*

GV cho HV tham gia trò chơi “*Ai đúng, ai không*”, trong đó, HV sẽ chỉ ra những hành vi thực hiện đúng và không đúng pháp luật của HV trong cuộc sống hằng ngày.

3) *Sản phẩm*: các câu trả lời của HV về các hành vi đúng và không đúng pháp luật của HV trong cuộc sống theo gợi ý dưới đây:

STT	Hành vi thực hiện đúng pháp luật	Hành vi thực hiện không đúng pháp luật
1	Bỏ rác đúng nơi quy định	Không đội mũ bảo hiểm
...	...	...

*d) Tổ chức thực hiện*

- GV chia HV thành 4 nhóm và phổ biến cách chơi cho HV. Mỗi nhóm sẽ cử đại diện của mình lên ghi nhanh các đáp án lên bảng (hoặc trên giấy A0 đã được chuẩn bị trước).

- HV thảo luận nhóm và thống nhất kết quả.

- GV gọi các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

- GV gợi ý cho HV lấy thêm một số ví dụ về các hành vi thực hiện đúng và không đúng pháp luật của HV trong cuộc sống hàng ngày. Đồng thời chia sẻ ý nghĩa của các hành vi thực hiện đúng pháp luật.

GV kết luận: Qua trò chơi trên, chúng ta thấy rằng, trong cuộc sống, mỗi người cần phải thực hiện các quy định của pháp luật. Vậy, thực hiện pháp luật là gì? Có những hình thức thực hiện pháp luật nào? Chúng ta sẽ giải quyết những câu hỏi này ở hoạt động tiếp theo của bài học.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**

***Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm thực hiện pháp luật***

a) *Mục tiêu*: HV nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.

b) *Nội dung*:

GV cho HV đọc quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:



*Câu hỏi:*

1) Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong các hình ảnh trên. Hành vi đó thể hiện quyền hay nghĩa vụ của công dân? Hành vi đó có ý nghĩa gì đối với công dân trong cuộc sống

2) Theo em, thực hiện pháp luật là gì?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HV sau khi quan sát các hình ảnh

1) Nhận xét hành vi của các nhân vật trong các hình ảnh

- Hình ảnh 1: HV tham gia dọn rác ở bãi biển. Đây là hành vi thực hiện đúng pháp luật thể hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của HV.

- Hình ảnh 2: Người dân tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân cấp. Đây là hành vi thực hiện đúng pháp luật thể hiện quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

- Các hành vi đó chính là việc công dân thực hiện pháp luật trong đời sống nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình, góp phần xây dựng, ổn định xã hội.

2) Chia sẻ của HV về thực hiện pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HV thảo luận nhóm phân tích các hình ảnh và trả lời các câu hỏi.

- HV trao đổi, thảo luận trong nhóm để đề thống nhất câu trả lời và ghi câu trả lời đã thống nhất của nhóm (vào bảng nhóm hoặc giấy A3)



- GV quan sát HV thực hiện nhiệm vụ, phát hiện nhóm khi thảo luận có nhiều ý kiến trái chiều, phát hiện có kết quả không giống nhau)

- GV hướng dẫn HV treo kết quả vào vị trí của nhóm; lựa chọn 2-3 nhóm HV trình bày sản phẩm (3 phút/nhóm), HV trong lớp quan sát, lắng nghe, ghi chép (sử dụng kĩ thuật 321).

- HV các nhóm lần lượt trình bày, nghe phần nhận xét từ các nhóm bạn hoặc các HV khác, trả lời các câu hỏi (nếu có).

- GV dựa vào sản phẩm thảo luận của HV để phân tích thêm và yêu cầu HV ghi vào vở kết luận:

*Thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật, làm cho pháp luật đi vào đời sống xã hội*

### **Hoạt động 3: Tìm hiểu các hình thức thực hiện pháp luật**

a) *Mục tiêu:* HV xác định được các hình thức thực hiện pháp luật trong đời sống (thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật).

b) *Nội dung:*

GV yêu cầu HV đọc các trường hợp và trả lời các câu hỏi:

*Trường hợp 1:* Mẹ Q mở cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật. Hằng tháng, mẹ Q đều nộp thuế cho các cơ quan nhà nước và chỉ bày bán các mặt hàng đã đăng ký kinh doanh.

*Trường hợp 2:* Từ khi thấy H không còn chơi thân với mình, N đã lên mạng xã hội để nói xấu và viết các thông tin không đúng sự thật về bạn. Sau khi biết được hành vi không đúng của N, H đã yêu cầu N viết bài xin lỗi công khai trên mạng xã hội.

*Câu hỏi:*

1) *Theo em, trong mỗi trường hợp trên các nhân vật đã thực hiện pháp luật như thế nào?*

2) *Em hãy tìm ra sự khác biệt của các nhân vật trong việc thực hiện pháp luật ở các tình huống trên.*

*c) Sản phẩm:*

1) Nhận xét việc thực hiện pháp luật ở hai trường hợp

- Trường hợp 1: Mẹ Q mở cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng theo đúng quy định của pháp luật và nộp thuế đúng quy định là thực hiện đúng pháp luật. Việc làm của mẹ Q là thi hành pháp luật.

- Trường hợp 2: Việc làm nói xấu và viết các thông tin không đúng sự thật của N là không thực hiện đúng pháp luật.

Việc bạn H yêu cầu N viết bài xin lỗi công khai trên mạng xã hội là hành vi thực hiện đúng pháp luật. Đó là việc sử dụng pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của mình.

2) Sự khác nhau giữa khác nhau giữa hình thức sử dụng pháp luật với thi hành pháp luật thể hiện ở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

*d) Tổ chức thực hiện:*

- GV yêu cầu HV thảo luận nhóm phân tích các trường hợp và trả lời các câu hỏi.

- GV hướng dẫn HV trao đổi, thảo luận trong nhóm để đề thống nhất câu trả lời và ghi câu trả lời đã thống nhất của nhóm (vào bảng nhóm hoặc giấy A3)

- GV hướng dẫn HV treo kết quả vào vị trí của nhóm; lựa chọn 2-3 nhóm HV trình bày sản phẩm.

- HV các nhóm lần lượt trình bày, nghe phần nhận xét từ các nhóm bạn hoặc các HV khác, trả lời các câu hỏi (nếu có).

GV dựa vào sản phẩm để phân tích thêm và yêu cầu HV ghi vào vở kết luận:

*Thi hành pháp luật* là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó cá nhân, tổ chức thực hiện nghĩa vụ của mình làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

*Sử dụng pháp luật* là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm.

### C. Hoạt động luyện tập

a) *Mục tiêu:* Củng cố, rèn luyện thực hiện các hình thức thi hành và sử dụng pháp luật; biết cách tự giác thực hiện và nhận xét được hành vi của người khác khi thực hiện pháp luật trong đời sống.

b) *Nội dung:* Thảo luận theo cặp và theo nhóm để hoàn thành phiếu bài tập, xử lý tình huống sau:

PHIẾU BÀI TẬP				
Họ tên HV.....Lớp:.....				
<b>Em hãy chỉ ra hình thức thực hiện pháp luật của các chủ thể trong các trường hợp sau và giải thích:</b>				
STT	Trường hợp	Thi hành pháp luật	Sử dụng pháp luật	Giải thích
1	Bạn T đã đăng ký khám tuyển nghĩa vụ quân sự khi đủ 18 tuổi.			
2	Anh K đã viết đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân về việc thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật.			
3	Công ty của bà G đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật.			
4	Ông D đã yêu cầu anh P bồi thường chi phí khám chữa bệnh vì anh P đã gây ra tai nạn.			

*Tình huống:*

Sau khi tốt nghiệp THPT, M có mong muốn mở một cửa hàng kinh doanh bánh ngọt nhằm thỏa mãn đam mê. Được bố mẹ tư vấn, M đã đi đăng ký kinh doanh tại cơ quan chức năng theo đúng quy định của pháp luật.

Theo em, việc M đi đăng ký kinh doanh có phải là thực hiện pháp luật không? Đó là thực hiện hình thức pháp luật nào?

c) Sản phẩm:

PHIẾU BÀI TẬP				
Họ tên HV.....Lớp:.....				
<b>Em hãy chỉ ra hình thức thực hiện pháp luật của các chủ thể trong các trường hợp sau và giải thích:</b>				
STT	Trường hợp	Thi hành pháp luật	Sử dụng pháp luật	Giải thích
1	Bạn T đã đăng ký khám tuyển nghĩa vụ quân sự khi đủ 18 tuổi.	x		Đăng ký khám tuyển nghĩa vụ khi đủ 18 tuổi của T là thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
2	Anh K đã viết đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân về việc thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật.		x	Việc viết đơn khiếu nại của anh K là thực hiện quyền dân chủ cơ bản của công dân.
3	Công ty của bà G đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật.	x		Việc xây dựng hệ thống nước thải của công ty bà G là thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường.
4	Ông D đã yêu cầu anh P bồi thường chi phí khám chữa bệnh vì anh P đã gây ra tai nạn.		x	Yêu cầu bồi thường chi phí khám chữa bệnh của ông D đối với anh P là thực hiện quyền tự do cơ bản của công dân.

*Tình huống:*

Việc M đăng ký kinh doanh tại cơ quan chức năng để mở cửa hàng bánh ngọt là thực hiện pháp luật. Đó chính là việc sử dụng pháp luật của M nhằm thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân.

*d) Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HV thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu bài tập và thảo luận nhóm để giải quyết các tình huống.

- HV thực hiện nhiệm vụ: Ghi ý kiến cá nhân ra vở nháp. Trao đổi với bạn ngồi cạnh để hoàn thành phiếu bài tập thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

- GV quan sát HV làm việc, phát hiện sự khác nhau về kết quả giữa các HV.

### **D. Hoạt động vận dụng**

a) *Mục tiêu:* HV thực hiện được một số việc làm thể hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình.

b) *Nội dung:* GV yêu cầu HV viết bài với nội dung “HV thực hiện pháp luật ở nơi công cộng” và chia sẻ với các bạn.

c) *Sản phẩm:* Bài viết của HV được nộp trên Padlet hoặc trên mail.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HV, yêu cầu HV viết bài.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV giúp đỡ HV trong quá trình làm việc.

## **PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1**

*Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:*



*Câu hỏi:*

1) *Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong các hình ảnh trên. Hành vi đó thể hiện quyền hay nghĩa vụ của công dân?*

2) *Theo em, thực hiện pháp luật là gì?*

### 3.3. KHBD chuyên đề Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình

#### Chủ đề: Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình

#### Bài 1: Tình yêu

(3 tiết)

#### I. Mục tiêu

##### 1. Năng lực

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi làm việc nhóm. Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo*: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến tình yêu phù hợp với lứa tuổi.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong tình yêu và đồng tình, ủng hộ thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với các biểu hiện của tình yêu chân chính.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề khi trình bày được thế nào là tình yêu và biểu hiện của tình yêu chân chính. Đồng thời, bước đầu đưa ra được quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân cần tránh trong tình yêu bằng các hành vi, việc làm phù hợp với lứa tuổi.

##### 2. Phẩm chất

- *Nhân ái*: Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người bạn khác giới. Đồng thời, tôn trọng mọi người trong tình yêu chân chính.

- *Trách nhiệm*: Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi trình bày những vấn đề liên quan đến chủ đề tình yêu. Có ý thức làm tròn bổn phận của mình trong tình yêu.

#### II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Phiếu học tập.

- Hình ảnh, video, bài hát liên quan đến bài học.
- Bút dạ, giấy A0, A3, máy tính và máy chiếu.

### **III. Tiến trình dạy học**

#### **A. Hoạt động mở đầu/khởi động**

##### ***Hoạt động 1: Khởi động***

###### *a) Mục tiêu:*

- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng cho HV khi bắt đầu bài học.
- HV bước đầu huy động được kiến thức, hiểu biết của mình để kết nối với bài học.

*b) Nội dung:* GV yêu cầu HV tìm những câu ca dao, tục ngữ về tình yêu

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của HV

###### *d) Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HV thảo luận cặp đôi, giao nhiệm vụ và thời gian cho các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- HV tiến hành thảo luận cặp đôi, ghi các câu trả lời thống nhất vào giấy A3.
- GV quan sát quá trình làm việc của HV và hỗ trợ (nếu có).
- GV gọi 1-2 nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, trình bày.
- GV kết luận và dẫn dắt:

Với mỗi người, tình yêu có vai trò to lớn và quan trọng trong đời sống của mỗi người. Chính vì vậy, tình yêu luôn được mọi người quan tâm và tìm kiếm. Vậy tình yêu là gì? Tình yêu chân chính có biểu hiện gì? Chúng ta cùng tìm hiểu ở các hoạt động tiếp theo.

#### **B. Hoạt động khám phá**

##### ***Hoạt động 2: Thế nào là tình yêu***

*a) Mục tiêu:* HV trình bày được thế nào là tình yêu.

b) *Nội dung:* GV yêu cầu HV đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi (Phụ lục I).

*Câu hỏi:*

1) *Em hãy chỉ ra những biểu hiện về cảm xúc, tình cảm của 2 nhân vật trong câu chuyện.*

2) *Theo em, những biểu hiện cảm xúc, tình cảm đó có phải là tình yêu không?*

3) *Em hãy chia sẻ quan niệm của em về tình yêu.*

c) *Sản phẩm:*

1) Những biểu hiện về cảm xúc và tình cảm của 2 nhân vật trong câu chuyện: nhớ nhung, quý mến, đồng cảm, chia sẻ, chân thành, yêu thương.

2) Những biểu hiện về cảm xúc và tình cảm đó là một trong những biểu hiện của tình yêu.

3) Quan niệm của HV về tình yêu.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HV thảo luận nhóm về nội dung câu chuyện và trả lời câu hỏi.
- HV tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời ghi vào giấy.
- GV quan sát quá trình làm việc của HV và có sự hỗ trợ (nếu cần).
- GV gọi 2-3 nhóm lên chia sẻ sản phẩm thảo luận, các nhóm khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét, kết luận và đưa ra quan niệm về tình yêu:

*Khái niệm tình yêu:* Tình yêu là một dạng tình cảm đặc biệt giữa người nam và người nữ dựa trên sự phù hợp về nhiều mặt và họ có khao khát được gắn bó, gần gũi, trách nhiệm với nhau.

### ***Hoạt động 3: Biểu hiện của tình yêu chân chính***

a) *Mục tiêu:* HV trình bày được biểu hiện của tình yêu chân chính.

b) *Nội dung:* GV tổ chức cho HV đọc câu chuyện thảo luận và trả lời câu hỏi



*Câu hỏi:*

1) Tình yêu của Khuyên và Đức được thể hiện như thế nào? Đó có phải là tình yêu chân chính không?

2) Theo em, tình yêu chân chính sẽ có những biểu hiện nào?

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HV về các biểu hiện của tình yêu chân chính.

1) Tình yêu của Khuyên và Đức được thể hiện qua sự tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ, tôn trọng và chung thủy. Đó là những biểu hiện của tình yêu chân chính.

2) Chia sẻ của HV về các biểu hiện của tình yêu chân chính.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HV thảo luận nhóm đưa ra các tranh luận
- HV tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời ghi vào giấy.
- GV quan sát quá trình làm việc của HV và có sự hỗ trợ (nếu cần).
- GV cho các nhóm lên chia sẻ sản phẩm thảo luận, các nhóm nhận xét, phản hồi.
- GV nhận xét, kết luận và đưa ra quan niệm về tình yêu:

*Biểu hiện của tình yêu chân chính:*

+ Chung thủy: là cơ sở cho tình yêu bền vững và tiến tới hôn nhân của hai người.

+ Quan tâm: luôn sẵn sàng chia sẻ, bảo vệ và giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Chân thành: đối xử trung thực với nhau, không dấu giếm nhau để tạo nên niềm tin giữa hai người với nhau.

+ Tôn trọng: cả hai người đều tôn trọng cá tính, quan điểm riêng của nhau, không áp đặt và có định kiến.

+ Bao dung và vị tha với nhau trên cơ sở đồng cảm và thấu hiểu.

### ***Hoạt động 3: Một số điều cần tránh trong tình yêu***

a) *Mục tiêu:* HV trình bày được một số điều cần tránh trong tình yêu.

b) *Nội dung:* GV tổ chức cho HV thảo luận trường hợp và trả lời câu hỏi

*Trường hợp 1:* Q cho rằng trong tình yêu cần phải xác định rõ ràng mình sẽ có được những lợi ích gì?

*Trường hợp 2:* T luôn tâm niệm nếu đã yêu một ai thì sẽ yêu đến cùng cho dù người đó không yêu mình và cùng một lúc có thể yêu nhiều người.

*Trường hợp 3:* V nghĩ rằng không nên phân biệt giàu nghèo trong tình yêu mà quan trọng là sự quan tâm, thấu hiểu và đồng cảm.

*Câu hỏi:*

1) Em đồng tình và không đồng tình với ý kiến của nhân vật nào trong 3 trường hợp trên.

2) Theo em, trong tình yêu cần tránh những điều gì?

c) *Sản phẩm:*

1) Không đồng tình với ý kiến của Q và T vì

- Ý kiến của Q thể hiện sự ích kỷ, tính toán, vụ lợi, luôn chỉ nghĩ cho bản thân mình, không có sự chia sẻ, đồng cảm.

- Ý kiến của T là sự cố chấp, ích kỷ và không chung thủy trong tình yêu

Đồng tình với ý kiến của V vì đó là những biểu hiện của tình yêu chân chính.

2) Câu trả lời của HV về những điều cần tránh trong tình yêu.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HV thảo luận nhóm phân tích các trường hợp, đưa ra các tranh luận.

- HV tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời ghi vào giấy.

- GV quan sát quá trình làm việc của HV và có sự hỗ trợ (nếu cần).

- GV cho các nhóm lên chia sẻ sản phẩm thảo luận, các nhóm nhận xét và phản hồi.

- GV nhận xét, kết luận và đưa ra những điều cần tránh trong tình yêu:

*Những điều cần tránh trong tình yêu:*

+ Không yêu sớm ở độ tuổi vị thành niên vì còn thiếu kĩ năng, kinh nghiệm sống nên có thể chưa đưa ra được những quyết định đúng đắn.

+ Không nên vụ lợi trong tình yêu để nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

+ Không cùng một lúc yêu nhiều người để thể hiện bản thân với người khác.

+ Không ích kỉ chỉ nghĩ đến bản thân mình, coi mình là trung tâm mà không để ý đến cảm xúc, suy nghĩ của người khác.

+ Không quan hệ tình dục sớm và quan hệ tình dục không an toàn vì có thể gây nên những hậu quả như mang thai ngoài ý muốn, các bệnh lây lan qua đường tình dục,...

### **C. Hoạt động luyện tập**

a) *Mục tiêu:* Giúp HV rèn luyện và củng cố hiểu biết của bản thân về tình yêu, các biểu hiện của tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

b) *Nội dung:* Thảo luận theo cặp và theo nhóm để hoàn thành phiếu bài tập, xử lý tình huống sau:

<b>PHIẾU BÀI TẬP</b>				
Họ tên HV.....Lớp:.....				
<b>Em đồng tình với ý kiến nào sau đây và giải thích:</b>				
STT	Nội dung	Ý kiến		Giải thích
		Đồng tình	Không đồng tình	
1	Tình yêu nam nữ cần phải có sự bao dung, chân thành và tôn trọng.			

2	Nam nữ khi yêu nên quan hệ tình dục trước hôn nhân để tạo sự ràng buộc.			
3	Trong tình yêu cần có sự tính toán để không bị thiệt nếu chia tay.			
4	Khi yêu hãy chung thủy và không chia sẻ với bất cứ ai.			

*Tình huống:*

1. Thấy chị H. hiền lành và có công việc ổn định nên anh D. rất thích. Bố mẹ anh D. đã sang nói chuyện với gia đình chị H. để hai anh chị tìm hiểu nhau. Tuy nhiên, chị H. không đồng ý với lí do là mình đã có người yêu nên không cần tìm hiểu ai. Sau khi biết tin, anh D. đã rất tức giận và đe dọa chị H. nếu không yêu mình thì sẽ không cho ai yêu chị.

- Em hãy nhận xét về hành vi của anh D. và chị H.

- Theo em tình cảm mà anh D. dành cho chị H. có phải là tình yêu chân chính không? Vì sao?

2. V. và K. học cùng một lớp và chơi với nhau rất thân. K. rất thích V. nên đã tỏ tình để V. Hiểu tình cảm của mình. Tuy nhiên, V. lại muốn tập trung ôn thi vào đại học và không có ý định yêu đương vào thời gian này.

Nếu là V., em sẽ ứng xử như thế nào để không mất đi người bạn thân của mình?

c) *Sản phẩm:* phiếu bài tập và cách xử lý tình huống của HV.

PHIẾU BÀI TẬP				
Họ tên HV.....Lớp:.....				
<b>Em đồng tình với ý kiến nào sau đây và giải thích:</b>				
STT	Nội dung	Ý kiến		Giải thích
		Đồng tình	Không đồng tình	
1	Tình yêu nam nữ cần phải có sự bao dung, chân thành và tôn trọng.	X		Đây là những biểu hiện của một tình yêu chân chính.

2	Nam nữ khi yêu nên quan hệ tình dục trước hôn nhân để tạo sự ràng buộc.		X	Bởi vì quan hệ tình dục trước hôn nhân sẽ để lại những hậu quả không mong muốn.
3	Trong tình yêu cần có sự tính toán để không bị thiệt nếu chia tay.		X	Đây là biểu hiện của sự ích kỷ, vụ lợi trong tình yêu.
4	Khi yêu hãy chung thủy và không chia sẻ với bất cứ ai.	X		Tình yêu cần có sự chung thủy làm nền tảng cho sự bền vững và khi yêu một ai đó thì sẽ dành tình cảm cho người đó, không chia sẻ với người khác.

### *Tình huống 1:*

- Hành vi đe dọa của anh D. là vi phạm pháp luật và thể hiện sự ích kỷ muốn chiếm lĩnh mà không có sự thấu hiểu, đồng cảm.

Hành vi của chị H. thể hiện sự chung thủy và rõ ràng trong tình yêu.

- Tình cảm mà anh D. dành cho chị H. không phải là tình yêu chân chính vì nó không có sự tự nguyện và thể hiện sự ích kỷ muốn chiếm hữu.

### *Tình huống 2:*

Nếu là V., em sẽ tìm cách chia sẻ để cho K. hiểu được hai người sẽ mãi chỉ là bạn thân có thể hiểu nhau, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với nhau và giúp đỡ nhau học tập. Đồng thời, cũng nhấn mạnh để cho K hiểu tình cảm của V. chỉ dừng ở đó, không thể tiến xa hơn.

## **D. Hoạt động vận dụng**

a) *Mục tiêu:* HV hiểu và thực hiện được một số việc cần tránh trong tình yêu và xác định đúng được các biểu hiện của một tình yêu chân chính.

b) *Nội dung:* GV yêu cầu HV tổ chức một buổi tọa đàm với chủ đề “Tình yêu tuổi học trò) theo các gợi ý sau đây:

- Mục đích, mục tiêu cần đạt được của buổi tọa đàm.

- Nội dung chính của tọa đàm.
- Lựa chọn địa điểm và thời gian tổ chức tọa đàm.
- Kinh phí dự trù cho chương trình.
- Thành phần tham dự buổi tọa đàm.
- Tiến hành tổ chức tọa đàm.
- Báo cáo thu hoạch sau tọa đàm.

c) *Sản phẩm*: Buổi tọa đàm của HV và báo cáo sau tọa đàm.

d) *Tổ chức thực hiện*:

- GV giao nhiệm vụ cho HV, yêu cầu HV viết bài.
- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV giúp đỡ HV trong quá trình làm việc.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1

Từ khi quen nhau qua một người bạn thân, sau mỗi giờ tan ca, Tuấn thường nhắn tin hỏi thăm và mời Ngọc đi uống nước. Qua nhiều lần trò chuyện, Ngọc và Tuấn rất quý mến nhau. Lâu dần Ngọc thấy Tuấn là người hiền lành, tốt tính nên cũng có cảm tình. Ngọc chia sẻ với Tuấn nhiều câu chuyện trong cuộc sống và nhận thấy ở Tuấn có sự đồng cảm với mình. Tuấn cũng thấy Ngọc là một người nhẹ nhàng, nhanh nhẹn và bao dung nên hằng ngày đều nhớ nhung đến Ngọc. Trong buổi tiệc sinh nhật của Ngọc, Tuấn đã tỏ tình và nhận được sự đồng ý vì cả hai thấy được sự chân thành và yêu thương dành cho nhau.

### PHỤ LỤC 2

Khuyên và Đức là hai bạn học cùng một lớp và rất quý mến nhau. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, cả hai đều đỗ một trường đại học trên thành phố. Khuyên và Đức thường cùng nhau học tập trên thư viện, chia sẻ với nhau về cuộc sống và cả hai đã yêu nhau. Tốt nghiệp đại học, đi làm nhưng Đức và Khuyên luôn tôn trọng công việc của nhau, không áp đặt nhau nên tình cảm ngày càng bền vững. Tuy có nhiều bạn đồng nghiệp khác giới trong công ty quý mến, nhưng Khuyên luôn tỏ rõ thái độ và chia sẻ mình đã có người yêu. Mặt khác, mỗi khi gặp khó khăn trong công việc và cuộc sống, Khuyên và Đức luôn giúp đỡ nhau, động viên nhau vượt qua khó khăn để học hỏi và trưởng thành. Vì vậy, sau 6 năm gắn bó, đồng cảm, yêu thương nhau, Khuyên và Đức đã kết hôn với nhau và nhận được sự ủng hộ, chúc phúc của hai bên gia đình.

### **Bài 3. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HV THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

## **1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

### **1.1. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong Chương trình GDPT 2018**

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HV để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HV. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Việc đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của GV, của cha mẹ HV, của bản thân HV được đánh giá và của các HV khác.

Việc đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.



Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phương thức đánh giá bảo đảm độ tin cậy, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực lên HV, hạn chế tốn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình HV và xã hội.

Nghiên cứu từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại HV ở cơ sở giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng đánh giá ở cơ sở giáo dục.

## **1.2. Định hướng đánh giá kết quả học tập của HV trong dạy học môn GD kinh tế và pháp luật**

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HV về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HV tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

**1.2.1. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập** (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HV trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình

hướng, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HV. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HV được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HV trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HV, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

**1.2.2.** Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá của HV và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HV.

**1.2.3.** Đánh giá, xếp loại HV sau mỗi học kì và cả năm học thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HV THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

### **2.1. Hình thức đánh giá**

*(Nguồn: Theo Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021)*

#### **2.1.1. Đánh giá bằng nhận xét**

- GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HV; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HV trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HV.

- HV dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

- Cha mẹ HV hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HV cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của viên.

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HV được sử dụng trong đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HV phù hợp với đặc thù của môn học.

### **2.1.2. Đánh giá bằng điểm số**

- GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HV.

- Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HV phù hợp với đặc thù của môn học.

#### *Hình thức đánh giá đối với các môn học*

Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục thường xuyên; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

### **2.2. Đánh giá thường xuyên**

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HV theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành<sup>6</sup>;

ĐGTX chỉ những hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện trong quá trình dạy học, có ý nghĩa phân biệt với những hoạt động kiểm tra đánh giá trước khi bắt đầu quá trình dạy học một môn học nào đó (đánh giá đầu năm/đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc quá trình dạy học môn học này

---

<sup>6</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT*, ngày 26/08/2020

(đánh giá tổng kết). ĐGTX được xem là đánh giá vì học tập hoặc vì sự tiến bộ của người học.<sup>7</sup>

Mục đích của ĐGTX nhằm thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả học tập của HV trong quá trình học để cung cấp những phản hồi cho HV và GV biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu, yêu cầu của bài dạy/ chủ đề, của chương trình và những gì họ chưa làm được để điều chỉnh hoạt động dạy và học. ĐGTX đưa ra những khuyến nghị để HV có thể làm tốt hơn những gì mình chưa làm được, từ đó nâng cao kết quả học tập trong thời điểm tiếp theo.

ĐGTX còn giúp chẩn đoán hoặc đo kiến thức và KN hiện tại của HV nhằm dự báo hoặc tiên đoán những bài dạy/ chủ đề hoặc chương trình học tiếp theo cần được xây dựng thế nào cho phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm lí của HV. ĐGTX cung cấp kịp thời thông tin phản hồi cho GV và HV để điều chỉnh hoạt động dạy và học, không nhằm xếp loại thành tích hay kết quả học tập và không nhằm mục đích đưa ra kết luận về kết quả giáo dục cuối cùng của từng HV. Ngoài việc kịp thời động viên, khuyến khích khi HV thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, ĐGTX còn tập trung vào việc phát hiện, tìm ra những thiếu sót, lỗi, những nhân tố ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, rèn luyện của HV để có những giải pháp hỗ trợ điều chỉnh kịp thời, giúp cải thiện, nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

Đối với mỗi môn học, mỗi HV được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo KHGD của TCM, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá HV (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy

---

<sup>7</sup> Bộ Giáo dục và đào tạo, Vụ giáo dục trung học, *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận NL HV các môn học*, Hà Nội 2014

định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Mỗi môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG<sub>tx</sub>) trong mỗi học kì như sau:

- a) Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG<sub>tx</sub>.
- b) Môn học có từ 36 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG<sub>tx</sub>.
- c) Môn học có từ 71 tiết/năm học trở lên: 04 ĐĐG<sub>tx</sub>.

3. Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp THPT, mỗi HV được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá HV (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

### **2.3. Đánh giá định kì**

Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HV theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành<sup>8</sup>;

Mục đích chính của ĐGĐK là thu thập thông tin từ HV để đánh giá kết quả học tập và giáo dục sau một giai đoạn học tập nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định thành tích của HV, xếp loại HV và đưa ra kết luận giáo dục.

Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy, trên máy tính hoặc bằng hình thức trực tuyến; thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đề kiểm tra của mỗi môn học được xây dựng dựa trên Bản đặc tả đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của mỗi môn học được quy định trong Chương trình giáo dục

---

<sup>8</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT*, ngày 26/08/2020

thường xuyên. Không thực hiện đánh giá định kỳ đối với cụm chuyên đề học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra đánh giá định kỳ.

a) Đối với môn học có từ 70 tiết/năm trở xuống thời gian làm bài là 45 phút.

b) Đối với môn học có từ 71 tiết/năm trở lên thời gian làm bài từ 60 phút đến 90 phút.

3. Mỗi môn học có 01 (một) điểm đánh giá giữa kỳ (sau đây gọi là ĐĐG<sub>gk</sub>) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kỳ (sau đây gọi là ĐĐG<sub>ck</sub>) trong mỗi học kỳ.

4. Những HV không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 3 Điều này nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kỳ.

5. Trường hợp HV không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

## **2.4. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá**

### **2.4.1. Phương pháp kiểm tra viết**

Kiểm tra viết là phương pháp kiểm tra đánh giá trong đó HV viết câu trả lời cho các câu hỏi hoặc vấn đề vào giấy hoặc đánh máy. Khi HV làm một bài kiểm tra trắc nghiệm, trả lời câu hỏi tự luận, viết báo cáo, vẽ một bức tranh, viết một bài luận, hoặc điền vào một bảng ma trận ghi nhớ,... đó là HV đang cung cấp các chứng cứ viết cho GV.

Sử dụng phương pháp kiểm tra viết có thể đánh giá được các NL chung (NL tự học, NL hợp tác và NL GQVĐ & ST) và NL đặc thù là NL KHTN (NL nhận thức KHTN, NL tìm hiểu tự nhiên, NL vận dụng kiến thức và KN đã học).

Kĩ thuật đánh giá bằng kiểm tra viết bao gồm các dạng là: Kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra tự luận và bài luận, trong đó phổ biến là kiểm tra tự luận và trắc nghiệm.

### ❖ *Phương pháp kiểm tra tự luận*

Là phương pháp GV thiết kế câu hỏi, bài tập, HV xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập trên giấy hoặc máy tính. Một bài kiểm tra tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, nó cho phép một sự tự do tương đối để trả lời các vấn đề đặt ra. Phương pháp này sử dụng các công cụ là các câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra,...

– *Ưu điểm*: Trong cùng một thời gian GV kiểm tra được một số lượng lớn HV, giúp thu được thông tin về kiến thức và kĩ năng của HV. Do HV được kiểm tra trong những thời lượng, thời gian và điều kiện như nhau nên thu được thông tin tương đối khách quan về kết quả học tập. Kiểm tra dạng tự luận có khả năng đo lường được các mục tiêu cần thiết và đo lường tốt ở mức độ từ thấp (nhớ, hiểu, vận dụng) đến mức độ cao (phân tích, đánh giá, sáng tạo). Bài tự luận khi được thiết kế một cách cẩn thận có thể tạo điều kiện để HV bộc lộ khả năng suy luận, sắp xếp dữ kiện, khả năng phê phán, đưa ra những ý kiến mới. Việc chuẩn bị bài tự luận không quá khó khăn và mất thời gian.

– *Nhược điểm*: Phương pháp này có số lượng câu hỏi ít nên khó bao quát được nội dung của chương trình học. Việc đánh giá vẫn chịu ảnh hưởng nhiều ở chủ quan người chấm. Mặt khác, chấm điểm các bài tự luận tốn nhiều thời gian, độ tin cậy không cao.

### – *Yêu cầu khi sử dụng phương pháp*

Đối với câu hỏi cần được diễn đạt rõ ràng, chú ý đến cấu trúc ngữ pháp, chọn từ ngữ chính xác, tránh tăng mức độ khó của câu hỏi bằng cách diễn đạt phức tạp gây ra sự khó hiểu, tránh những từ hoặc câu thừa.

Khi tiến hành tổ chức kiểm tra cần đảm bảo phù hợp về thời gian làm bài, tránh các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài, đảm bảo nghiêm túc khi làm bài.

Khi chấm bài cần xác định thang điểm một cách chính xác và chi tiết; nên dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lý và cho điểm; người chấm không nên biết tên HV hoặc lớp HV; việc chấm điểm cần có sự độc lập giữa những người chấm.

Phương pháp kiểm tra dạng bài tự luận được sử dụng trong những trường hợp sau:

– Khi nhóm HV được khảo sát có số lượng vừa phải và chỉ nên sử dụng một lần, không nên dùng lại ngay ở lần sau.

– Khi muốn khuyến khích HV phát triển KN diễn đạt thông qua viết.

– Khi GV muốn thăm dò thái độ hay tìm hiểu tư tưởng, quan điểm của HV về một vấn đề nào đó.

– Dùng bài kiểm tra dạng tự luận chỉ thực sự có hiệu quả khi GV chấm bài một cách vô tư và thận trọng để đảm bảo tính khách quan, chính xác.

#### **❖ Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm khách quan**

Phương pháp kiểm tra dạng này thường sử dụng một bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản hay một từ, một cụm từ.

Phương pháp này cần sử dụng các công cụ là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bao gồm 05 loại sau: loại câu đúng/ sai; loại câu điền khuyết; loại câu ghép đôi; loại câu trả lời ngắn; loại câu nhiều lựa chọn.

– *Ưu điểm:* Trắc nghiệm khách quan có khả năng đo được các mức độ của nhận thức biết, hiểu, vận dụng (ở mức nhận thức cao khó thiết kế câu trắc nghiệm), nó bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện cho nội dung cần đánh giá. Trắc nghiệm khách quan giúp nâng cao tính khách quan, độ giá trị và tin cậy cho kiểm tra, đánh giá vì nội dung kiểm tra bao quát được chương trình học, tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng, hạn chế sự phụ thuộc của đánh giá vào chủ quan người chấm.

Trong trường hợp đã có những câu trắc nghiệm tốt, tức là những câu đã qua thử nghiệm và đạt được các yêu cầu nhất định về độ khó, độ phân biệt,



những câu trắc nghiệm khách quan được dự trữ sẵn sẽ rất tiện lợi khi soạn một bài kiểm tra mới.

– *Nhược điểm*: Trắc nghiệm khách quan có khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp trình bày và đưa ra ý tưởng mới, quá trình chuẩn bị câu hỏi khó và mất nhiều thời gian. Trắc nghiệm được sử dụng để kiểm tra chủ yếu là kiến thức và KN của người học.

– *Khi sử dụng trắc nghiệm khách quan cần chú ý*:

Yêu cầu đối với câu trắc nghiệm phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung và cách diễn đạt, đảm bảo các chỉ số của một câu trắc nghiệm khách quan, các câu hỏi đưa vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, khi sắp xếp câu trắc nghiệm cần xếp theo từng chủ đề và từ dễ đến khó.

Khi kiểm tra, số lượng bài trắc nghiệm và phiếu trả lời được nhân bản theo số lượng người làm trắc nghiệm, đồng thời cần có các biện pháp chống gian lận khi làm bài thông qua thiết kế bài trắc nghiệm.

Phương pháp trắc nghiệm khách quan nên sử dụng trong những trường hợp sau:

– Khi cần khảo sát kết quả học tập trên một số lượng lớn HV hoặc muốn tiếp tục dùng bài trắc nghiệm đó ngay ở những lần sau.

– Muốn đo lường tốt nhất các mục tiêu biết, hiểu và vận dụng.

– Khi không muốn mất nhiều thời gian để chấm điểm, muốn chấm điểm nhẹ nhàng, nhanh chóng và có được những điểm số đáng tin cậy không phụ thuộc vào chủ quan của người chấm bài.

– Khi muốn ngăn ngừa HV học tủ và gian lận trong khi làm bài.

#### 2.4.2. Phương pháp hỏi – đáp (vấn đáp)

Hỏi - đáp là phương pháp GV đặt câu hỏi và HV trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà HV cần lĩnh hội, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng những tri thức HV đã học. Ngoài ra, còn có hỏi đáp giữa HV với HV. Phương pháp hỏi - đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về HV.

Hỏi đáp có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học, nó giúp cho GV đánh giá việc học của HV và thu hút sự chú ý của một HV nào đó đang mất tập trung. Hỏi đáp là một phương pháp rất phổ biến ở mọi lớp học và sau mỗi bài học.

Các công cụ sử dụng trong phương pháp hỏi đáp là hệ thống các câu hỏi đánh giá phẩm chất, NL hoặc bảng các câu hỏi về các vấn đề bài học, ví dụ: Trước khi học bài mới em có tìm hiểu bài học ở nhà không? Tìm hiểu những nội dung nào?...

Sử dụng phương pháp hỏi đáp có thể đánh giá được các phẩm chất, các NL chung như NL tự học, NL giao tiếp, NL GQVĐ & ST và NL KHTN.

Tuỳ theo vị trí của phương pháp hỏi đáp trong quá trình dạy học, cũng như tuỳ theo mục đích, nội dung của bài, người ta phân biệt những dạng hỏi đáp cơ bản sau:

*Hỏi–đáp gợi mở:* GV khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở, dẫn dắt HV rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới. Hình thức này có tác dụng khơi gợi tính tích cực của HV rất mạnh, nhưng cũng đòi hỏi GV phải khéo léo, tránh đi đường vòng, lan man, xa vấn đề.

*Hỏi – đáp củng cố:* Được sử dụng sau khi dạy học kiến thức mới, giúp HV củng cố được những kiến thức cơ bản nhất và hệ thống hoá, mở rộng và đào sâu những kiến thức đã học, khắc phục việc hiểu nội dung chưa chính xác.

*Hỏi – đáp tổng kết:* Được sử dụng khi yêu cầu HV khái quát hoá, hệ thống hoá những kiến thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định.

*Hỏi–đáp kiểm tra:* Được sử dụng trước, trong và sau bài dạy/ chủ đề hoặc sau một vài bài chủ đề giúp GV kiểm tra kiến thức HV một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp HV tự kiểm tra kiến thức.

*Ưu, nhược điểm và yêu cầu sử dụng phương pháp hỏi – đáp*

– *Ưu điểm:* Kích thích tính độc lập tư duy ở HV để tìm ra câu trả lời tối ưu trong thời gian nhanh nhất; Bồi dưỡng cho HV NL diễn đạt bằng lời nói; tăng hứng thú học tập qua kết quả trả lời; Giúp GV thu tín hiệu ngược từ HV một cách nhanh chóng kể kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình, mặt khác có điều kiện quan tâm đến từng HV, nhất là những HV giỏi và kém; Tạo không khí làm việc sôi nổi, sinh động trong giờ học.

– *Nhược điểm:* Dễ làm mất thời gian, ảnh hưởng không tốt đến kế hoạch lên lớp cũng như mất nhiều thời gian để soạn hệ thống câu hỏi; Nếu không khéo léo sẽ không thu hút được toàn lớp mà chỉ là đối thoại giữa GV và một HV.

*Yêu cầu khi sử dụng phương pháp hỏi - đáp:*

- Đối với câu hỏi cần phải chính xác rõ ràng, sát với trình độ của HV, diễn đạt câu đúng ngữ pháp, rõ ràng, dễ hiểu. Câu hỏi phải có tác dụng kích thích tính tích cực, độc lập tư duy của HV.

- Khi hỏi đáp cần chăm chú theo dõi câu trả lời của HV, có thái độ bình tĩnh, tránh nôn nóng cắt ngang câu trả lời khi không cần thiết.

- Cần có từ hai GV trở lên tham gia đánh giá để đảm bảo tính khách quan.

### **2.4.3. Phương pháp quan sát**

Quan sát là phương pháp thu thập thông tin thông qua quan sát đối tượng nghiên cứu. Trong dạy học, GV thường quan sát hành vi, thái độ của HV (quan sát quá trình) hoặc sản phẩm do HV làm ra (quan sát sản phẩm).

*Quan sát quá trình* đòi hỏi trong thời gian quan sát, GV phải chú ý đến những hành vi của HV như: sự tương tác giữa các HV với nhau trong nhóm (tranh luận, chia sẻ suy nghĩ,...); sự chú ý, tập trung trong học tập; thái độ học tập: hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học; ngồi im thụ động hoặc cử động tay liên tục;...

*Quan sát sản phẩm:* HV tạo ra sản phẩm cụ thể, sản phẩm có thể là bài luận ngắn, bài tập nhóm, báo cáo ghi chép/bài tập môn khoa học, báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, tạo ra được một dụng cụ thực hành/ thí nghiệm... HV phải tự trình bày sản phẩm của mình, còn GV và các HV khác sẽ đánh giá sự tiến bộ hoặc xem xét quá trình làm ra sản phẩm đó. Người quan sát sẽ cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp HV hoàn thiện sản phẩm.

Trong quan sát, GV có thể sử dụng các loại công cụ để thu thập thông tin như *Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, bảng đánh giá theo tiêu chí*,...

*Ví dụ:* Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, GV có thể sử dụng phiếu ghi chép các sự kiện thường nhật như sau:

Mẫu ghi chép sự kiện thường nhật	
Lớp.....	Tên HV.....
Thời gian.....	Địa điểm.....
Người quan sát.....	
Nội dung quan sát....	

Sử dụng phương pháp quan sát có thể đánh giá được các phẩm chất, các NL chung như NL tự học, NL hợp tác và NL GQVĐ & ST....

Quan sát có thể được tiến hành chính thức hoặc không chính thức, cụ thể như sau:

*Quan sát được tiến hành chính thức và định trước:* Đây là loại quan sát mà GV đã có thời gian để chuẩn bị cho HV và xác định trước từng hành vi

cụ thể đã được quan sát, ví dụ như trong trường hợp GV đánh giá HV khi trình bày bài báo cáo trước lớp. Trong những tình huống như thế, GV có thể quan sát một tập hợp các hành vi ứng xử của HV.

*Quan sát không được định sẵn và không chính thức:* Đây là những quan sát mang tính tự phát, phản ánh những tình huống, khoảnh khắc, sự việc xảy ra thoáng qua không định sẵn mà GV ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải, ví dụ như khi GV thấy hai HV nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một em HV có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một HV bồn chồn, ngồi không yên và luôn nhìn ra cửa sổ trong suốt giờ khoa học.

*Ưu, nhược điểm và yêu cầu khi sử dụng phương pháp quan sát*

– *Ưu điểm:* Giúp cho việc thu thập thông tin của GV được kịp thời, nhanh chóng. Quan sát được dùng kết hợp với các phương pháp khác sẽ giúp việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách liên tục, thường xuyên và toàn diện.

– *Hạn chế:* Kết quả quan sát phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ quan của người quan sát; Khối lượng quan sát không được lớn, khối lượng thu được không thật toàn diện nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Chỉ thu được những biểu hiện trực tiếp, bề ngoài của đối tượng.

*Yêu cầu khi sử dụng phương pháp quan sát:* Cần xác định rõ mục đích, nội dung, trình tự quan sát, phương tiện sử dụng để quan sát; Kết quả quan sát phải được phản ánh đầy đủ trong biên bản; Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào quá trình quan sát. Phương pháp quan sát cần phải được sử dụng phối hợp với các phương pháp khác để đảm bảo tính chính xác cao.

## **2.5. Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập**

Đây là phương pháp đánh giá kết quả học tập của HV khi những kết quả ấy được thể hiện bằng các sản phẩm viết như bài luận, bài kiểm tra, phiếu học tập, hình vẽ,... hoặc các sản phẩm thiết kế như mô hình, video, tập san,...

Công cụ thường sử dụng trong phương pháp đánh giá sản phẩm học tập là bảng kiểm, thang đánh giá, rubric,...

#### *Các dạng sản phẩm học tập<sup>9</sup>*

– Sản phẩm giới hạn ở những kỹ năng thực hiện trong phạm vi hẹp (cắt hình, xếp hình, hát một bài hát...)

– Sản phẩm đòi hỏi người học phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, các kỹ năng có tính phức tạp hơn, và mất nhiều thời gian hơn. Sản phẩm này có thể đòi hỏi sự hợp tác giữa các HV và nhóm HV, thông qua đó mà GV có thể đánh giá được năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HV.

#### **2.4.1. Phương pháp kiểm tra viết**

- Kiểm tra viết là phương pháp kiểm tra trong đó HV viết câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập hay nhiệm vụ vào giấy hoặc trên máy tính. Trong đánh giá viết thường sử dụng các công cụ như câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí.

- Có hai dạng kiểm tra viết cơ bản: Kiểm tra viết dạng tự luận (còn gọi là trắc nghiệm tự luận) và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan (xem chi tiết cách thiết kế câu hỏi ở mục “*III. Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả của HV theo hướng phát triển năng lực*” của bài này).

#### **2.4.2. Phương pháp kiểm tra vấn đáp**

Kiểm tra vấn đáp (phỏng vấn, đàm thoại, kiểm tra miệng) là phương pháp GV sử dụng thường xuyên và phổ biến nhất trong đánh giá lớp học nhằm thu thập thông tin về việc học tập từ đầu cho đến cuối giờ học. Ở đó mỗi câu hỏi có một chức năng nhất định như kiểm tra lại những kiến thức đã học, phát hiện ra vấn đề mới, những kết luận rút ra từ bài học này, thu hút HV vào bài học... Bên cạnh đó, trả lời vấn đáp là một hình thức quan trọng để rèn luyện, phát triển kỹ năng nói, kỹ năng trình bày ý tưởng (lưu loát, diễn cảm, nói đúng, nói đủ, có sức thuyết phục...) cho HV.

---

<sup>9</sup> Trần Thị Tuyết Oanh (2009), Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, NXB ĐHVPH Hà Nội

*Phương pháp kiểm tra vấn đáp góp phần đánh giá các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và năng lực ngôn ngữ.*

### **2.4.3. Phương pháp quan sát**

Quan sát là một phương pháp đánh giá HV theo hướng định tính, cung cấp thông tin hỗ trợ cho PP đánh giá định lượng bằng các bài kiểm tra. Phương pháp này thu thập thông tin về đối tượng thông qua tri giác của người quan sát, giúp GV xác định được thái độ, sắc thái tình cảm, sự phản ứng vô ý thức, những kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề,... của HV. Từ đó GV đưa ra nhận xét kết quả học tập và rèn luyện của họ, chẳng hạn như khả năng làm bài tập, tương tác trong hoạt động nhóm, giao tiếp trong lớp, lắng nghe ý kiến trái chiều, giúp đỡ bạn...

- Có một số quan sát chính thức, cần được lập kế hoạch về các mục tiêu cần quan sát và những HV sẽ được quan sát. Ví dụ, GV đánh giá HV khi quan sát họ hợp tác khi làm việc trong nhóm, có thể theo dõi từng em hoàn thành nhiệm vụ học tập như thế nào, quan sát sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc...) giữa các em với nhau trong nhóm...

- Có những quan sát không chính thức, không được lập kế hoạch từ trước, chẳng hạn khi HV nói chuyện với nhau, GV sẽ quan sát cách các em lắng nghe người khác nói, chú ý đến thái độ khi bạn bè chỉ ra những sai lầm của mình của từng em... Cả quan sát chính thức, không chính thức đều có vai trò quan trọng trong đánh giá trên lớp học.

- Những thông tin do quan sát đem lại bổ sung cho các thông tin thu được từ những phương pháp đánh giá khác, giúp cho quá trình đánh giá có nhiều thông tin phong phú, khách quan, vấn đề là làm thế nào để có những kết quả quan sát khách quan và có ý nghĩa.

Muốn vậy, GV cần sử dụng các công cụ quan sát. Thông thường GV có thể sử dụng 3 loại công cụ để thu thập thông tin. Đó là: **thang đánh giá, bảng kiểm tra** (xem chi tiết cách thiết kế công cụ ở mục “III. Xây dựng công cụ

kiểm tra, đánh giá kết quả của HV theo hướng phát triển năng lực” của bài này) và **ghi chép thường nhật**.

**Ghi chép thường nhật:** là việc ghi chép lại những sự kiện hay những tình tiết đáng chú ý mà GV nhận thấy qua quá trình tiếp xúc với HV trong tình huống tự nhiên. Đây là PP thu thập được nhiều thông tin về kết quả học tập, nhiều mặt của nhân cách, năng lực và hoạt động xã hội của từng em.

Qua hoạt động và việc làm cụ thể, HV thể hiện mình rõ nét và chân thực nhất. Nhờ vậy kết quả quan sát có thể đem đối chiếu với kết quả kiểm tra vấn đáp và kiểm tra viết để đánh giá những đặc điểm thực chất của HV, những biến đổi về hành vi của các em. Nhưng những ấn tượng mà GV có được thông qua quan sát thường mang màu sắc chủ quan, vì vậy cần phải có một cách ghi chép khoa học trong khi quan sát. Đó là sử dụng sổ ghi chép những sự kiện thường nhật. Trong cuốn sổ đó, mỗi HV cần được dành cho một vài trang trong sổ ghi chép, cần ghi tách biệt phần mô tả sự kiện với phần nhận xét về sự kiện của GV. Sau một vài sự kiện, GV có thể ghi chú những cách giải quyết để cải thiện tình hình học tập, rèn luyện của HV hoặc điều chỉnh những sai lầm mà HV mắc phải.

Ví dụ: Khi quan sát để đánh giá kỹ năng hợp tác của HV, GV có thể sử dụng mẫu ghi chép thường nhật dưới đây:

**GHI CHÉP THƯỜNG NHẬT VỀ KỸ NĂNG HỢP TÁC**

Họ và tên HV.....

Lớp..... Trường.....

Thời gian..... Địa điểm.....

Người quan sát.....

STT	Mô tả sự kiện	Nhận xét	Ghi chú

**Lưu ý:**

GV thường không có khả năng quan sát và ghi chép được tất cả những hành vi, sự kiện, mọi mặt của tình huống diễn ra hàng ngày của HV. Để việc



ghi chép sự kiện thường nhật của họ có hiệu quả GV cần tuân theo một số yêu cầu sau:

- Hướng việc quan sát vào những hành vi không thể đánh giá được bằng những phương pháp khác; giới hạn việc quan sát vào một vài loại hành vi nào đó tùy theo mục đích đánh giá của GV; giới hạn phạm vi quan sát ở một vài đối tượng HV cần tới sự giúp đỡ đặc biệt của GV.

- Xác định trước những sự kiện cần quan sát nhưng cũng cần chú ý đến những sự kiện bất thường.

- Quan sát và ghi chép đầy đủ về sự kiện đặt trong một tình huống cụ thể để sự kiện trở nên có ý nghĩa hơn.

- Sự kiện xảy ra cần phải được ghi chép lại càng sớm càng tốt.

- Mỗi bản ghi chỉ nên tập trung vào 1 sự kiện.

- Tách riêng phần mô tả chân thực sự kiện và phần nhận xét của cá nhân GV.

- Cần ghi chép cả những hành vi tích cực và hành vi tiêu cực.

- Cần thu thập đầy đủ thông tin trước khi đưa ra những nhận xét, đánh giá về hành vi, thái độ của HV.

*Phương pháp quan sát góp phần đánh giá các năng lực: giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân,... ở HV.*

#### **2.4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập**

HV thể hiện những ý tưởng khoa học, kết quả học tập và rèn luyện của mình thông qua các sản phẩm như bài tập ở nhà, bài tập ở lớp, bài kiểm tra trên giấy, vở ghi bài, bản kế hoạch làm việc, kế hoạch rèn luyện cá nhân, báo cáo sau khi tham quan học tập, bài thảo luận, các dự án học tập, báo cáo thực hành, các sáng tác (tranh, văn thơ, tiểu phẩm; viết cảm tưởng...) và hồ sơ học tập,... Các sản phẩm này sẽ bao gồm tất cả những gì HV có thể đáp ứng được yêu cầu của GV, thường có một trong ba dạng thức là:

- Câu hỏi/ bài tập lựa chọn là câu hỏi dạng nhiều lựa chọn, đúng/ sai, ghép đôi, yêu cầu HV lựa chọn câu trả lời trong những phương án được nêu sẵn.

- Câu hỏi/ bài tập trình bày câu trả lời yêu cầu HV phải kiến tạo ra cấu trúc và trình bày ý tưởng. Độ dài câu trả lời rất đa dạng, bài luận đòi hỏi phải dài, có cấu trúc logic, chặt chẽ, trong khi câu hỏi "trả lời ngắn" hoặc "điền vào chỗ trống" lại yêu cầu chỉ một từ hoặc một đoạn văn.

- Trình diễn là dạng thức mở rộng của hình thức trình bày câu trả lời. Nó đòi hỏi phải trình bày quá trình thực hiện sản phẩm, ví dụ như báo cáo tiến trình thực hiện, tập san báo tường, các hồ sơ, thực hành và các dự án...

Cho dù là loại sản phẩm nào, lựa chọn câu trả lời, trình bày câu trả lời, hay trình diễn thì khi nghiên cứu chúng cũng giúp GV có được những thông tin về việc HV đã thu nhận được những kiến thức, kỹ năng gì.

- Những lưu ý đối với GV khi lựa chọn sản phẩm học tập và thực hiện đánh giá:

+ Sản phẩm học tập: phải gắn với thực tiễn, phù hợp với hứng thú, hiểu biết, kinh nghiệm của HV; có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, huy động nhiều giác quan; thể hiện sự tự lực và tham gia tích cực của HV trong suốt quá trình tạo nên sản phẩm; nên có sự kết hợp tri thức của nhiều môn học hoặc lĩnh vực khác nhau; có thể công bố, giới thiệu được.

+ Để việc đánh giá sản phẩm học tập được thuận lợi, có hiệu quả, GV cần thiết kế và sử dụng thang đo, bảng kiểm hoặc phiếu đánh giá theo tiêu chí (xem chi tiết cách thiết kế công cụ ở mục “*III. Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả của HV theo hướng phát triển năng lực*” của bài này).

*Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập góp phần đánh giá các năng lực: giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội ở HV.*

#### **2.4.5. Đánh giá thực hành**

Đánh giá thực hành là loại hình đánh giá trực tiếp khả năng thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, thể hiện năng lực của HV cần có trong bối cảnh cuộc

sống hàng ngày (hoặc bối cảnh giả định). Do đó, PP này đóng vai trò rất quan trọng trong đánh giá năng lực HV. Đây là PP đòi hỏi người học phải thể hiện những gì họ có thể làm được chứ không phải những gì họ biết làm. Thông qua các hoạt động thực tế (hoặc hoàn cảnh giả định), HV thực hiện các nhiệm vụ hoặc sản phẩm nào đó, GV nhận xét hoặc đánh giá nhằm xem xét mức độ đạt được các kỹ năng và năng lực tạo ra sản phẩm của các em tốt ở mức độ nào.

Môn GD kinh tế và pháp luật có ưu thế trong việc cho HV thực hành sưu tầm, tìm hiểu, phân tích đánh giá một số vấn đề, hiện tượng trong đời sống xã hội ở địa phương và thực hành đóng vai ứng xử trong các tình huống liên quan đến nội dung bài học; thực hành xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động tập thể, hoạt động chính trị- xã hội phù hợp với các chuẩn mực xã hội, pháp luật.

Để quan sát, đánh giá quá trình thực hiện thao tác và sản phẩm thực hành của người học, GV cần sử dụng thang đo và bảng kiểm tra (xem chi tiết cách thiết kế công cụ ở mục “III. Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả của HV theo hướng phát triển năng lực” của bài này).

*Đánh giá thực hành góp phần đánh giá các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội ở HV.*

#### **2.4.6. Tự đánh giá**

Đây là phương pháp HV được tự đánh giá kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất và mục tiêu học tập của chính mình trước, trong hoặc sau các giờ học. Qua đó HV sẽ học cách đánh giá các nỗ lực và tiến bộ cá nhân, biết cách nhìn lại quá trình học tập và tự phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân. Khi HV tự đánh giá, không chỉ đơn thuần là tự mình cho điểm số mà là đánh giá những nỗ lực, quá trình và kết quả đạt được, vì vậy GV cần tạo cơ hội để HV tham gia vào quá trình đánh giá.

Để tạo điều kiện cho HV tự đánh giá, GV có thể sử dụng bài kiểm tra, xây dựng bảng hỏi hoặc giao cho HV các bài tập tự đánh giá, bài báo cáo/dự án và thiết kế bảng kiểm kèm theo.

- Đối với các bài kiểm tra trên lớp: Sau khi HV làm bài GV có thể cho HV tự đánh giá bài của mình hoặc đánh giá bài của bạn thông qua việc cung cấp cho các em đáp án của bài kiểm tra.

- Đối với tự đánh giá thông qua bài tập, báo cáo/dự án: GV yêu cầu HV thực hiện các bài tập, báo cáo/dự án. Sau đó các em tự đánh giá bài làm của mình thông qua bảng kiểm.

*Ví dụ:* GV ra bài tập yêu cầu HV tóm tắt nội dung kiến thức đã học ở học kì I; sau đó sử dụng bảng dưới đây để các em tự đánh giá

### PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

#### LÀM ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN GD KT VÀ PL, HỌC KÌ I

Họ và tên HV.....

Lớp..... Trường.....

Đánh dấu X vào ô tương ứng mức độ và yêu cầu đánh giá trong phiếu dưới đây:

Mức độ và yêu cầu đánh giá	Lựa chọn
<b>Rất tốt:</b> Tóm tắt nội dung đầy đủ, trình bày rõ ràng, có hệ thống và đẹp	<input type="checkbox"/>
<b>Tốt:</b> Tóm tắt nội dung đầy đủ và trình bày rõ ràng, có hệ thống.	<input type="checkbox"/>
<b>Khá:</b> Tóm tắt nội dung đầy đủ, có hệ thống nhưng trình bày chưa thật rõ ràng.	<input type="checkbox"/>
<b>Đạt yêu cầu:</b> Tóm tắt nội dung chưa đầy đủ, trình bày chưa thể hiện tính hệ thống.	<input type="checkbox"/>
<b>Chưa đạt yêu cầu:</b> Tóm tắt nội dung còn nhiều sai sót và trình bày chưa có hệ thống.	<input type="checkbox"/>

*Phương pháp tự đánh giá góp phần đánh giá các năng lực: tự chủ và tự học, đánh giá hành vi của bản thân và người khác, điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân ở HV.*

### 3. XÂY DỰNG CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HV THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

#### 3.1. Câu hỏi

##### 3.1.1. Câu hỏi tự luận (câu trắc nghiệm tự luận)

Theo John M. Stalnaker (1951), câu trắc nghiệm tự luận "là một câu hỏi yêu cầu thí sinh phải tự viết ra phần bài làm của mình với độ dài thông thường là một câu hoặc nhiều hơn một câu. Về bản chất, người viết câu hỏi không thể liệt kê sẵn các kiểu trả lời được cho là đúng, và vì thế sự chính xác và chất lượng câu trả lời chỉ có thể được đánh giá một cách chủ quan bởi một người dạy dạy môn học"<sup>10</sup>.

Theo cách định nghĩa trên, câu trắc nghiệm tự luận có 4 điểm đặc trưng, khác với câu trắc nghiệm khách quan, như sau:

Yêu cầu HV phải viết câu trả lời, thay vì lựa chọn;

Phần trả lời của HV phải bao gồm từ 2 câu trở lên;

Cho phép mỗi HV có kiểu trả lời khác nhau;

Cần có người chấm điểm đủ năng lực để đánh giá sự chính xác và chất lượng của câu hỏi; đánh giá này mang sự chủ quan của người chấm điểm.

Mặc dù gọi là câu trắc nghiệm tự luận nhưng chúng ta có thể sử dụng loại câu này ở tất cả các môn học, từ nhóm các môn học xã hội đến các môn khoa học tự nhiên, kể cả toán học (chẳng hạn, kiểm tra cách tư duy và lập luận của HV thông qua việc trình bày các bước để giải một bài toán).

Như vậy tự luận là dạng câu hỏi kiểm tra quen thuộc, được sử dụng phổ biến trong nhà trường. Nó cho phép HV trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung. Do vậy, trắc nghiệm tự luận có thể đánh giá được khả năng

---

<sup>10</sup>Stalnaker, J. M. (1951). *The Essay Type of Examination*. In E. F. Lindquist (Ed.), *Educational Measurement* (pp. 495-530). Menasha, Wisconsin: George Banta.

phân tích, tổng hợp và sự sáng tạo trong trình bày một bài luận của HV. Loại câu hỏi này góp phần phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác; năng lực điều chỉnh hành vi; năng lực phát triển bản thân; năng lực ngôn ngữ,...

a) Các dạng câu tự luận

Có thể phân loại câu trắc nghiệm tự luận thành hai nhóm:

\* Phân loại theo phạm vi trả lời.

▪ Câu hỏi tự luận có cấu trúc (câu hỏi tự luận hạn chế):

Dạng tự luận có cấu trúc cung cấp thông tin giới hạn câu trả lời trong phạm vi nhỏ hơn, người trả lời có thể ước lượng được độ dài của câu trả lời, Với loại bài kiểm tra này việc chấm điểm dễ dàng hơn và độ tin cậy cao hơn.

Ví dụ 1. Hãy viết 10 đến 15 dòng giới thiệu vai trò của chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế. Là một chủ thể tiêu dùng, em đã thể hiện vai trò đó như thế nào?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Các chủ thể của nền kinh tế- Lớp 10)*

Ví dụ 2. Em hãy liên hệ bản thân đã thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hóa như thế nào? Cách khắc phục những biểu hiện tiêu dùng chưa văn hóa?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Văn hóa tiêu dùng - Lớp 11)*

▪ Câu hỏi tự luận mở:

Dạng tự luận mở bao gồm các câu hỏi có phạm vi trả lời rộng, khái quát, HV được tự do thể hiện quan điểm, tư tưởng và kiến thức; tự do trong việc lựa chọn thông tin để đưa vào phần trả lời, tự do sắp xếp các ý, và tự do lựa chọn từ ngữ, cách diễn đạt để trình bày câu trả lời. Loại câu này có thể phát huy khả năng phân tích, tổng hợp, óc sáng tạo... của HV nhưng khó chấm điểm.

Ví dụ. An là bạn thân của Tuyết cho rằng:" Những vấn đề chính trị như Hiến pháp, bầu cử Quốc hội, Đại hội Đảng toàn quốc... là công việc của người

lớn, những người có quan tâm về chính trị. HV THPT không đủ trình độ chưa nên quan tâm và tham gia góp ý kiến về những vấn đề đó.

*Hãy cho biết ý kiến của em về vấn đề này.*

Câu tự luận có cấu trúc phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức như: nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, và khả năng tổ chức, sắp xếp thông tin...

Câu tự luận mở phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá; các vấn đề mang tính tích hợp, toàn cầu; cách thức tổ chức, sắp xếp thông tin; khả năng thuyết phục...

\* Phân loại theo mức độ nhận thức trong đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học ở cấp THPT hiện nay:

▪ Câu hỏi tự luận nhận biết: là các câu hỏi yêu cầu HV nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

Ví dụ 1. Em hãy nêu các biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Đạo đức kinh doanh - Lớp 11)*

Ví dụ 2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 qui định công dân có nghĩa vụ cơ bản nào?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Lớp 10)*

▪ Câu hỏi tự luận thông hiểu: là các câu hỏi yêu cầu HV giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học

+ Câu hỏi có dạng: Hãy so sánh...; Hãy chứng minh...?

+ Câu hỏi có dạng: Tại sao/vì sao? (khi giải thích nguyên nhân). Em có nhận xét gì? (khi đi đến kết luận). Em có thể diễn đạt như thế nào? (khi chứng minh luận điểm) Hãy phân tích sự kiện...?

+ Câu hỏi có dạng: Hiệu quả sử dụng của nó thế nào? Việc làm đó có thành công không? Tại sao? Cho biết đánh giá của em về A được thực hiện ở....? Em có nhận xét gì về...? Quy định... có tác dụng/ý nghĩa gì?

Ví dụ: Có ý kiến cho rằng: hình thức vay tín chấp có thời hạn cho vay dài hơn so với vay thế chấp.

Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống - Lớp 10)*

▪ Câu hỏi tự luận vận dụng: là các câu hỏi yêu cầu HV vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học

Ví dụ 1: Em hãy liên hệ bản thân đã thực hiện tốt văn hóa tiêu dùng và có những hành vi thực hiện chưa tốt văn hóa tiêu dùng như thế nào? Cách khắc phục những điều chưa tốt đó?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Văn hóa tiêu dùng - Lớp 11)*

Ví dụ 2: Gần đây, có một số hoạt động kinh tế có tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên ở địa phương, vận dụng kiến thức đã học về *Tác động của phát triển kinh tế đối với môi trường tự nhiên*, hãy cho biết bản thân em/gia đình có thể làm gì để góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên?

*(Câu hỏi kiểm tra bài: Tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên - Lớp 11)*

b) Ưu điểm và nhược điểm của câu hỏi tự luận

Tự luận là hình thức kiểm tra quen thuộc, có tính truyền thống, được sử dụng rộng rãi trong kiểm tra đánh giá của các môn học. Câu hỏi tự luận có ưu điểm và nhược điểm sau:

- Ưu điểm

+ Người ra đề mất ít thời gian ra đề và dễ dàng đưa ra câu hỏi.

+ Nếu sử dụng một cách hợp lý, câu hỏi tự luận có thể đánh giá được các cấp độ tư duy ở mức độ cao và khả năng viết của HV. Vì để trả lời câu hỏi tự luận, HV phải đưa ra câu trả lời độc lập của cá nhân nên có tác dụng



phát triển kỹ năng diễn đạt, trình bày ý tưởng; kỹ năng phân tích, tổng hợp; khả năng suy luận, liên tưởng,... ở HV.

+ Câu hỏi tự luận còn giúp GV dễ dàng nhận thấy những nhược điểm, hạn chế trong nhận thức, thái độ cũng như trong tư duy của HV để kịp thời điều chỉnh việc dạy và học.

- Nhược điểm:

+ Câu hỏi tự luận thường chỉ kiểm tra được nội dung đã học trong một phạm vi hẹp và HV mất nhiều thời gian để trả lời cho một câu hỏi;

+ Các câu trả lời của HV có thể rất đa dạng, GV mất nhiều thời gian chấm bài nên việc đánh giá có thể thiếu chính xác.

Vì vậy, GV cần khắc phục những nhược điểm của hình thức kiểm tra tự luận bằng cách phải xây dựng câu hỏi, đáp án và biểu điểm rất chi tiết, rõ ràng và phải tôn trọng các cách trình bày, suy nghĩ của HV, tránh đánh giá tùy tiện hoặc thiên vị.

c) Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi tự luận

Đặt ra các câu hỏi dưới đây đối với mỗi câu hỏi trong bài kiểm tra đã biên soạn. Nếu một hoặc một số câu hỏi có câu trả lời là “không”, hãy xem xét lại chất lượng của câu hỏi đó và sửa chữa lại:

- Câu hỏi có đánh giá đúng yêu cầu cần đạt của chủ đề/bài học trong chương trình môn học hay không?

- Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không?

- Câu hỏi có yêu cầu HV phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới hay không?

- Xét trong mối quan hệ với các câu hỏi khác của bài kiểm tra, câu hỏi tự luận có thể hiện nội dung và cấp độ tư duy đã nêu trong tiêu chí kiểm tra hay không?

- Nội dung câu hỏi có cụ thể hay không? Nó có đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó hay chỉ đưa ra một yêu cầu chung chung mà bất cứ một câu trả lời nào cũng phù hợp?

- Yêu cầu của câu hỏi có phù hợp với trình độ và nhận thức của HV hay không?

- Để đạt được điểm cao, HV phải chứng minh quan điểm của mình hơn là nhận biết về thực tế, khái niệm...?

- Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi có truyền tải được hết những yêu cầu của người ra đề đến HV hay không?

- Câu hỏi có được diễn đạt theo cách giúp HV hiểu được:

+ Độ dài của câu trả lời

+ Mục đích của bài luận?

+ Thời gian viết bài luận?

+ Tiêu chí đánh giá/chấm điểm bài luận?

d) Một số lưu ý khi viết câu trắc nghiệm tự luận:

- Chỉ nên sử dụng câu tự luận để đánh giá những yêu cầu cần đạt về *năng lực, phẩm chất và mức độ cần đạt* ở mỗi chủ đề/ bài học mà nếu đánh giá bằng câu trắc nghiệm khách quan thì sẽ có nhiều hạn chế (ví dụ: *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh, chứng minh*). Đặc biệt với câu tự luận mở chỉ nên khai thác để đánh giá *kỹ năng đánh giá, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*.

- Đặt câu hỏi phải đảm bảo nhắm đến yêu cầu HV thể hiện năng lực như mục tiêu dạy học đã đặt ra. Nếu sử dụng câu tự luận có cấu trúc, phải đảm bảo sử dụng động từ phù hợp với động từ đã sử dụng ở mục tiêu dạy học. Nếu là câu tự luận mở, phải đảm bảo các tiêu chí đánh giá được mục tiêu dạy học.

- Yêu cầu của câu hỏi cần được làm rõ tới người học thông qua văn phong rõ ràng và ngắn gọn. Sử dụng những từ chỉ hành động cụ thể như miêu tả, giải thích, so sánh, nêu ưu điểm và nhược điểm... Tránh dùng những động từ mơ

hồ, trừu tượng như “vận dụng”, vì người học có thể không biết cần làm gì khi được yêu cầu “vận dụng”. Với một số mục tiêu đánh giá kỳ vọng về số lượng lập luận hay vấn đề mà người học cần trình bày, câu hỏi cũng cần nêu rõ số lượng này. Với câu tự luận có cấu trúc, người dạy nên cùng người học xây dựng bài mẫu, hoặc các tiêu chí đánh giá để người học hiểu rõ câu hỏi hơn và việc chấm điểm cũng sẽ khách quan hơn.

- Với câu trắc nghiệm tự luận, không nên cho phép HV lựa chọn câu hỏi giữa các câu hỏi tương đương nhau. Việc sử dụng câu tự luận đã làm giảm tính đại diện của nội dung đánh giá, việc cho phép HV lựa chọn câu hỏi một lần nữa làm giảm tính đại diện này. Hơn nữa, mỗi HV có thể có hứng thú với câu hỏi này hơn là câu hỏi khác, việc cho người học lựa chọn câu hỏi sẽ làm cho việc đánh giá trở nên thiếu công bằng.

- Cần nhắc để giao đủ thời gian làm bài cho mỗi câu hỏi. Trên đề kiểm tra nên ghi rõ khuyến nghị thời gian làm bài và độ dài phần trả lời câu hỏi (nếu có thể). Cần tính toán để HV có đủ thời gian đọc đề bài, suy nghĩ và viết câu trả lời. Không nên có quá nhiều câu hỏi tự luận trong một đề kiểm tra.

- Công việc chấm điểm bài tự luận có thể bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố gây thiên kiến như: chính tả, cách hành văn, chữ viết, cách lấy ví dụ, hiểu biết của người chấm điểm về HV... Để giảm thiểu sự ảnh hưởng này, việc chấm điểm cần tập trung vào mục tiêu dạy học mà chúng ta cần đánh giá, sử dụng các tiêu chí đánh giá đã thống nhất từ trước. Với câu tự luận trả lời có cấu trúc, có thể xây dựng tiêu chí đánh giá và thang điểm trên một bài trả lời mẫu. Đồng thời, nên đọc phách bài kiểm tra trước khi chấm điểm. Tiến hành chấm điểm toàn bộ bài làm của một câu hỏi (ở tất cả các bài kiểm tra) trước khi chuyển sang câu tiếp theo. Với những bài kiểm tra mang ý nghĩa quan trọng đối với HV, nên có 2-3 người chấm điểm cùng đánh giá một bài kiểm tra.

### **3.1.2. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan**

Trắc nghiệm khách quan (TNKQ) là một phương tiện đo lường khả năng học tập của HV một cách tương đối chính xác nhờ số điểm được quyết

định do bài trắc nghiệm tạo ra, không bị chi phối bởi tác động của người chấm bài.

Có 4 loại TNKQ thường được sử dụng trong giáo dục là: trắc nghiệm nhiều lựa chọn (*có 1 phương án đúng*), trắc nghiệm đúng – sai, trắc nghiệm ghép đôi (còn gọi là trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi) và trắc nghiệm điền khuyết.

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (*có 1 phương án đúng*)

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn là dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan có nhiều phương án, HV chỉ việc chọn một trong các số phương án đó để trả lời cho câu dẫn (câu hỏi/yêu cầu/nhiệm vụ) đặt ra.

● Về cấu trúc:

- Trong bài kiểm tra chỉ có một loại trắc nghiệm nhiều lựa chọn thì câu hỏi dạng này có hai phần: phần gốc (câu dẫn) và phần lựa chọn.

Phần gốc (câu dẫn) là câu hỏi hay câu bỏ lửng (chưa hoàn tất) phải đặt ra một vấn đề hay đưa ra ý tưởng rõ ràng giúp HV hiểu rõ nội dung câu trắc nghiệm để chọn câu trả lời thích hợp.

Phần lựa chọn gồm nhiều phương án/cách giải đáp (thông thường có 4 – 5 phương án) trong đó có một phương án là đúng hay đúng nhất, các phương án còn lại là phương án nhiễu (hay còn gọi là phương án nền hoặc “mồi nhử”), hấp dẫn như nhau đối với HV chưa nắm rõ vấn đề.

*Ví dụ:*

Hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội nào dưới đây là hình thức gián tiếp?

- A. Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội
- B. Tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân địa phương.
- C. Tham gia góp ý kiến với hoạt động của các cơ quan Nhà nước.
- D. Khiếu nại, tố cáo những việc làm trái pháp luật của công chức địa phương.

(*Câu hỏi kiểm tra bài Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Lớp 10*)

Ở ví dụ trên: Câu “Hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội nào dưới đây là hình thức gián tiếp” là câu dẫn. Bốn phương án sau đó là phương án nhiễu.

- Nếu bài kiểm tra có thêm những kiểu câu TNKQ khác thì cần thêm câu lệnh vào sau câu dẫn để phân biệt với các câu đó.

Ví dụ thêm câu lệnh (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu em chọn*) vào trước câu dẫn “Hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội nào dưới đây là hình thức gián tiếp?” ở trên để HV biết cần phải làm gì để trả lời câu hỏi.

• *Các loại câu dẫn và chức năng của câu dẫn:*

- *Câu dẫn là một câu hỏi:* Phải có từ để hỏi. Câu dẫn phải có dấu chấm hỏi. Các phương án trả lời là một câu độc lập nên được viết hoa ở đầu câu và có dấu chấm ở cuối câu.

Ví dụ: Hành vi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. Trốn tránh cách li y tế làm lây lan dịch bệnh.
- B. Lái xe máy đi ngược đường một chiều.
- C. Bảo vệ làm mất xe của khách hàng.
- D. Xả chất thải chăn nuôi chưa qua xử lí ra môi trường.

(*Câu hỏi kiểm tra bài: Thực hiện pháp luật – Lớp 10*)

- *Câu dẫn là một mệnh đề chưa hoàn chỉnh* (câu bỏ lửng) thì nối với các phương án trả lời phải trở thành câu hoàn chỉnh. Vì thế ở các phương án lựa chọn thì đầu câu không viết hoa (trừ tên riêng, tên địa danh) và có dấu chấm ở cuối câu.

Ví dụ: Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền

- A. chính trị cao nhất của công dân.
- B. con người của công dân.
- C. dân chủ cao nhất của công dân.
- D. tự do cơ bản của công dân.

(Câu hỏi kiểm tra bài: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân –  
Lớp 11)

- Câu dẫn là câu phủ định: thì phải in đậm từ phủ định và gạch chân dưới từ phủ định (hoặc cả hai) để HV biết và thận trọng khi trả lời.

Ví dụ: Dấu hiệu nào dưới đây **không** sử dụng làm căn cứ để xác định là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Hành vi chứa đựng lỗi của chủ thể thực hiện.
- B. Hành vi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.
- C. Hành vi do người không đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.
- D. Hành vi xâm phạm tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

(Câu hỏi kiểm tra bài Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: – Lớp 10)

- Câu dẫn là một tình huống/vấn đề (dùng cho câu vận dụng): phải gắn với bối cảnh trong đó có chứa tình huống/vấn đề mà HV cần vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn phương án đúng hoặc cách giải quyết phù hợp.

Ví dụ: Anh T (19 tuổi) nghe điện thoại khi đang điều khiển xe máy đã đâm vào xe đạp của K (15 tuổi) làm K bị ngã dập mu bàn chân và xe của K bị hỏng không đi được. Trong trường hợp này anh T phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

- A. Dân sự và kỉ luật.
- B. Hình sự và dân sự.
- C. Kỉ luật và hành chính.
- D. Hành chính và dân sự.

(Câu hỏi kiểm tra bài: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Lớp 10)

- Yêu cầu khi viết câu dẫn

Câu dẫn là phần chính của câu hỏi. Khi viết câu dẫn cần lưu ý:

- Câu dẫn phải được diễn đạt rõ ràng, phản ánh rõ nhiệm vụ mà HV phải hoàn thành, phải đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho HV để họ hiểu được yêu cầu của câu hỏi. Ý chính để hỏi phải nằm trong câu dẫn (tốt nhất

nên để ở đầu câu). Trong trường hợp nhiều câu hỏi trắc nghiệm được xây dựng trên một lượng thông tin như: một đoạn văn, một số câu trả lời có sẵn... thì cần phải chọn câu dẫn sao cho có thể đảm bảo chắc chắn là phải có sự liên quan với những thông tin đã đưa ra.

- Khi lập câu dẫn cần tránh những từ có tính chất gợi ý hoặc tạo đầu mối đến các câu trả lời. Ví dụ: “Câu nào sau đây là câu đúng?” trong khi phương án chọn là tổ hợp một số câu.

- Nên trình bày câu dẫn theo định dạng câu hỏi thay vì định dạng hoàn chỉnh câu.

- Nên viết ngắn gọn tránh dài dòng. Tránh lặp lại một từ ngữ/ thuật ngữ nhiều lần.

- Nên trình bày ở thể khẳng định. Nếu sử dụng dạng phủ định thì cần in đậm hoặc gạch chân ở từ phủ định.

- Nếu viết dạng câu hỏi thì cuối câu có dấu chấm hỏi (?). Nếu viết dạng hoàn chỉnh câu thì để trống, tức là không có dấu (:)

- Yêu cầu khi viết phương án lựa chọn

Phương án chọn là phương án đưa ra giải quyết nhiệm vụ đặt ra ở câu dẫn. Khi soạn các phương án lựa chọn cần lưu ý:

- Phải đảm bảo một phương án duy nhất đúng. Phương án đúng nên đặt ở vị trí khác nhau và sắp xếp theo một trật tự nào đó, hết câu phải có dấu chấm (.).

- Đảm bảo câu dẫn và phương án trả lời (cả phương án đúng và phương án nhiễu) khi gắn vào nhau phải phù hợp về cấu trúc, ngữ pháp và thành một nội dung hoàn chỉnh.

- Các phương án chọn (cả phương án đúng và phương án nhiễu) cần có cấu trúc tương tự nhau, có vẻ hợp lý như nhau để tăng độ phân biệt của câu hỏi.

- Tránh những câu rập khuôn sách giáo khoa, tránh xu hướng phương án đúng luôn dài hơn các phương án nhiễu. Các phương án không được gợi ý cho nhau, câu sau không là đáp án của câu trước.

- Không lặp lại một từ ngữ/thuật ngữ nhiều lần trong câu hỏi. Tránh các thuật ngữ mơ hồ, không có xác định cụ thể, như: thông thường, phần lớn, hầu hết, luôn luôn, không bao giờ, tuyệt đối... Nên viết các phương án ở thể khẳng định.

- Cần làm cho tất cả câu nhiều đều có vẻ hợp lý như nhau và có tính hấp dẫn đối với thí sinh nắm vấn đề chưa chắc chắn.

- Khi viết phương án nhiều cần giải thích được lí do vì sao nhiều, phương án nhiều thường được xây dựng trên các lỗi hoặc nhận thức sai lệch của HV. Do đó phương án nhiều phải được thiết kế sao cho không những không đúng mà còn phải có vẻ hợp lý và có sức thu hút với những HV không hiểu kĩ bài.

- Không dùng các phương án “Tất cả các phương án trên”, “Không có phương án nào”, “A và B đúng”. “A và B sai”.

b) Trắc nghiệm đúng - sai

Loại câu trắc nghiệm này gồm có phần dẫn và phần trả lời:

- Phần dẫn: trình bày một nội dung nào đó mà HV phải đánh giá là đúng hay sai.

- Phần trả lời chỉ có 2 phương án: đúng (Đ) và sai (S).

Ví dụ: Hãy đánh dấu (X) vào cột tương ứng với các hành vi, việc làm đúng hoặc sai về bảo vệ môi trường trong bảng dưới đây:

Hành vi, việc làm	Đúng	Sai
A. Đốt rơm, rạ để vệ sinh đồng ruộng và lấy phân bón.		
B. Xây dựng tường bê tông ngăn cách khu dân cư với đường cao tốc.		
C. Xử lý nước thải công nghiệp trước khi đổ vào nguồn nước.		
D. Chặt cây trồng đã đến tuổi khai thác		
E. Diệt hết các loại côn trùng để bảo vệ cây.		
G. Bấm còi xe ô tô liên tục vào ban đêm để cảnh báo nguy hiểm		



(Câu hỏi kiểm tra bài: Tác động của phát triển kinh tế đối với môi trường tự nhiên – Lớp 11)

Lưu ý:

- Câu trắc nghiệm đúng - sai phải có độ khó đối với HV chưa hiểu kỹ bài và phải có tính đúng - sai rõ ràng.

- Các câu trong phần dẫn nên viết ngắn gọn, không nên trích dẫn nguyên văn nội dung SGK; tránh sử dụng những thuật ngữ mơ hồ, không xác định về mức độ như “thông thường”, “hầu hết” hoặc “luôn luôn”, “tất cả”, “không bao giờ”... vì HV dễ đoán được câu đó đúng hay sai.

- Loại câu này chỉ kiểm tra kiến thức ở mức độ “biết”, ít kích thích suy nghĩ, khả năng phân hoá HV là thấp; yếu tố ngẫu nhiên, may rủi nhiều hơn so với câu nhiều lựa chọn, có thể tới khoảng 50%. Do đó không nên lạm dụng dạng trắc nghiệm này.

c) Trắc nghiệm điền khuyết

Trắc nghiệm điền khuyết có 2 loại:

- Loại thứ nhất: Có thể là những câu phát triển với một hoặc nhiều chỗ trống để HV phải điền 1 từ hoặc 1 cụm từ hay ký hiệu thích hợp nào đó. Loại này thường có cấu tạo gồm 3 phần: phần câu lệnh, phần nội dung và phần cung cấp thông tin.

+ Câu lệnh: *Hãy chọn từ hoặc cụm từ đã cho điền vào chỗ trống ở các câu sau đây để được câu trả lời đúng.*

+ Phần nội dung bao gồm những câu có chỗ để trống (.....) để điền từ thích hợp.

+ Phần cung cấp thông tin gồm những từ hoặc cụm từ cho trước, trong đó số từ/cụm từ phải nhiều hơn số chỗ trống cần điền để tăng sự cân nhắc khi lựa chọn.

Ví dụ:

Hãy điền những cụm từ còn thiếu trong các câu sau cho đúng:

+ Khi sử dụng thẻ tín dụng hãy thanh toán.....để tránh phải trả thêm lãi

+ Nguyên cơ của việc chi tiêu bằng thẻ tín dụng là bạn có thể.....

+ Thẻ tín dụng cho phép bạn mua hàng hóa.....ngay

(Câu hỏi kiểm tra bài: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng  
– Lớp 10)

**Lưu ý:**

- Bảo đảm mỗi chỗ trống chỉ điền được 1 từ hoặc cụm từ.

- Mỗi câu nên chỉ có 1 hoặc 2 chỗ trống được bố trí ở giữa hay cuối câu. Độ dài của các khoảng trống nên bằng nhau để HV không đoán được từ phải điền là dài hay ngắn.

- Hạn chế dùng những câu trích nguyên văn trong sách giáo khoa.

◆ Ưu điểm, nhược điểm của TNKQ

\* Ưu điểm của TNKQ:

- Đề kiểm tra TNKQ có thể phủ kín nội dung môn học do đó ít có sự may rủi do “trúng hoặc sai tử”, trong một khoảng thời gian ngắn.

- Chấm điểm nhanh, khá chính xác và khách quan; Cung cấp phản hồi nhanh về kết quả học tập của HV (để áp dụng công nghệ mới trong tổ chức kiểm tra/thi, chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra/thi).

- Đánh giá được khả năng nhận thức, vận dụng kiến thức của HV.

- Góp phần rèn luyện các kĩ năng: dự đoán, ước lượng, lựa chọn phương án giải quyết nhanh...

- Tạo cơ hội cho HV tự đánh giá khi GV công bố đáp án và biểu điểm.

- Nếu việc soạn đề, tổ chức kiểm tra thích hợp thì HV hoàn toàn mất khả năng quay cóp.

\* Nhược điểm của TNKQ:

- Khó đánh giá những mức độ nhận thức cao như phân tích, tổng hợp, đánh giá và khả năng tư duy suy luận, kĩ năng viết, kĩ năng nói,... của HV.

- Dễ xảy ra lựa chọn theo cảm tính, dễ đoán mò, dễ quay cóp.
- Soạn đề kiểm tra khó, chuẩn bị đề kiểm tra mất nhiều thời gian.
- Không tạo được điều kiện cho HV tự phát hiện và giải quyết vấn đề.

Vì vậy, khi ra đề kiểm tra, người ra đề cần lưu ý các nhược điểm trên để hạn chế các nhược điểm đó, cần có sự kết hợp với câu hỏi tự luận, bài tập tình huống để có được đề kiểm tra tốt.

### ♦ *Tiêu chí để đánh giá chất lượng của câu hỏi TNKQ*

\* Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi có nhiều lựa chọn

Hãy đặt ra các câu hỏi dưới đây với mỗi câu hỏi đã biên soạn. Nếu một hoặc một số câu hỏi có câu trả lời là “không”, hãy xem xét lại chất lượng của câu hỏi và sửa chữa lại cho đảm bảo yêu cầu:

▪ Đối với câu hỏi nhiều lựa chọn cần xem xét:

- Câu hỏi có đánh giá những nội dung quan trọng của mục tiêu chương trình giảng dạy hay không?

- Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không?

- Câu dẫn có đặt ra câu hỏi trực tiếp hay một số vấn đề cụ thể hay không?

- Người ra đề sử dụng ngôn ngữ và hình thức trình bày riêng để biên soạn câu hỏi hay chỉ đơn thuần trích dẫn những lời trong sách giáo khoa?

- Từ ngữ và cấu trúc câu hỏi có rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi HV hay không?

- Mỗi phương án nhiễu (nền) có hợp lý đối với những HV không có kiến thức hay không?

- Nếu có thể, mỗi phương án sai có được xây dựng dựa trên các lỗi thông thường hay nhận thức sai lệch của HV hay không?

- Đáp án đúng của câu hỏi này có độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra hay không?

- Tất cả các phương án đưa ra có đồng nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn hay không?

- Có hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng” hay không?

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất hay không?

▪ Đối với những câu đúng – sai, câu hỏi ghép đôi, câu hỏi điền khuyết người ra đề kiểm tra cần đối chiếu với ưu điểm và những điểm của câu TNKQ nếu câu hỏi vi phạm nhược điểm thì phải sửa lại.

### **3.2. Bài tập**

Đây là loại bài ra cho HV làm để tập vận dụng những điều đã học

Bài tập có thể có các dạng như:

- Bài tập ra quyết định.
- Bài tập tìm kiếm thông tin.
- Bài tập phát hiện vấn đề.
- Bài tập tìm phương án giải quyết vấn đề.
- Bài tập phân tích và đánh giá.
- Bài tập khảo sát và nghiên cứu.

Trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thì bài tập thường có sự tích hợp một số dạng bài tập trên. Hai loại bài tập thường được sử dụng trong kiểm tra đánh giá là: bài tập tình huống và bài tập thực hành, nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của HV vào thực tiễn và *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của HV*; đồng thời đánh giá *các năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, đánh giá hành vi của bản thân và người khác, điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*.

#### **3.2.1. Bài tập tình huống**

Sử dụng bài tập tình huống rất cần thiết trong việc đánh giá kết quả học tập môn GDCD theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất. Vì dạng bài

tập này có thể đánh giá được khả năng về nhận thức, thái độ, kỹ năng vận dụng kiến thức đã học của HV vào những tình huống cụ thể, gần gũi với đời sống của họ ở cả phần tự luận và trắc nghiệm khách quan.

a) Phân loại bài tập tình huống: Có nhiều cách phân loại bài tập tình huống. Song ở tài liệu này, chúng tôi tập trung vào ba loại bài tập thường sử dụng trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật: Bài tập tình huống định hướng HV nhận xét, đánh giá; Bài tập tình huống định hướng HV đề xuất cách ứng xử và Bài tập tình huống cho trước cách ứng xử để HV lựa chọn cách ứng xử phù hợp.

**\* Bài tập tình huống yêu cầu HV nhận xét, đánh giá**

Ví dụ. Sau buổi học, để về nhà nhanh, Hoàng đã đi vào đường ngược chiều nên bị chú công an viết giấy xử phạt vi phạm hành chính.

Mẹ Hoàng cho rằng chú công an xử phạt như vậy là sai vì Hoàng mới 15 tuổi, chưa đến tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo em, ý kiến của mẹ Hoàng là đúng hay sai? Vì sao?

*(Tình huống kiểm tra bài Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Lớp 10)*

**\* Bài tập tình huống yêu cầu HV đề xuất cách ứng xử**

▪ Bài tập yêu cầu HV đề xuất cách ứng xử trong tình huống quen thuộc ngoài thực tế hoặc trên lớp

Ví dụ: Năm nay, D vừa thi đỗ đại học nhưng mẹ băn khoăn không biết có nên cho D đi học không vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không đủ tiền đóng học phí. Bác K hàng xóm biết chuyện khuyên gia đình D nên vay tiền ở ngân hàng Chính sách xã hội nhưng mẹ D sợ không trả được nên không muốn vay.

Nếu là D em sẽ làm gì?

*(Tình huống kiểm tra bài: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng – Lớp 10)*

▪ Bài tập yêu cầu HV đề xuất cách ứng xử trong tình huống yêu cầu HV vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống mới hoặc cách giải quyết mới (Loại tình huống này có thể đánh giá được mức độ vận dụng cao ở HV)

Ví dụ 1: Trong xóm có bà K đang vận động mọi người cho vay tiền sẽ được hưởng lãi suất cao so với gửi ngân hàng để bà lấy vốn kinh doanh. Mẹ H chia sẻ với con ý định muốn cho bà K vay tiền.

Theo em, H sẽ đồng tình hay không đồng tình với quyết định cho bà K vay tiền của mẹ? Hãy cho biết mặt lợi, mặt hại của từng quyết định đó.

*(Tình huống kiểm tra bài: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng – Lớp 10)*

Ví dụ 2: Nghe tin nông dân một số nơi đang gặp khó khăn vì hàng tấn nông sản không tiêu thụ được. T rủ H ra siêu thị mua 5 kg củ cải về ăn dần nhưng bị H ngăn lại: "Nhà chỉ có 2 mẹ con, cậu mua nhiều củ cải làm gì?"

Hỏi: Nếu là T, em sẽ ứng xử như thế nào?

*(Tình huống kiểm tra bài: Các chủ thể của nền kinh tế - Lớp 10)*

**\* *Tình huống cho trước cách ứng xử để HV lựa chọn cách ứng xử phù hợp***

Ví dụ: Nếu tình cờ phát hiện có kẻ buôn bán ma túy, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây mà em cho là phù hợp nhất? (*hãy khoanh tròn chữ cái trước câu mà em chọn*)

- A. Lờ đi coi như không biết để tránh bị trả thù.
- B. Không làm gì vì đây là việc làm quá sức với HV lớp 10.
- C. Báo ngay cho cha mẹ, hoặc thầy cô giáo hay người có trách nhiệm biết.
- D. Bí mật theo dõi kẻ đó, khi phát hiện ra chứng cứ sẽ báo công an.

*(Tình huống kiểm tra bài: Một số vấn đề về Pháp luật Hình sự – Lớp 10)*

## b) Cấu trúc của tình huống

- Tình huống yêu cầu nhận xét, đánh giá và tình huống đề xuất cách ứng xử có cấu trúc gồm 2 phần:

+ Phần 1: Mô tả ngắn gọn tình huống (sự kiện, vấn đề... cần giải quyết)

+ Phần 2: Câu hỏi nghiên cứu/câu hỏi định hướng giải quyết tình huống.

- Tình huống cho trước cách ứng xử để HV lựa chọn cách ứng xử phù hợp, có cấu trúc 2 phần:

+ Phần 1: Mô tả ngắn gọn tình huống (sự kiện, vấn đề... cần giải quyết)

+ Phần 2: Các phương án lựa chọn (yêu cầu HV chỉ chọn 1).

**Lưu ý:** Do cấu trúc có điểm khác nhau nên tình huống cho trước cách ứng xử để HV lựa chọn cách ứng xử phù hợp là loại tình huống thường dùng cho kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan; còn 2 loại tình huống trên thuộc kiểm tra bằng tự luận hoặc sửa lại yêu cầu cho phù hợp (nếu cần thiết) để sử dụng cho thực hành đóng vai.

## c) Các bước để xây dựng 1 tình huống

- Bước 1: Xác định nội dung kiểm tra cần bài tập tình huống

- Bước 2: Thu thập thông tin liên quan để viết tình huống

- Bước 3: Viết tình huống

1/ Phác thảo tình huống

2/ Sửa chữa tình huống

3/ Sử dụng thử, hoặc hỏi ý kiến đồng nghiệp

4/ Hoàn thiện tình huống

### \* Yêu cầu sư phạm

+ Tình huống phải sát hợp với nội dung bài học, mục đích kiểm tra đánh giá.

+ Tình huống phải hấp dẫn và phù hợp với trình độ nhận thức của HV.

+ Tình huống phải gần gũi với cuộc sống thực của HV

+ Tình huống cần có độ dài vừa phải.

+ Tình huống phải chứa đựng mâu thuẫn cần giải quyết nhưng không nên đưa quá nhiều mâu thuẫn – Vì khó xác định vấn đề cần giải quyết và mất nhiều thời gian đọc, suy nghĩ về tình huống.

### **3.2.2. Bài tập thực hành**

Bài tập thực hành là loại bài tập đánh giá trực tiếp khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn thông qua bối cảnh thực hoặc bối cảnh giả định lấy chất liệu từ cuộc sống. Do đó, bài tập này đóng vai trò rất quan trọng trong đánh giá các năng lực: *tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội ở HV.*

Môn GD kinh tế và pháp luật cấp THPT có lợi thế trong việc giao cho HV các bài tập sau:

- Thực hành rèn luyện các tính cách, phẩm chất đạo đức khi tham gia các hoạt động kinh tế
- Thực hành rèn luyện theo các chuẩn mực pháp luật.
- Thực hành rèn luyện kỹ năng sống.
- Thực hành tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.

Ví dụ 1: Giả định em có mục tiêu tài chính tiết kiệm 200.000 đồng, thời gian thực hiện trong 1 tháng. Hãy lập kế hoạch tài chính cá nhân để thực hiện được mục tiêu này.

Ví dụ 2: Bài tập thực hành: Xây dựng và thực hiện Dự án “Tìm hiểu mô hình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ ở địa phương”.

Yêu cầu:

1. Mỗi nhóm/cá nhân xây dựng 1 dự án với đề cương sau:

- 1) Tên dự án
- 2) Mục đích của dự án
- 3) Nhiệm vụ của dự án



4) Biện pháp thực hiện

5) Kế hoạch thực hiện dự án

TT	Công việc chủ yếu	Sản phẩm cần đạt	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Người phối hợp / hỗ trợ

2. Báo cáo sản phẩm – văn bản dự án vào tiết học tuần sau.

3. Thực hiện dự án.

4. Báo cáo kết quả thực hiện.

**\* Lưu ý**

- Những bài tập thực hành đòi hỏi phải có quá trình thực hiện trong thực tế cuộc sống nên GV cần lưu ý cùng HV bàn bạc, góp ý về mục tiêu, kế hoạch/các bước thực hiện; đồng thời phối hợp với các lực lượng khác (cha mẹ HV, GV bộ môn khác, GVCN, cán bộ Đoàn, cán bộ lớp,...) trong việc giám sát, đánh giá kết quả thực hành, rèn luyện của mỗi em.

- Thực tế cho thấy khó đánh giá kết quả thực hiện bài tập này, do đó GV nên cùng HV xây dựng thang đánh giá, bảng kiểm chi tiết.

- Bên cạnh đánh giá của GV nên áp dụng thêm phương pháp tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

### **3.3. Bảng kiểm tra**

Bảng kiểm tra (bảng kiểm) yêu cầu người đánh giá trả lời câu hỏi đơn giản: Có - Không. Đó là phương pháp ghi lại xem một phẩm chất có biểu hiện hay không hoặc một hành vi/kĩ năng có được thực hiện hay không.

Ví dụ:

## PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Họ và tên người tự đánh giá.....

Lớp.....

Thời điểm	Việc cần làm	Có	Không
Lập kế hoạch	Xác định mục tiêu tài chính		
	Đánh giá năng lực tài chính của cá nhân		
	Nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống		
Thực hiện kế hoạch	Ghi chép đầy đủ các khoản thu chi cá nhân		
	Thiết lập qui tắc thu chi cá nhân		
	Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân		

Bảng kiểm tra thường được sử dụng trong phương pháp quan sát nhiều hơn là các hình thức kiểm tra viết và kiểm tra miệng. Bảng kiểm tra cũng có ích trong việc đánh giá những kĩ năng thực hành, nếu nó được chia ra thành những hành động cụ thể.

Trong đánh giá thực hành, bảng kiểm tra có thể được thiết kế theo các bước sau:

- Xác định từng hành vi cụ thể trong hoạt động thực hành
- Có thể thêm vào những hành vi làm sai nếu nó có ích cho việc đánh giá
- Sắp xếp các hành vi theo đúng thứ tự diễn ra
- Có hướng dẫn cách đánh dấu những hành vi khi hành vi đó xuất hiện (hoặc đánh số thứ tự các hành vi theo trình tự thực hiện).

Ngoài việc đánh giá những kĩ năng thực hành, bảng kiểm tra còn được sử dụng để đánh giá sản phẩm. Trong trường hợp đánh giá sản phẩm, bảng kiểm tra thường bao gồm một dãy những đặc điểm mà một sản phẩm hoàn

thiện cần có. GV đánh giá bằng cách kiểm tra xem từng đặc điểm liệt kê trong thang đo có ở sản phẩm của HV hay không.

Trong lĩnh vực phát triển những kỹ năng xã hội, bảng kiểm tra có thể là một công cụ thuận tiện để ghi lại những bằng chứng về sự tiến bộ của HV ứng với một mục tiêu học tập nhất định. Thông thường bảng kiểm tra sẽ liệt kê ra những hành vi điển hình cho mục tiêu cần đánh giá và GV quan sát xem những hành vi đó có hay không.

### **3.4. Thang đánh giá**

Thang đánh giá (thang đo) là công cụ đo lường mức độ mà HV đạt được ở mỗi đặc điểm, hành vi về khía cạnh/lĩnh vực cụ thể nào đó. Thang đo đòi hỏi người đánh giá chỉ ra mức độ biểu hiện của một phẩm chất hoặc mức độ thường xuyên của một hành vi/kỹ năng hoặc dùng để đánh giá sản phẩm, quá trình hoạt động nào đó ở HV. Vì vậy, thang đánh giá thường được sử dụng trong phương pháp quan sát, đánh giá giá sản phẩm học tập, đánh giá thực hành, đánh giá sự phát triển những kỹ năng xã hội và các năng lực, phẩm chất của cá nhân. Đây là một công cụ giúp GV và các lực lượng giáo dục khác tham gia đánh giá hoặc công cụ để HV tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Giá trị của nó trong việc đánh giá hoạt động học tập, rèn luyện của HV phụ thuộc vào việc nó có được xây dựng tốt hay không và có được sử dụng hợp lý hay không. Cũng giống như mọi công cụ đo lường khác, thang đo cần phải được xây dựng dựa trên những mục tiêu dạy học. Nó chỉ nên dùng khi người quan sát có điều kiện thu thập đầy đủ thông tin ghi trên thang đo.

Có 3 hình thức biểu hiện cơ bản của thang đánh giá là: thang đánh giá dạng số, thang đánh giá dạng đồ thị và thang đánh giá dạng mô tả.

#### ***a) Thang đánh giá dạng số***

Đây là một trong những loại thang đo đơn giản nhất. Người sử dụng đánh dấu hoặc khoanh vào một con số chỉ mức độ biểu hiện của một phẩm chất ở HV. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả bằng lời và sự mô tả này thống nhất ở tất cả các câu trong thang đo. Đôi khi người sử dụng

thang đo chỉ được chỉ dẫn rằng con số to nhất là chỉ mức độ cao nhất, con số nhỏ nhất là chỉ mức độ thấp nhất, những số ở giữa là chỉ các giá trị trung bình.

Thang đo dạng số được sử dụng khi những đặc điểm, phẩm chất đưa ra có thể được phân loại thành một số lượng nhất định các mức độ (thông thường là 5 mức độ) và có sự thống nhất về giá trị mà mỗi con số đại diện.

Ví dụ 1:

### **PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM**

Họ và tên người tự đánh giá..... Lớp.....

(Trong đó: 5 – mức rất tốt; 4 – mức tốt, 3 – mức khá, 2 - trung bình, 1 - mức yếu).

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Hợp tác với bạn bè					
2	Chủ động, tích cực trong công việc					
3	Đề xuất ý kiến/ý tưởng mới					
4	Hoàn thành công việc được giao					

Ví dụ 2: Hãy tự đánh giá việc bản thân đã thực hiện tôn trọng sự thật, bằng cách đánh dấu X vào 1 trong các ô trống dưới đây (Mức 5 là cao nhất):

Mức 1       Mức 2       Mức 3       Mức 4       Mức 5

#### ***b) Thang đánh giá dạng đồ thị***

- Thang đo dạng đồ thị biểu thị các mức độ biểu hiện của hành vi theo một trục đường thẳng. Người quan sát đánh dấu vào đoạn thẳng đó. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những vị trí nhất định trên đoạn thẳng nhưng người đánh giá vẫn có thể đánh dấu vào điểm giữa các mức độ trên đoạn thẳng đó.

## Ví dụ. PHIẾU ĐÁNH GIÁ VIỆC THAM GIA HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ

Họ và tên người được đánh giá..... Lớp.....

Họ và tên người đánh giá.....Lớp.....

Hãy chỉ ra mức độ mà HV tham gia vào hoạt động tập thể trong tháng 11 bằng cách đánh dấu X vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi.

1) Tần suất HV tham gia vào hoạt động tập thể ở mức độ nào?

--	--	--	--	--

Rất thường xuyên

Thường xuyên

Thỉnh thoảng

Hiếm khi

Không bao giờ

2) Kết quả HV tham gia vào hoạt động tập thể ở mức độ nào?

--	--	--	--	--

Rất Tốt

Tốt

Khá

Đạt yêu cầu

Chưa đạt yêu cầu

- Các mức độ trên thang đo đồ thị có thể giống nhau ở tất cả các câu hỏi nhưng cũng có thể mỗi câu hỏi có một cách thể hiện mức độ khác nhau. Mặc dù mô tả mức độ theo dạng đường thẳng có thể đánh dấu vào khoảng giữa của những mức độ đánh giá giúp cho việc đánh giá chính xác hơn. Tuy nhiên sử dụng một từ để thể hiện mức độ trên thang đo cũng không rõ ràng hơn những con số. Mỗi người có thể có cách hiểu khác nhau về “thỉnh thoảng” và “thường xuyên”; do đó người ta có thể sử dụng thang đánh giá dạng đồ thị có mô tả.

### *c) Thang đánh giá dạng đồ thị có mô tả*

Thang đánh giá dạng đồ thị có mô tả sử dụng những cụm từ mô tả để xác định các mức độ trên đoạn thẳng. Sự mô tả này chỉ ra những khác biệt trong biểu hiện hành vi của HV ở những mức độ khác nhau. Một số thang

đánh giá chỉ mô tả điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối. Một số thang đánh giá khác mô tả dưới mỗi điểm của đoạn thẳng. Đôi khi có một đoạn trống ở dưới mỗi câu hỏi để người quan sát cho thêm ý kiến về cách lựa chọn mức độ của mình.

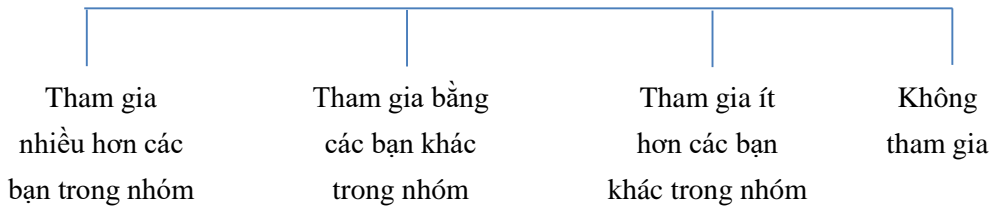
Ví dụ. PHIẾU ĐÁNH GIÁ VIỆC THAM GIA HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ

Họ và tên người được đánh giá..... Lớp.....

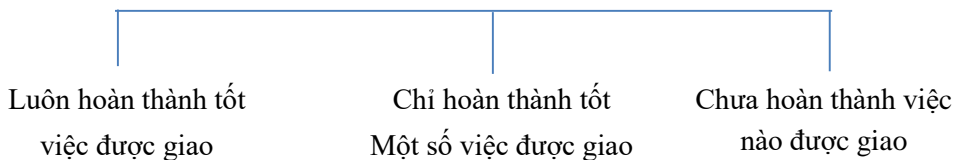
Họ và tên người đánh giá.....Lớp.....

Hãy chỉ ra mức độ mà HV tham gia vào hoạt động tập thể trong tháng 11 bằng cách đánh dấu X vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi. Ở phần nhận xét hãy ghi thêm những gì giải thích cho cách đánh giá của em.

1) HV tham gia vào hoạt động tập thể ở mức độ nào?



2) Kết quả HV tham gia vào hoạt động tập thể ở mức độ nào?



Việc mô tả càng chi tiết thì việc đánh giá càng chính xác. Vì vậy thang đánh giá dạng đồ thị có mô tả là dạng thang đo tốt nhất đang được sử dụng trong nhà trường. Nó giải thích rõ cho GV và HV những hành vi cụ thể tương ứng với những mức độ được đánh giá và hướng tới hành vi tốt nhất cần phải đạt tới. Để việc chấm điểm thuận lợi, chúng ta có thể đánh số vào mỗi vị trí của thang đo này.

**\* Lưu ý:**

Đánh giá bằng thang đánh giá trong môn GD kinh tế và pháp luật cấp THPT cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Những tiêu chí của thang đo cần phải là những nội dung dạy học và giáo dục quan trọng.

- Những mô tả trong thang đo phải là những bằng chứng có thể trực tiếp quan sát được.

- Các mức độ và mô tả mức độ của thang đo phải được định nghĩa rõ ràng.

- Nên đưa ra từ 3 đến 5 mức độ trong thang đo và cho phép người sử dụng thang đo đánh dấu vào khoảng giữa các mức độ.

- Nên cho phép người sử dụng thang đo bỏ qua những câu mà họ cảm thấy không có đủ bằng chứng để đánh giá.

- Nếu có thể, nên kết hợp kết quả đánh giá của nhiều người quan sát trên cùng một đối tượng.

### **3.5. Bảng đánh giá theo tiêu chí**

Trong đánh giá dựa trên tiêu chí, hoạt động học tập của HV được so sánh với mục tiêu học tập cố định, ở đó xác định rõ ràng những gì HV cần biết, cần hiểu và có thể làm. Các tiêu chí (dựa theo mục tiêu hoặc chuẩn) là cơ sở đánh giá thành công và tiến bộ trong học tập của HV. Các tiêu chí xác định rõ các yêu cầu cơ bản hay sản phẩm cần đạt được trong quá trình học tập.

Bảng đánh giá theo tiêu chí (Rubrick) là bảng thang điểm chi tiết mô tả đầy đủ các tiêu chí mà người học cần phải đạt được. Nó là một công cụ đánh giá khá chính xác mức độ đạt chuẩn của HV và cung cấp thông tin phản hồi để HV tiến bộ không ngừng. Đây chính là một công cụ đánh giá thể hiện các yêu cầu về chất lượng. Bảng đánh giá này dựa trên các tiêu chí để xác định rõ về thành tích đạt được so với chuẩn đầu ra hay mục tiêu đã đề ra, thay vì được xếp hạng trên cơ sở kết quả thu được của những HV thuộc mẫu khảo sát.

Khi đánh giá theo tiêu chí, chất lượng thành tích không phụ thuộc vào mức độ cao thấp về năng lực của những người khác nhau, mà phụ thuộc vào mức độ cao thấp của chính người được đánh giá so với các tiêu chí cụ thể. Nhờ đó có thể xác định được những gì HV biết, hiểu và có thể làm.

### **3.5.1. Xây dựng bảng đánh giá theo tiêu chí**

Một tiêu chí tốt cần có những đặc trưng: Được phát biểu rõ ràng; Ngắn gọn; Quan sát được; Mô tả hành vi; Được viết sao cho HV hiểu được. Hơn nữa phải chắc chắn rằng mỗi tiêu chí là riêng biệt, đặc trưng cho dấu hiệu của bài kiểm tra.

Nội dung bảng đánh giá theo tiêu chí là một tập hợp các tiêu chí liên hệ với mục tiêu học tập và được sử dụng để đánh giá hoặc thông báo về sản phẩm, năng lực thực hiện hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bảng này bao gồm một hoặc nhiều khía cạnh như năng lực thực hiện được đánh giá, các khái niệm hoặc ví dụ làm sáng tỏ yếu tố đang được đánh giá. Các khía cạnh được gọi là **tiêu chí**, thang đánh giá gọi là **mức độ** và định nghĩa được gọi là **thông tin mô tả**.

- Nếu cần phân biệt giữa hai thái cực: người học “đạt” và “chưa đạt” thì nên sử dụng các mức độ theo số chẵn (thường là 4 và 6). Còn nếu muốn có một mức năng lực trung bình thì sử dụng các mức độ theo số lẻ.

- Bảng đánh giá theo tiêu chí gồm các mức độ của năng lực thực hiện và các thông tin mô tả ứng dụng với mỗi mức độ.

+ Các mức độ có thể là số chẵn: Tốt / Khá / Đạt yêu cầu / Chưa đạt yêu cầu; hoặc Bắt đầu / Đang phát triển / Hoàn thiện / Mẫu mực.

+ Các mức độ có thể là số lẻ, như kiểu thang Likert 5 mức độ, tương ứng với các điểm số từ 1 – 5, trong đó điểm 1 là thấp nhất, điểm 5 là cao nhất.



Ví dụ:

### **Bảng tiêu chí đánh giá cuộc thi: Hùng biện “Hiệp sĩ môi trường”**

(Về chủ đề: Tác động của phát triển kinh tế đối với môi trường tự nhiên - Lớp 11)

Nội dung	Tiêu chí	Mức độ				
		1	2	3	4	5
Áp phích	Truyền đạt được mục tiêu, nội dung của chủ đề					
	Có thông điệp rõ ràng					
	Các hình ảnh liên quan và có ý nghĩa đến nội dung chủ đề					
	Bố cục, màu sắc sắp xếp hài hòa, hợp lý					
	Sử dụng hình ảnh, văn bản độc đáo, hấp dẫn, ấn tượng					
Hùng biện	Nội dung bài hùng biện xúc tích, đúng với nội dung chủ đề					
	Phong cách tự tin, thoát ly văn bản					
	Sáng tạo trong cách triển khai vấn đề, đưa ra giải pháp					
	Đảm bảo thời gian thuyết trình					

#### **3.5.2. Nguyên tắc thiết kế bảng đánh giá theo tiêu chí**

- Các mô tả tiêu chí cần phải được diễn đạt theo phổ đi từ mức cao nhất đến mức thấp nhất hoặc ngược lại.

- Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được ranh giới giữa các mức độ hoàn thành đối với từng HV và giữa các HV với nhau.

- Các mô tả tiêu chí cần phải thể hiện được hết các đặc tính khía cạnh của hoạt động hoặc kết quả sản phẩm thực hiện theo mục tiêu.

- Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được những định hướng mà HV hoặc GV cần hướng tới để thực hiện mục tiêu, giúp họ tự đánh giá và cùng đánh giá.

### 3.5.3. Quy trình thiết kế bảng đánh giá theo tiêu chí

- Bước 1. Xác định mục tiêu đánh giá.
- Bước 2. Xác định các tiêu chí cùng HV:
  - + Liệt kê các tiêu chí và thảo luận để lựa chọn, phân loại tiêu chí, từ đó xác định các tiêu chí cần thiết.
  - + Bổ sung thông tin cho từng tiêu chí.
  - + Phân chia các mức độ của mỗi tiêu chí. Các mức độ phân bậc này cần mô tả chính xác mức độ chất lượng tương ứng.
  - + Gắn điểm cho mỗi mức độ, điểm cao nhất ứng với mức cao nhất
  - + Lập bảng đánh giá theo tiêu chí
- Bước 3. Áp dụng thử.
- Bước 4. Điều chỉnh bảng đánh giá cho phù hợp dựa trên thông tin phản hồi từ việc áp dụng thử.
  - Bước 5. Sử dụng bảng đánh giá cho hoạt động tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV.
  - Bước 6. Điều chỉnh công việc dựa trên thông tin phản hồi thu được.

### 3.5.4. Tiêu chuẩn đánh giá một bảng đánh giá theo tiêu chí tốt

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn cần đạt
	Phạm trù đánh giá	Các tiêu chí đánh giá phản ánh đầy đủ nội dung, mục tiêu học tập không?
	Mức độ	Hướng dẫn có các mức độ khác nhau được đặt tên và giá trị điểm số phù hợp không?
	Tiêu chí	Các thông tin có mô tả rõ ràng, thể hiện theo một chuỗi liên kết và đảm bảo cho sự phát triển của HV không?
	Thân thiện với HV	Ngôn ngữ có rõ ràng, dễ hiểu đối với HV không?
	Thân thiện với GV	Có dễ sử dụng với GV không?
	Tính phù hợp	Có thể đánh giá sản phẩm công việc được không? Nó có thể được sử dụng để đánh giá nhu cầu không? HV có thể xác định dễ dàng những lĩnh vực phát triển cần thiết không?

## 4. XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

### 4.1. Xây dựng bản đặc tả

#### a) Khái niệm bản đặc tả

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

#### b) Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

##### (i) Mục đích của đề kiểm tra

Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.

Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.

Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.

Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.

Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đã đề ra.

Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.

Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

(ii) Hệ mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá

Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học.

Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra

Đây là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

(iv). Cấu trúc đề kiểm tra

Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi<sup>11</sup>.

*c) Các bước cơ bản xây dựng bảng đặc tả đề kiểm tra như sau:*

Bước 1. Liệt kê tên các chủ đề, đơn vị kiến thức cần kiểm tra;

---

<sup>11</sup>Bộ GD&ĐT (2020). Tài liệu tập huấn *Hướng dẫn xây dựng ma trận, đặc tả và đề kiểm tra định kì theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS cấp THPT* môn GDCD.

- Bước 2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;  
 Bước 3. Xác định số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức;  
 Bước 4. Đánh giá lại bảng đặc tả và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

*d) Mẫu bảng đặc tả đề kiểm tra*

MẪU BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA .....  
 MÔN: ..... – THỜI GIAN LÀM BÀI: .....

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nội dung 1	1.1.....	Nhận biết: ..... ..... Thông hiểu: ..... ..... Vận dụng: ..... ..... Vận dụng cao: ..... .....	...	...	...	...
		1.2.....	..... ..... .....				
2	Nội dung 2	2.1.....	..... ..... .....				
		2.2.....	..... .....				
Tổng				.....	.....	.....	.....

**4.2. Xây dựng ma trận đề (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra)**

*a. Khái niệm ma trận đề kiểm tra*

Ma trận đề là một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của HV theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

- Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.

- Có nhiều phiên bản ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

*b. Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra*

Cấu trúc 1 bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

Tên Bảng ma trận- Ký hiệu (nếu cần)

- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes)

+ Cấu trúc và tỷ trọng từng phần

+ Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)

✓ Dạng thức câu hỏi

✓ Lĩnh vực kiến thức

✓ Cấp độ/thang năng lực đánh giá

✓ Thời gian làm dự kiến của từng câu hỏi

✓ Vị trí câu hỏi trong đề kiểm tra

- Các thông tin hỗ trợ khác

*c. Thông tin cơ bản của ma trận đề kiểm tra:*

- Mục tiêu đánh giá (chương trình)

- Lĩnh vực, phạm vi kiến thức (Content)

- Thời lượng (cả đề kiểm tra, từng phần kiểm tra)

- Tổng số câu hỏi

- Phân bố câu hỏi theo lĩnh vực, phạm vi kiến thức, mức độ khó, mục tiêu đánh giá.

- Các lưu ý khác...

*d) Các bước cơ bản thiết lập ma trận đề kiểm tra như sau:*

B1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;

- Xác định các nội dung cần kiểm tra trong đề kiểm tra.

- Liệt kê các chủ đề/bài học cần kiểm tra vào bảng ma trận.

B2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;

*Căn cứ để xác định chuẩn:* Chương trình môn GD kinh tế và pháp luật cấp THPT của Bộ GD&ĐT năm 2018.

- *Xác định các chuẩn cần đánh giá*

- *Viết chuẩn vừa xác định vào các mức độ tư duy tương ứng trong ma trận.*

B3. Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...);

B4. Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra;

- *Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra, căn cứ vào mức độ quan trọng của các nội dung trong từng bài và thời lượng quy định trong phân phối chương trình, tỉ lệ % tổng điểm của mỗi bài.*

- *Viết tỉ lệ % tổng điểm của mỗi bài đã xác định vào bảng ma trận:*

Bước 5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %;

Bước 6. Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng;

Căn cứ vào các chuẩn, tỉ lệ %, tổng số điểm, tổng số câu cho mỗi bài/chủ đề đã xác định và điền số điểm và số câu cho mỗi chuẩn được xác định vào ma trận.

Bước 7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;

Bước 8. Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;

Bước 9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

*(Các khung ma trận đề kiểm tra và hướng dẫn cụ thể được thể hiện chi tiết trong Công văn số 8773 của Bộ GD&ĐT).*

## e) Mẫu ma trận đề

MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA .....  
MÔN: ..... – THỜI GIAN LÀM BÀI: ..... phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng			% tổng điểm		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN		TL	Thời gian (phút)
1	Nội dung 1	1.1..... .....												
2	Nội dung 2	2.1..... 2.2..... .....												
3	.....	.....												
<b>Tổng</b>														
Tỉ lệ (%)														
Tỉ lệ chung (%)														

### 4.3. Cách tính điểm

a) Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan

**Cách 1:** Lấy điểm toàn bài là 10 điểm và chia đều cho tổng số câu hỏi.

*Ví dụ:* Nếu đề kiểm tra có 40 câu hỏi thì mỗi câu hỏi được 0,25 điểm.

**Cách 2:** Tổng số điểm của đề kiểm tra bằng tổng số câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, mỗi câu trả lời sai được 0 điểm.

Sau đó quy điểm của HV về thang điểm 10 theo công thức:

$$\frac{10X}{X_{max}}, \text{ trong đó } \begin{array}{l} + X \text{ là số điểm đạt được của HV;} \\ + X_{max} \text{ là tổng số điểm của đề.} \end{array}$$

*Ví dụ:* Nếu đề kiểm tra có 40 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, một HV làm được 32 điểm thì quy về thang điểm 10 là:  $\frac{10.32}{40} = 8$  điểm.

b) Đề kiểm tra kết hợp hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan

**Cách 1:** Điểm toàn bài là 10 điểm. Phân phối điểm cho mỗi phần TL, TNKQ theo nguyên tắc: số điểm mỗi phần tỉ lệ thuận với thời gian dự kiến HV hoàn thành từng phần và mỗi câu TNKQ có số điểm bằng nhau.



*Ví dụ:* Nếu đề dành 30% thời gian cho TNKQ và 70% thời gian dành cho TL thì điểm cho từng phần lần lượt là 3 điểm và 7 điểm. Nếu có 12 câu TNKQ thì mỗi câu trả lời đúng sẽ được  $\frac{3}{12} = 0,25$  điểm.

**Cách 2:** Điểm toàn bài bằng tổng điểm của hai phần. Phân phối điểm cho mỗi phần theo nguyên tắc: số điểm mỗi phần tỉ lệ thuận với thời gian dự kiến HV hoàn thành từng phần và mỗi câu TNKQ trả lời đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm.

Khi đó cho điểm của phần TNKQ trước rồi tính điểm của phần TL theo công thức sau:

$$X_{TL} = \frac{X_{TN} \cdot T_{TL}}{T_{TN}}, \text{ trong đó}$$

- +  $X_{TN}$  là điểm của phần TNKQ;
- +  $X_{TL}$  là điểm của phần TL;
- +  $T_{TL}$  là số thời gian dành cho việc trả lời phần TL.
- +  $T_{TN}$  là số thời gian dành cho việc trả lời phần TNKQ.

Chuyển đổi điểm của HV về thang điểm 10 theo công thức:

$$\frac{10X}{X_{max}}, \text{ trong đó}$$

- +  $X$  là số điểm đạt được của HV;
- +  $X_{max}$  là tổng số điểm của đề.

*Ví dụ:* Nếu ma trận đề dành 40% thời gian cho TNKQ và 60% thời gian dành cho TL và có 12 câu TNKQ thì điểm của phần TNKQ là 12; điểm của phần tự luận là:  $X_{TL} = \frac{12 \cdot 60}{40} = 18$ . Điểm của toàn bài là:  $12 + 18 = 30$ . Nếu một

HV đạt được 27 điểm thì quy về thang điểm 10 là:  $\frac{10 \cdot 27}{30} = 9$  điểm.

#### 4.4. Ví dụ minh họa BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ

##### 4.4.1. Ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì I - Lớp 11

###### 4.4.1.1. Ma trận

### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Mạch kiến thức	Chủ đề	Mức độ đánh giá								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu	Số câu	Tổng điểm	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Cạnh tranh, cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	7		3				1/2		1/2	10	1	3.5
		2. Lạm phát, thất nghiệp	6		2				1			8	1	3.0
2	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	3. Thị trường lao động, việc làm	7		3				1/2		1/2	10	1	3.5
<b>Tổng câu</b>			<b>20</b>		<b>8</b>				<b>2</b>		<b>1</b>	<b>28</b>	<b>3</b>	<b>10 điểm</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>50%</b>		<b>20%</b>				<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100</b>	
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>				<b>30%</b>				<b>100</b>			

#### Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

#### 4.4.1.2 Bảng đặc tả

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

TT	Mạch kiến thức	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Cạnh tranh, cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	<p><b>Nhận biết:</b>            Nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm cạnh tranh</li> <li>- Khái niệm cung</li> <li>- Khái niệm cầu</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b>            Trình bày được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến cung.</li> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu</li> </ul> <p>Phân tích được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh</li> <li>- Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.</li> <li>- Mối quan hệ của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b>            - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.</p>	7TN	3TN	1/2TL	1/2TL

		<p>- Phân tích được vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.</p>				
	<b>2. Lạm phát, thất nghiệp</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các khái niệm: lạm phát, thất nghiệp.</li> <li>- Liệt kê được các loại hình lạm phát và thất nghiệp.</li> <li>- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.</li> <li>- Mô tả được hậu quả của lạm phát, thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.</li> </ul>	6TN	2TN	1TL	

2	<b>Hoạt động kinh tế của Nhà nước</b>	<b>3. Thị trường lao động và việc làm</b>	<p><b>Nhận biết:</b> Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.</p>	7TN	3TN	1/2TL	1/2TL
<b>Tổng</b>				<b>20 TN</b>	<b>8 TN</b>	<b>2TL</b>	<b>1TL</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>50%</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

#### 4.4.2 Ma trận, đặc tả đề kiểm tra cuối kì I - Lớp 11

##### 4.4.2.1. Ma trận

### MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Cạnh tranh, cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	6		2						8	1	3.0
		2. Lạm phát, thất nghiệp											
2	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	3. Thị trường lao động và việc làm	5		2						7		1.75
3	Hoạt động sản xuất kinh doanh	4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cơ bản của người kinh doanh	6		3						9	1	2.75
		5. Đạo đức kinh doanh											

4	Hoạt động tiêu dùng	6. Văn hóa tiêu dùng	3		1		1/2		1/2	4	1	2.5
<b>Tổng câu</b>			<b>20</b>		<b>8</b>		<b>2,5</b>		<b>0,5</b>	<b>28</b>	<b>3</b>	<b>10 điểm</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>50%</b>		<b>20%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>	<b>100%</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>			<b>30%</b>			<b>100%</b>			

### Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

#### 4.4.2.2 Bảng đặc tả

## ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Cạnh tranh, cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	<b>Nhận biết:</b> Nêu được: - Khái niệm cạnh tranh - Khái niệm cung - Khái niệm cầu <b>Thông hiểu:</b> Trình bày được:				

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến cung.</li> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu</li> </ul> <p>Phân tích được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh</li> <li>- Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.</li> <li>- Mối quan hệ của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.</li> <li>- Phân tích được vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.</p>	6TN	2TN	1TL	
	<b>2. Lạm phát, thất nghiệp</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các khái niệm: lạm phát, thất nghiệp.</li> <li>– Liệt kê được các loại hình lạm phát và thất nghiệp.</li> <li>– Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.</li> </ul>				



			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.</li> <li>– Mô tả được hậu quả của lạm phát, thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp</li> </ul>				
2	<b>Hoạt động kinh tế của Nhà nước</b>	<b>3. Thị trường lao động và việc làm</b>	<p><b>Nhận biết:</b> Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa</p>	5TN	2TN		

			chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.				
3	Hoạt động sản xuất kinh doanh	4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và những năng lực cần thiết của người kinh doanh	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.</li> <li>- Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.</li> </ul>	6TN	3TN	1TL	
		5. Đạo đức kinh doanh	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được quan niệm đạo đức kinh doanh</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vai trò của đạo đức kinh doanh.</li> </ul>	6TN	2TN	1TL	

			<p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.</li> <li>- Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.</li> <li>- Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.</li> </ul>				
4	<b>Hoạt động tiêu dùng</b>	<b>6. Văn hóa tiêu dùng</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.</li> <li>- Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.</li> </ul>	3TN	1TN	1/2	1/2TL

<b>Tổng</b>		<b>20 TN</b>	<b>8 TN</b>	<b>2,5TL</b>	<b>0,5TL</b>
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>		<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Chương trình GDPT môn Giáo dục công dân.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình GDPT môn Giáo dục công dân.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH (18/12/2020) Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường.*
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, *Mô đun 3. Kiểm tra, đánh giá HV THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, môn Khoa học tự nhiên.*
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, *Mô đun 4. Xây dựng KHDH và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HV THPT, môn Giáo dục công dân.*
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quy định về đánh giá HV theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT.